

Số: 1525/UBND-TH

Bình Định, ngày 05 tháng 3 năm 2024

V/v kết quả rà soát số liệu tàu cá để xem xét điều chỉnh hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản vùng khơi trong năm 2024.

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thực hiện Văn bản số 175/BN-NT, ngày 08/01/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc rà soát số liệu tàu cá để xem xét điều chỉnh hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản vùng khơi trong năm 2024, UBND tỉnh Bình Định đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển rà soát số liệu tàu cá trên địa bàn tỉnh, kết quả như sau:

1. Tổng hợp số liệu tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m trở lên

Bình Định hiện có 6.424 tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m trở lên hoạt động khai thác thủy sản, bao gồm:

- Tàu cá đã thực hiện đăng ký: 5.357 chiếc; trong đó:

+ Tàu khai thác vùng khơi: 3.278 chiếc;

+ Tàu khai thác vùng lộng: 854 chiếc;

+ Tàu khai thác vùng bờ: 1.225 chiếc.

- Tàu cá chưa đăng ký: Tàu cá phát sinh do ngư dân tự mua mới, đóng mới trên địa bàn tỉnh (nhóm tàu 03 không): 1.067 chiếc (đã báo cáo tại Văn bản số 4429/SNN-TS ngày 22/12/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT); Trong đó:

+ Tàu khai thác vùng khơi: 02 chiếc;

+ Tàu khai thác vùng lộng: 63 chiếc;

+ Tàu khai thác vùng bờ: 1.002 chiếc.

(Phụ lục I: Tổng hợp số cá có chiều dài lớn nhất từ 6m trở lên theo nghề và theo chiều dài kèm theo)

(Phụ lục II: Tổng hợp chi tiết số lượng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên kèm theo)

2. Kết quả cấp Giấy phép khai thác thủy sản

- Cấp Giấy phép khai thác thủy sản vùng khơi: Tỉnh Bình Định được Bộ Nông nghiệp và PTNT phân bổ 3.266 hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản theo Quyết định số 1223/QĐ-BNN-TCTS. Ngoài ra, hạn ngạch vùng khơi được chuyển

từ tỉnh khác đến Bình Định là 112 hạn ngạch và của tỉnh Bình Định chuyển đi đến các tỉnh khác là 69 hạn ngạch. Tổng cộng tỉnh Bình Định hiện có 3.309 hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản vùng khơi.

UBND tỉnh Bình Định đã giao Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển và các cơ quan liên quan rà soát, thực hiện cấp phép khai thác thủy sản vùng khơi theo hạn ngạch được phân bổ. Đến nay, tỉnh Bình Định đã cấp 3.224/3.246 Giấy phép khai thác thủy sản vùng khơi cho tàu cá đã đăng ký trên hệ thống VNFishbase (chiếm 99,3%).

- Cấp Giấy phép khai thác thủy sản vùng lồng và vùng bờ:

UBND tỉnh Bình Định công bố hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản tại vùng lồng và vùng ven bờ theo Quyết định số 1809/QĐ-UBND, trong đó: Vùng lồng 1.388 Giấy phép; vùng ven bờ 1.609 Giấy phép.

Đến nay, tỉnh Bình Định đã thực hiện cấp 725/854 Giấy phép khai thác thủy sản vùng lồng (chiếm 84,89%) và 874/1.225 Giấy phép khai thác thủy sản vùng bờ (chiếm 71,47%), được cập nhật đầy đủ thông tin trên VNFishbase.

(Phụ lục III: Kết quả cấp phép khai thác thủy sản tỉnh Bình Định kèm theo)

3. Khó khăn, vướng mắc trong triển khai việc giao hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản theo quy định tại Điều 49 Luật Thủy sản năm 2017

- Việc thực hiện cấp Giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá chưa đạt 100% theo hạn ngạch vùng khơi được Bộ Nông nghiệp và PTNT phân bổ và hạn ngạch vùng lồng, vùng bờ được UBND tỉnh công bố. Nguyên nhân do một số tàu cá vùng khơi còn nằm bờ, không hoạt động khai thác thủy sản, chưa lắp đặt thiết bị giám sát hành trình; các tàu vùng bờ, vùng lồng hoạt động tại các bãi ngang, trong đầm chây ì không thực hiện các thủ tục để cấp phép KTTS,...

- Tàu cá phát sinh trên địa bàn tỉnh (nhóm tàu 03 không) có 1.067 chiếc chưa thực hiện đăng ký, đăng kiểm, cấp phép khai thác thủy sản vì bị vướng các quy định.

4. Đề xuất, kiến nghị

Để đảm bảo cho tất cả các tàu cá của tỉnh hoạt động theo đúng quy định và thực hiện các giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, UBND tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT một số nội dung sau:

- Phân bổ hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản vùng khơi cho 3.280 tàu cá tại Bình Định đảm bảo hoạt động theo quy định.

- Hướng dẫn thực hiện đăng ký, đăng kiểm, cấp phép khai thác thủy sản cho 1.067 tàu cá phát sinh (tàu cá 03 không) để tạo điều kiện cho tàu hoạt động và quản lý theo quy định.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT xem xét,
chỉ đạo./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
 - CT UBND tỉnh;
 - PCT TT UBND tỉnh Nguyễn Tuấn Thanh;
 - Sở Nông nghiệp và PTNT;
 - CVP;
 - Lưu: VT, K13 (14b).
- 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục I

TỔNG HỢP SỐ LIỆU TÀU CÁ CÓ CHIỀU DÀI LỚN NHẤT TỪ 06 MÉT TRỞ LÊN CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày / /2024 của UBND tỉnh Bình Định)

Đvt: Chiếc

TT	Nội dung	Tàu cá có đăng ký										Tàu cá phát sinh, không có đăng ký (Nhóm tàu 3 không)					
		Tàu cá có đăng ký trên VNFishbase					Tàu cá đã xóa đăng ký, chủ tàu chưa rút hồ sơ gốc và làm thủ tục chuyển hạn ngạch (không còn trên VNFishbase)					Tàu cá đã được cấp văn bản chấp thuận nhập từ tỉnh khác về					
		Số lượng tàu cá theo chiều dài				Tổng	Số lượng tàu cá theo chiều dài				Tổng	Số lượng tàu cá theo chiều dài				Tổng	
		6-<12m	12-<15m	15-<24m	24m trở lên		6-<12m	12-<15m	15-<24m	24m trở lên		6-<12m	12-<15m	15-<24m	24m trở lên		
1	Nghề lưới kéo	9	242	63		314			2		2					0	524130
2	Nghề lưới vây	74	149	1.035	28	1.286			7	5	12			2		2	2914543
3	Nghề lưới rê	362	50	57	1	470					0					0	2715276
4	Nghề câu (trừ nghề câu cá ngừ đại dương)	247	292	204		743					0					0	1366142
5	Nghề câu cá ngừ đại dương		9	1.448		1.457			1		1			5		5	500
6	Nghề lưới chụp		17	255	16	288			1	7	8			2		2	200
7	Nghề hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản	45	73	101	2	221					0					0	000
8	Nghề khác	488	22	36		546					0					0	561141576
Tổng cộng		1.225	854	3.199	47	5.325	0	0	11	12	23	0	0	9	0	9	1.00263201.067

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH

Phụ lục II
TỔNG HỢP CHI TIẾT SỐ LƯỢNG TÀU CÁ CÓ CHIỀU DÀI LỚN NHẤT TỪ 15 MÉT TRỞ LÊN
(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày / /2024 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Họ tên chủ tàu	Thông tin về tàu cá							Ghi chú
		Số đăng ký tàu	Chiều dài lớn nhất (m)	Tổng công suất (cv)	Vật liệu (Vỏ/thép/compusite)	Năm đóng	Số giấy phép khai thác	Nghề hoạt động	
1	Nguyễn Thành Học	BĐ-93903-TS	15,4	400	Gỗ	1995	122/2023/BĐ-GPKTTS	Câu	
2	Nguyễn Tấn Hoàng	BĐ-91025-TS	17,5	500	Gỗ	1997	2920/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3	Phạm Thị Thúy	BĐ-92183-TS	15,1	230	Gỗ	1998	268/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
4	Văn Công Việt	BĐ-91189-TS	19,9	900	Gỗ	1998	1392/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
5	Nguyễn Tấn Thiện	BĐ-91287-TS	18,6	545	Gỗ	1994	749/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
6	Nguyễn Việt Hằng	BĐ-91324-TS	18,3	720	Gỗ	1993	1915/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
7	Nguyễn Thị Tín	BĐ-93999-TS	17,2	790	Gỗ	1994	100/2023/BĐ-GPKTTS	Câu	
8	Nguyễn Việt Hằng	BĐ-91010-TS	19,4	700	Gỗ	1994	1912/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
9	Nguyễn Trọng Đức	BĐ-91554-TS	16	270	Gỗ	1998	575/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
10	Lê Ngọc Vàng	BĐ-91185-TS	15,9	675	Gỗ	1995	2045/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
11	Nguyễn Bút	BĐ-91599-TS	17	740	Gỗ	2000	125/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
12	Phạm Văn Hải	BĐ-91263-TS	15,5	299	Gỗ	2002	139/2021/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
13	Võ Văn Dồn	BĐ-91129-TS	17,7	732	Gỗ	2002	2202/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
14	Võ Văn Nhượng	BĐ-91120-TS	15,7	400	Gỗ	2002	1926/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
15	Đỗ Văn Nam	BĐ-92275-TS	16,8	700	Gỗ	2003	326/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
16	Nguyễn Thành Bạo	BĐ-91178-TS	18,7	740	Gỗ	2003	78/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
17	Trần Rê	BĐ-91591-TS	16,1	380	Gỗ	2003	Chưa cấp Giấy phép	Lưới vây	
18	Nguyễn Văn Bình	BĐ-91125-TS	15,7	270	Gỗ	2004	1791/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
19	Cao Văn Hùng	BĐ-91192-TS	16,5	410	Gỗ	1997	2898/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
20	Phạm Thanh Hạ	BĐ-91048-TS	15	260	Gỗ	2003	451/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
21	Mai Xuân Miên	BĐ-91535-TS	15,7	360	Gỗ	1997	3222/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
22	Nguyễn Thị Tuyết Anh	BĐ-91589-TS	15,2	260	Gỗ	2004	1748/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	

23	Hồ Văn Dũng	BĐ-92050-TS	16,5	410	Gỗ	2004	3583/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
24	Trần Thanh	BĐ-91054-TS	16,35	575	Gỗ	2004	1794/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
25	Văn Bá Sĩ	BĐ-92365-TS	16,65	400	Gỗ	2004	701/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
26	Phạm Văn Trinh	BĐ-91258-TS	17,1	425	Gỗ	2004	702/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
27	Cao Thành Trọng	BĐ-91286-TS	16,6	360	Gỗ	2005	1411/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
28	Đỗ Thị Thu Nguyệt	BĐ-91162-TS	15,7	315	Gỗ	1994	3048/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
29	Văn Bá Thành	BĐ-91259-TS	16,45	460	Gỗ	2004	3684/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
30	Trương Xuân Toàn	BĐ-91083-TS	15,1	400	Gỗ	2005	3286/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
31	Trần Thị Bông	BĐ-91173-TS	18,05	735	Gỗ	2004	2921/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
32	Võ Văn Hùng	BĐ-91264-TS	15,2	260	Gỗ	2005	1832/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
33	Hà Chí	BĐ-91204-TS	16,5	410	Gỗ	2004	2726/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
34	Nguyễn Ngọc Lay	BĐ-92293-TS	15	130	Gỗ	2005	1717/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
35	Nguyễn Văn Thảo	BĐ-91134-TS	16,7	444	Gỗ	2004	2037/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
36	Hồ Xuân Chiến	BĐ-91147-TS	15,4	400	Gỗ	2005	1630/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
37	Hồ Xuân Vinh	BĐ-92263-TS	18,5	536	Gỗ	2005	311/2021/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
38	Nguyễn Văn Dũng	BĐ-91212-TS	17,1	735	Gỗ	2005	2281/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
39	Trần Văn Cư	BĐ-91044-TS	19,4	750	Gỗ	2006	3153/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
40	Hà Văn Thành	BĐ-91165-TS	17,1	270	Gỗ	2006	2720/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
41	Phạm Hay	BĐ-91203-TS	18,5	488	Gỗ	1999	3680/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
42	Phan Thành Sự	BĐ-91077-TS	18,7	580	Gỗ	2005	373/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
43	Hồ Ngọc Thống	BĐ-92448-TS	16,7	738	Gỗ	2007	581/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
44	Lê Văn Thuộc	BĐ-91142-TS	17,6	580	Gỗ	2007	1975/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
45	Bùi Văn Tiên	BĐ-92314-TS	18,1	460	Gỗ	2007	3093/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
46	Nguyễn Văn Mạo	BĐ-91038-TS	18,5	400	Gỗ	2008	1789/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
47	Trần Văn Thanh	BĐ-91199-TS	18,8	580	Gỗ	2008	3723/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
48	Nguyễn Hữu Đạt	BĐ-92147-TS	18,5	718	Gỗ	2008	3786/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
49	Nguyễn Văn Hậu	BĐ-92439-TS	19,6	770	Gỗ	2008	2332/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
50	Hồ Minh Lành	BĐ-91166-TS	15,1	430	Gỗ	2001	3700/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
51	Nguyễn Văn Phong	BĐ-91527-TS	15,3	230	Gỗ	1998	459/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
52	Trương Văn Thành	BĐ-91015-TS	19,7	700	Gỗ	2009	2402/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
53	Nguyễn Văn Vinh	BĐ-91605-TS	18,4	430	Gỗ	2007	350/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	

54	Phan Thành Tài	BĐ-91084-TS	19,2	730	Gỗ	2009	3280/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
55	Đỗ Kim Dũng	BĐ-91556-TS	19,7	710	Gỗ	2009	3694/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
56	Nguyễn Quốc Tuấn	BĐ-91126-TS	18,9	760	Gỗ	2009	3283/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
57	Trương Văn Sen	BĐ-91153-TS	19,4	700	Gỗ	2009	2031/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
58	Phan Chín	BĐ-91101-TS	19,1	775	Gỗ	2009	3597/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
59	Hà Quốc Thống	BĐ-91072-TS	19,1	725	Gỗ	2009	1957/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
60	Phan Thanh Trường	BĐ-91052-TS	19,9	770	Gỗ	2009	2606/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
61	Phan Thanh Tinh	BĐ-91063-TS	19,4	850	Gỗ	2009	2604/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
62	Nguyễn Xuân Khánh	BĐ-91586-TS	19,2	925	Gỗ	2009	2603/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
63	Trần Đình Nguyên	BĐ-91667-TS	20,1	728	Gỗ	2010	901/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
64	Nguyễn Đình Lộc	BĐ-91051-TS	18,8	882	Gỗ	2009	3403/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
65	Đỗ Thị Phụng	BĐ-98918-TS	19,1	800	Gỗ	2009	1553/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
66	Trần Minh Thiệu	BĐ-91108-TS	18,9	610	Gỗ	2009	2581/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
67	Nguyễn Chí Thành	BĐ-91277-TS	20	1000	Gỗ	2010	1552/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
68	Dương Minh Định	BĐ-91266-TS	19	795	Gỗ	1992	799/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
69	Trương Phi	BĐ-92444-TS	18,2	750	Gỗ	2006	2132/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
70	Hồ Xuân Lợi	BĐ-91323-TS	15,9	685	Gỗ	2011	341/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
71	Nguyễn Tấn Bình	BĐ-91579-TS	22,1	730	Gỗ	2011	1471/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
72	Phan Thanh Long	BĐ-91333-TS	19,9	708	Gỗ	2011	1446/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
73	Phạm Bé	BĐ-91338-TS	19,9	758	Gỗ	2011	306/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
74	Trương Văn Thảo	BĐ-91342-TS	19,6	730	Gỗ	2012	153/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
75	Lê Văn Cu	BĐ-91347-TS	19,6	718	Gỗ	2012	1827/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
76	Phan Cảnh	BĐ-91349-TS	19,9	744	Gỗ	2012	2854/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
77	Nguyễn Đậu	BĐ-91356-TS	17,5	360	Gỗ	2012	1896/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
78	Phan Thanh Nam	BĐ-91368-TS	19,9	475	Gỗ	2012	20/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
79	Nguyễn Đình Hồ	BĐ-91597-TS	19,5	740	Gỗ	2012	3034/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
80	Đỗ Minh Hải	BĐ-93805-TS	17,7	819	Gỗ	2012	1702/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
81	Phạm Đại	BĐ-91376-TS	20,5	718	Gỗ	2012	72/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
82	Phạm Hải Nam	BĐ-91386-TS	21,3	735	Gỗ	2012	3568/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
83	Nguyễn Duy Hường	BĐ-98958-TS	19,9	815	Gỗ	2012	2415/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
84	Dư Minh Đệ	BĐ-91384-TS	19,3	420	Gỗ	2003	2820/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

85	Phạm Văn Tâm	BĐ-91388-TS	19,6	900	Gỗ	2012	2692/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
86	Nguyễn Quốc Đức	BĐ-91391-TS	19,6	900	Gỗ	2013	2532/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
87	Đặng Ngọc Toàn	BĐ-91394-TS	16,2	370	Gỗ	2013	1873/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
88	Hồ Như Khương	BĐ-93950-TS	20,5	710	Gỗ	2013	24/2024/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
89	Trần Ngọc Hòa	BĐ-91397-TS	21,2	910	Gỗ	2013	2858/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
90	Huỳnh Ngọc Tùng	BĐ-91411-TS	17	355	Gỗ	1988	171/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
91	Huỳnh Văn Châu	BĐ-91573-TS	15,6	350	Gỗ	2002	2848/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
92	Phan Văn Mau	BĐ-91335-TS	15	230	Gỗ	1996	927/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
93	Trương Văn Công	BĐ-91379-TS	20,6	730	Gỗ	2014	01/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
94	Nguyễn Thanh Nam	BĐ-91423-TS	15,3	260	Gỗ	2002	833/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
95	Lâm Hữu	BĐ-91544-TS	15,1	230	Gỗ	1992	633/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
96	Cao Văn Trinh	BĐ-91431-TS	15,5	400	Gỗ	2000	2679/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
97	Đinh Văn Thạo	BĐ-91438-TS	15,9	230	Gỗ	2007	3395/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
98	Lê Ngọc Nhân	BĐ-92477-TS	19,8	475	Gỗ	2015	29/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
99	Nguyễn Việt Hằng	BĐ-99009-TS	25,03	880	Thép	2015	981/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
100	Phạm Văn Sơn	BĐ-91446-TS	17,4	225	Gỗ	2011	3850/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
101	Lục Văn Tương	BĐ-91441-TS	15,4	500	Gỗ	2009	1081/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
102	Trần Thanh	BĐ-91450-TS	16,5	600	Gỗ	2015	1773/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
103	Nguyễn Đậu	BĐ-99056-TS	25,03	880	Thép	2015	1687/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
104	Trần Trung Nhật	BĐ-93929-TS	15,2	720	Gỗ	1992	170/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
105	Nguyễn Văn Ngành	BĐ-91453-TS	17,2	705	Gỗ	2005	1451/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
106	Nguyễn Chi	BĐ-99068-TS	25,006	880	Thép	2015	1435/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
107	Nguyễn Thị Nhiều	BĐ-98387-TS	21,6	713	Gỗ	2015	315/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
108	Nguyễn Văn Vụ	BĐ-91468-TS	18,9	794	Gỗ	2016	3195/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
109	Phạm Văn Cu	BĐ-91459-TS	17	270	Gỗ	2010	3642/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
110	Nguyễn Thanh Tuấn	BĐ-92556-TS	22	713	Gỗ	2016	280/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
111	Cao Hoài Bồn	BĐ-99019-TS	21	822	CPS	2016	162/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
112	Phạm Thị Mỹ Linh	BĐ-91458-TS	16	225	Gỗ	1993	2583/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
113	Phạm Văn Tứ	BĐ-91478-TS	15,5	230	Gỗ	2004	3136/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
114	Nguyễn Văn Bình	BĐ-91463-TS	15,2	270	Gỗ	2016	1390/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
115	Đoàn Văn Đình	BĐ-91473-TS	15,5	460	Gỗ	2012	1648/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	

116	Ngô Văn Lang	BĐ-91474-TS	16,2	460	Gỗ	2000	1649/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
117	Lục Văn Tương	BĐ-91483-TS	15,5	410	Gỗ	2013	1035/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
118	Nguyễn Văn Luyến	BĐ-99028-TS	21	822	CPS	2016	1290/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
119	Nguyễn Hoàng Vinh	BĐ-91481-TS	16,5	400	Gỗ	2016	123/2021/BĐ-GPKTTS	Câu	
120	Phan Văn Thọ	BĐ-91485-TS	15,8	495	Gỗ	2004	1477/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
121	Hồ Ngọc Quy	BĐ-99089-TS	24	822	CPS	2016	1513/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
122	Hồ Minh Hiền	BĐ-91487-TS	17,2	400	Gỗ	2016	1777/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
123	Trần Văn Hiếu	BĐ-91490-TS	15,5	340	Gỗ	2005	257/2020/BĐ-GPKTTS	Câu	
124	Dương Minh Đạt	BĐ-91491-TS	16,6	320	Gỗ	2008	584/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
125	Cao Thành Tiếng	BĐ-91482-TS	17,5	400	Gỗ	2016	439/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
126	Nguyễn Bạo	BĐ-91494-TS	18	444	Gỗ	2017	310/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
127	Hồ Xuân Bơi	BĐ-91486-TS	17,1	685	Gỗ	2016	342/2020/BĐ-GPKTTS	Câu	
128	Lê Văn Cu	BĐ-91502-TS	22	910	Gỗ	2017	129/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
129	Trần Văn Sĩ	BĐ-92246-TS	15,1	400	Gỗ	1989	3696/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
130	Nguyễn Hiệp	BĐ-99117-TS	26	822	Thép	2017	3839/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
131	Phó Đức Tâm	BĐ-91603-TS	22,3	700	Gỗ	2017	1440/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
132	Nguyễn Đình Chương	BĐ-91559-TS	20	800	Gỗ	2016	3404/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
133	Đặng Ngọc Tuấn	BĐ-91511-TS	17,6	435	Gỗ	2017	2019/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
134	Phạm Văn Sinh	BĐ-91519-TS	15,6	230	Gỗ	2001	153/2021/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
135	Đỗ Xuân Hoàng	BĐ-91507-TS	15,7	360	Gỗ	2017	3501/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
136	Nguyễn Văn Rót	BĐ-91103-TS	16,1	400	Gỗ	1995	1740/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
137	Huỳnh Văn Dẫn	BĐ-91543-TS	15,7	350	Gỗ	1998	2224/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
138	Trần Thị Thanh Tới	BĐ-91568-TS	16,5	360	Gỗ	2004	376/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
139	Nguyễn Thị Mệnh	BĐ-91518-TS	16,5	315	Gỗ	1990	630/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
140	Trần Thị Lua	BĐ-91570-TS	15,3	299	Gỗ	1990	1474/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
141	Trương Hữu Tài	BĐ-93476-TS	15,2	802	Gỗ	1995	163/2020/BĐ-GPKTTS	Câu	
142	Lê Thị Loan	BĐ-93854-TS	16,2	420	Gỗ	1993	3539/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
143	Mai Khoái	BĐ-93624-TS	15,5	155	Gỗ	1992	688/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
144	Lê Văn Mãng	BĐ-93338-TS	16,25	829	Gỗ	1999	1405/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
145	Khổng Trọng Hiếu	BĐ-93616-TS	15,05	420	Gỗ	1989	714/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
146	Nguyễn Văn Hùng	BĐ-93382-TS	15,5	400	Gỗ	1994	3490/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	

147	Nguyễn Thị Huệ	BĐ-93126-TS	15,2	400	Gỗ	1992	1328/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
148	Đặng Minh Khánh	BĐ-93777-TS	15,1	400	Gỗ	1988	3489/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
149	Nguyễn Văn Long	BĐ-93798-TS	15	450	Gỗ	1995	3528/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
150	Nguyễn Văn Châu	BĐ-93544-TS	15,25	420	Gỗ	1994	2227/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngừ	
151	Huỳnh Văn Đoàn	BĐ-93416-TS	15,4	400	Gỗ	1994	1467/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
152	Đặng Thị Hương	BĐ-93943-TS	15,05	400	Gỗ	1993	15/2023/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
153	Lê Thế Lương	BĐ-93647-TS	15,6	400	Gỗ	1992	1403/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
154	Nguyễn Văn Quan	BĐ-31148-TS	15	400	Gỗ	1992	716/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
155	Ngô Hay	BĐ-93082-TS	15,3	700	Gỗ	1994	2380/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
156	Nguyễn Thị Đào	BĐ-93872-TS	15,9	710	Gỗ	1994	3357/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
157	Nguyễn Văn Công	BĐ-93861-TS	17,2	720	Gỗ	1998	381/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngừ	
158	Phan Thanh Giảng	BĐ-93661-TS	15,05	740	Gỗ	1992	3319/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
159	Nguyễn Thị Thái Sinh	BĐ-93888-TS	15,1	420	Gỗ	1996	3544/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
160	Đỗ Đình Khởi	BĐ-31186-TS	15,1	400	Gỗ	1992	705/2020/BĐ-GPKTTS	Câu	
161	Lê Văn An	BĐ-93821-TS	15,4	400	Gỗ	1993	282/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngừ	
162	Đinh Thị Lan	BĐ-31025-TS	15	775	Gỗ	1998	319/2020/BĐ-GPKTTS	Câu	
163	Huỳnh Anh Ứng	BĐ-93568-TS	15,7	444	Gỗ	1992	1699/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
164	Dương Văn Đa	BĐ-93451-TS	16,2	785	Gỗ	1993	2023/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
165	Nguyễn Xương	BĐ-93782-TS	15,25	700	Gỗ	1991	3836/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
166	Ngô Văn Minh	BĐ-93254-TS	16,6	735	Gỗ	1991	3739/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
167	Trần Thanh Hải	BĐ-93838-TS	15,4	420	Gỗ	1995	574/2020/BĐ-GPKTTS	Câu	
168	Huỳnh Hữu Giao	BĐ-93806-TS	15	420	Gỗ	1995	174/2020/BĐ-GPKTTS	Câu	
169	Phan Thích	BĐ-93588-TS	15	420	Gỗ	1996	3701/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
170	Võ Khánh Sang	BĐ-93188-TS	17,1	230	Gỗ	1994	838/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
171	Võ Văn Mẫn	BĐ-93809-TS	15	450	Gỗ	1993	167/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
172	Nguyễn Văn Hùng	BĐ-30369-TS	15,1	420	Gỗ	1991	1317/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
173	Trần Thanh Tôn	BĐ-93494-TS	15,1	710	Gỗ	1995	2091/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
174	Nguyễn Hiệp	BĐ-31081-TS	15,6	299	Gỗ	1993	300/2021/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
175	Khổng Văn Minh	BĐ-93515-TS	15,1	420	Gỗ	1992	3521/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
176	Nguyễn Văn Luận	BĐ-93252-TS	15,2	230	Gỗ	1994	1614/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
177	Trương Đình Đức	BĐ-30875-TS	15,2	790	Gỗ	1997	24/2020/BĐ-GPKTTS	Câu	

178	Nguyễn Thị Tuyết	BĐ-93479-TS	15,2	730	Gỗ	1995	1160/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
179	Nguyễn Nhày	BĐ-93674-TS	16,7	168	Gỗ	1993	99/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
180	Nguyễn Thị Ngọc Bích	BĐ-30916-TS	15,2	500	Gỗ	1992	1213/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
181	Phạm Thị Hoa	BĐ-93859-TS	15,1	775	Gỗ	1991	3480/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
182	Phù Minh Tân	BĐ-93793-TS	15,7	460	Gỗ	1995	3492/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
183	Lê Thị Mọn	BĐ-93400-TS	15,05	400	Gỗ	1994	3181/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
184	Nguyễn Anh Trọng	BĐ-93435-TS	15,1	444	Gỗ	1994	3543/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
185	Võ Chinh Phong	BĐ-93264-TS	15,05	400	Gỗ	1996	3479/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
186	Lê Đức Hưng	BĐ-93842-TS	15,1	520	Gỗ	1994	3504/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
187	Nguyễn Xuân Bảo	BĐ-93780-TS	17,1	730	Gỗ	1998	831/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
188	Nguyễn Văn Thành	BĐ-93322-TS	18,1	350	Gỗ	1998	425/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
189	Nguyễn Văn Tân	BĐ-93079-TS	16,1	800	Gỗ	1998	1303/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
190	Nguyễn Liên	BĐ-93122-TS	15,1	730	Gỗ	1996	1187/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
191	Trần Đình Cung	BĐ-93306-TS	15,4	400	Gỗ	1998	3317/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
192	Giáp Tấn Tài	BĐ-30930-TS	15,1	530	Gỗ	1998	2262/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
193	Đỗ Thị Phụng	BĐ-93897-TS	15,8	740	Gỗ	1994	141/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngừ	
194	Ngô Thành Phụng	BĐ-93327-TS	15,1	450	Gỗ	1994	1314/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
195	Nguyễn Thanh Tuấn	BĐ-30378-TS	15,1	410	Gỗ	1992	3425/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
196	Hồ Thái Hiền	BĐ-93622-TS	15,8	225	Gỗ	1998	216/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
197	Lê Thế Lương	BĐ-93308-TS	15	420	Gỗ	1998	3692/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
198	Lê Bá Cảnh	BĐ-93173-TS	15,35	720	Gỗ	1989	3182/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
199	Đồng Văn Ngo	BĐ-93184-TS	15	700	Gỗ	1998	3375/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
200	Nguyễn Thị Phụng	BĐ-93204-TS	15,7	409	Gỗ	1998	1637/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
201	Lê Văn Chớ	BĐ-93075-TS	15	409	Gỗ	1995	1404/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
202	Nguyễn Thị Hoa	BĐ-93851-TS	17,5	720	Gỗ	1988	3612/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
203	Huỳnh Thị Thu Oanh	BĐ-93883-TS	15,1	710	Gỗ	1998	3485/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
204	Trần Thị Hương	BĐ-30997-TS	15,1	400	Gỗ	1991	1700/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
205	Phan Hữu Thiện	BĐ-93263-TS	16	775	Gỗ	1995	1178/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngừ	
206	Phạm Hòa Khấp	BĐ-93504-TS	15,1	400	Gỗ	1994	1133/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
207	Trần Anh Hào	BĐ-93951-TS	15	720	Gỗ	1996	20/2024/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
208	Nguyễn Minh Dược	BĐ-93377-TS	17	795	Gỗ	1990	3662/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	

209	Nguyễn Minh Thông	BĐ-40972-TS	15,2	720	Gỗ	1994	1619/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
210	Nguyễn Tấn Thịnh	BĐ-93086-TS	15,55	410	Gỗ	1989	3106/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
211	Nguyễn Thị Thu Hà	BĐ-93348-TS	15,15	780	Gỗ	1999	3493/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
212	Nguyễn Quoi	BĐ-93491-TS	15,1	709	Gỗ	1996	756/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
213	Đinh Tấn Phát	BĐ-93845-TS	15,5	420	Gỗ	1993	1613/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
214	Lê Minh Xin	BĐ-93722-TS	15,1	650	Gỗ	1989	1141/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
215	Phạm Anh	BĐ-93672-TS	15,2	775	Gỗ	1991	365/2020/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
216	Lê Văn Hiền	BĐ-93375-TS	15,05	400	Gỗ	1999	3353/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
217	Trần Văn Hùng	BĐ-93436-TS	15,2	400	Gỗ	1999	3734/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
218	Trần Văn Bích	BĐ-93885-TS	15,7	400	Gỗ	1999	3634/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
219	Hồ Ngọc Sí	BĐ-93018-TS	16,3	300	Gỗ	1999	3824/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
220	Lê Minh Trung	BĐ-93423-TS	15	720	Gỗ	1999	3381/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
221	Huỳnh Minh Hòa	BĐ-93097-TS	15,1	700	Gỗ	1999	1298/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
222	Trần Thị Hường	BĐ-93098-TS	15,05	420	Gỗ	1999	3742/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
223	Nguyễn Văn Hùng	BĐ-93329-TS	15,2	750	Gỗ	1999	194/2020/BĐ-GPKTTS	Câu	
224	Phan Văn Nhung	BĐ-93482-TS	15,1	400	Gỗ	1999	218/2020/BĐ-GPKTTS	Câu	
225	Nguyễn Công	BĐ-93040-TS	16,6	400	Gỗ	2000	3523/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
226	Dương Thị Hằng	BĐ-31199-TS	15,7	760	Gỗ	2000	1725/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
227	Lê Thị Út	BĐ-31195-TS	15,2	740	Gỗ	1997	220/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
228	Nguyễn Văn Hiệp	BĐ-93123-TS	15,2	832	Gỗ	2000	478/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
229	Nguyễn Văn Hùng	BĐ-93827-TS	15,7	400	Gỗ	2000	3546/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
230	Đặng Văn Lũm	BĐ-93344-TS	15,05	400	Gỗ	2000	2876/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
231	Giáp Văn Tâm	BĐ-30856-TS	15,2	760	Gỗ	2000	1618/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
232	Nguyễn Thanh Tuấn	BĐ-93935-TS	15,2	775	Gỗ	2000	789/2022/BĐ-GPKTTS	Câu	
233	Nguyễn Hữu Chung	BĐ-93848-TS	15,4	400	Gỗ	2000	3418/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngừ	
234	Nguyễn Thị Nhanh	BĐ-93492-TS	16,6	700	Gỗ	1999	1690/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngừ	
235	Ngô Đức Tài	BĐ-93401-TS	17	700	Gỗ	2000	2635/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
236	Võ Thị Lon	BĐ-31216-TS	15,4	720	Gỗ	2000	191/2022/BĐ-GPKTTS	Câu	
237	Võ Thị Nho	BĐ-93866-TS	15,05	740	Gỗ	1996	754/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
238	Nguyễn Tấn Sáu	BĐ-93696-TS	17,2	168	Gỗ	2000	699/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
239	Nông Thành Công	BĐ-93472-TS	15	810	Gỗ	2000	3688/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngừ	

240	Phạm Văn Sang	BĐ-93157-TS	17	800	Gỗ	2000	1691/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
241	Phạm Hồng Khôi	BĐ-93748-TS	15,1	420	Gỗ	2000	592/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
242	Lê Thị Thua	BĐ-93149-TS	15,1	400	Gỗ	2000	3689/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
243	Huỳnh Tâm	BĐ-93381-TS	15,6	400	Gỗ	2000	2381/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
244	Trương Thị Mai	BĐ-93619-TS	15,3	755	Gỗ	2000	3185/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
245	Đinh Thị Hai	BĐ-31190-TS	15,2	710	Gỗ	2000	354/2020/BĐ-GPKTTS	Câu	
246	Nguyễn Tám	BĐ-93606-TS	15,2	400	Gỗ	2000	133/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
247	Nguyễn Minh Mạng	BĐ-93287-TS	15,2	760	Gỗ	2000	1148/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
248	Trần Xuân Quân	BĐ-93868-TS	15,05	825	Gỗ	2001	3482/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
249	Nguyễn Đức Phước	BĐ-93727-TS	17,05	705	Gỗ	2001	132/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
250	Nguyễn Mười	BĐ-30131-TS	15,1	730	Gỗ	2000	3397/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
251	Lê Tấn Hải	BĐ-93678-TS	17,2	780	Gỗ	1992	3433/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
252	Nguyễn Văn Anh	BĐ-93831-TS	18,1	740	Gỗ	2001	84/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
253	Trần Văn Rô	BĐ-93368-TS	15,2	425	Gỗ	2001	2560/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
254	Hồ Huỳnh Quý	BĐ-93934-TS	16,2	710	Gỗ	2002	69/2023/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
255	Ngô Trương Phi	BĐ-93649-TS	15,05	750	Gỗ	2002	752/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
256	Phạm Minh Hạnh	BĐ-93232-TS	16,5	410	Gỗ	2002	3653/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
257	Phan Văn Lại	BĐ-93132-TS	15,3	400	Gỗ	2002	238/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
258	Phạm Như Thắng	BĐ-93259-TS	17,25	750	Gỗ	2003	2097/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
259	Lê Văn Thuyền	BĐ-93088-TS	16,35	780	Gỗ	2003	1615/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
260	Huỳnh Xuân Vũ	BĐ-92323-TS	16,1	720	Gỗ	2003	83/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
261	Võ Chút	BĐ-93168-TS	16,1	530	Gỗ	2003	1408/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
262	Nguyễn Ngọc Hoàng	BĐ-93876-TS	16,7	500	Gỗ	2003	3422/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
263	Trần Văn Bảo	BĐ-93256-TS	15	795	Gỗ	2003	3601/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
264	Hồ Thành Thu	BĐ-93949-TS	16,6	720	Gỗ	2004	03/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
265	Ngô Thành Chín	BĐ-93016-TS	16,9	165	Gỗ	2004	354/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
266	Nguyễn Trung Nguyên	BĐ-93816-TS	16,5	755	Gỗ	2004	3826/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
267	Nguyễn Hoàng	BĐ-93261-TS	17,1	400	Gỗ	2003	710/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
268	Ngô Hồng Tịnh	BĐ-93055-TS	17,9	330	Gỗ	2004	23/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
269	Hồ Thị Tùng Phượng	BĐ-93796-TS	15,5	400	Gỗ	2004	433/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
270	Trần Văn Định	BĐ-93165-TS	17,2	500	Gỗ	2004	346/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	

271	Phạm Văn Đoan	BĐ-93032-TS	18,7	705	Gỗ	2004	1617/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
272	Huỳnh Văn Thành	BĐ-93201-TS	16,2	444	Gỗ	2004	3655/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
273	Phạm Công	BĐ-93470-TS	16	410	Gỗ	2004	3656/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
274	Nguyễn Thị Long	BĐ-93083-TS	17,8	410	Gỗ	1993	2009/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
275	Lê Kim Sơn	BĐ-93514-TS	15,05	420	Gỗ	1995	3385/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
276	Mai Văn Hải	BĐ-31203-TS	15,3	400	Gỗ	2005	3820/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
277	Lê Đình Hoàng	BĐ-93037-TS	17,1	410	Gỗ	2004	428/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
278	Nguyễn Tấn Hùng	BĐ-93784-TS	17,3	320	Gỗ	2004	426/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
279	Nguyễn Trung Tí	BĐ-93041-TS	17,1	725	Gỗ	2005	100/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
280	Phan Đình Ngô	BĐ-93072-TS	17,1	730	Gỗ	2004	601/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
281	Dương Văn Minh	BĐ-93004-TS	17,6	360	Gỗ	2005	350/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
282	Phạm Quý	BĐ-93590-TS	15,1	260	Gỗ	1996	339/2020/BĐ-GPKTTS	Câu	
283	Phạm Sanh	BĐ-93955-TS	17,1	725	Gỗ	2004	40/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
284	Nguyễn Lê Khương	BĐ-93879-TS	18,7	760	Gỗ	2004	406/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
285	Nguyễn Chái	BĐ-91582-TS	15,25	355	Gỗ	2005	3659/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
286	Nguyễn Văn Quang	BĐ-93296-TS	15,3	720	Gỗ	1998	3630/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
287	Nguyễn Văn Hưng	BĐ-93154-TS	16,5	740	Gỗ	2005	1616/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
288	Nguyễn Đức Thái	BĐ-93065-TS	17,2	740	Gỗ	2005	3602/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
289	Nguyễn Công Trại	BĐ-93034-TS	17,5	330	Gỗ	2005	698/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
290	Đặng Văn Hạnh	BĐ-93441-TS	15,1	400	Gỗ	1995	3223/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
291	Đỗ Văn Trung	BĐ-93051-TS	17,6	410	Gỗ	2005	104/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
292	Lê Văn Thuê	BĐ-93852-TS	15	740	Gỗ	1993	3749/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
293	Nguyễn Thanh Lưu	BĐ-93862-TS	15,1	450	Gỗ	1995	3781/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
294	Nguyễn Duy Phương	BĐ-93046-TS	17,7	350	Gỗ	2005	562/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
295	Nguyễn Hữu Kiệt	BĐ-93049-TS	18,7	755	Gỗ	2005	1421/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
296	Nguyễn Đức Sanh	BĐ-93001-TS	17,1	705	Gỗ	2005	10/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
297	Nguyễn Gân	BĐ-93193-TS	15	785	Gỗ	1996	3535/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
298	Phạm Bảy	BĐ-93408-TS	15,1	400	Gỗ	2005	3268/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
299	Trần Văn Hòa	BĐ-93333-TS	15,05	785	Gỗ	2005	3735/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
300	Nguyễn Phong	BĐ-93642-TS	15,05	700	Gỗ	2005	751/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
301	Nguyễn Văn Bốn	BĐ-93223-TS	15,3	730	Gỗ	2005	417/2020/BĐ-GPKTTS	Câu	

302	Nguyễn Tuấn	BĐ-93127-TS	21,4	525	Gỗ	2005	1159/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu	
303	Lương Văn Phát	BĐ-93043-TS	17,7	410	Gỗ	2005	345/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
304	Nguyễn Văn Nông	BĐ-93058-TS	17,4	410	Gỗ	2005	1300/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
305	Phan Đình Sơn	BĐ-93326-TS	15,05	805	Gỗ	2005	3349/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
306	Đinh Văn Hiệp	BĐ-92173-TS	15,8	168	Gỗ	2005	241/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
307	Trương Hoài Nam	BĐ-93108-TS	15,1	770	Gỗ	2005	477/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu	
308	Trần Đình Lai	BĐ-93397-TS	15,05	700	Gỗ	2005	3379/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu	
309	Nguyễn Ngọc Sang	BĐ-93147-TS	15,2	800	Gỗ	2005	1156/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu	
310	Nguyễn Hùng	BĐ-93227-TS	15,5	168	Gỗ	2005	245/2020/BĐ-GPKTTS	Cầu	
311	Đàng Văn Cẩm	BĐ-93077-TS	19,4	400	Gỗ	2005	1622/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
312	Nguyễn Ngọc Hiếu	BĐ-93604-TS	17,5	700	Gỗ	1995	3486/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu	
313	Nguyễn Văn Lưu	BĐ-93244-TS	15,1	355	Gỗ	2005	691/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
314	Trương Văn Tuấn	BĐ-93856-TS	15,05	400	Gỗ	2005	3540/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu	
315	Nguyễn Văn Tiến	BĐ-93258-TS	15,9	700	Gỗ	2005	33/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
316	Văn Thành Đậu	BĐ-93833-TS	15,3	430	Gỗ	2006	3315/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu	
317	Nguyễn Đức Hậu	BĐ-93106-TS	18,1	270	Gỗ	2005	599/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
318	Phan Đình Thông	BĐ-93158-TS	18,4	500	Gỗ	2005	2372/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
319	Hồ Văn Quít	BĐ-93027-TS	15,7	725	Gỗ	2005	3740/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
320	Phạm Hoàn Chương	BĐ-93269-TS	17,2	488	Gỗ	2005	1705/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
321	Võ Minh Đậu	BĐ-93947-TS	16,3	735	Gỗ	2005	379/2023/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
322	Nguyễn Chánh	BĐ-93753-TS	15,1	400	Gỗ	2005	3661/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
323	Phan Đình Khánh	BĐ-93402-TS	15,3	735	Gỗ	1995	3312/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
324	Mai Văn Hiền	BĐ-93060-TS	20,9	400	Gỗ	2005	2008/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
325	Lê Thanh Xuân	BĐ-93741-TS	15,35	460	Gỗ	1994	3807/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu	
326	Nông Thành Điền	BĐ-93276-TS	17,6	700	Gỗ	2005	1049/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
327	Nguyễn Đức Tiến	BĐ-93956-TS	17,7	445	Gỗ	2005	31/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
328	Nguyễn Thành Trung	BĐ-93218-TS	15,6	270	Gỗ	2005	3762/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
329	La Tiến	BĐ-93795-TS	15,8	468	Gỗ	2005	1695/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
330	Lê Tùng Châu	BĐ-93353-TS	15,1	400	Gỗ	2006	387/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu	
331	Huỳnh Thị Bảo Xuyên	BĐ-93875-TS	15	635	Gỗ	2006	3751/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
332	Nguyễn Văn Thành	BĐ-93271-TS	16,25	168	Gỗ	2006	153/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	

333	Phạm Tâm	BĐ-93021-TS	16,25	420	Gỗ	2006	3654/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
334	Trần Thanh Liêm	BĐ-93054-TS	17,3	410	Gỗ	2006	2119/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
335	Nguyễn Văn Dũng	BĐ-93427-TS	15,3	700	Gỗ	2000	2124/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
336	Đặng Thành Hải	BĐ-31201-TS	15,1	400	Gỗ	2006	3075/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
337	Nguyễn Văn Quốc	BĐ-93009-TS	17,8	755	Gỗ	1998	1299/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
338	Đoàn Tí Đạt	BĐ-93915-TS	15,5	715	Gỗ	2006	42/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
339	Nguyễn Văn Nhanh	BĐ-31191-TS	15,3	420	Gỗ	2006	477/2020/BĐ-GPKTTS	Câu	
340	Nguyễn Nông Trung	BĐ-93410-TS	15	438	Gỗ	2006	1410/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
341	Nguyễn Nhảy	BĐ-93508-TS	15	490	Gỗ	1986	1181/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
342	Phan Văn Nhân	BĐ-93103-TS	15,1	775	Gỗ	2006	3183/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
343	Nguyễn Thành Phương	BĐ-93932-TS	15,3	720	Gỗ	2006	22/2024/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
344	Nguyễn Văn Cư	BĐ-93534-TS	15,4	720	Gỗ	1995	3588/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
345	Nguyễn Sĩ Quang	BĐ-93020-TS	16,6	775	Gỗ	2006	1666/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
346	Đỗ Như Thanh	BĐ-93422-TS	15,2	704	Gỗ	1996	1330/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
347	Võ Thị Liên	BĐ-93102-TS	15,15	400	Gỗ	2007	3320/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
348	Huỳnh Thanh Dũng	BĐ-93466-TS	15	400	Gỗ	1994	3764/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
349	Nguyễn Hữu Thịnh	BĐ-30851-TS	15,2	760	Gỗ	2007	1136/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
350	Trần Thị Hiền	BĐ-93225-TS	15,2	720	Gỗ	2007	1301/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
351	Phạm Hồng Trần	BĐ-93836-TS	17,1	740	Gỗ	2000	137/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
352	Nguyễn Văn Thuần	BĐ-31239-TS	15,2	720	Gỗ	2007	50/2023/BĐ-GPKTTS	Câu	
353	Hồ Ngọc Cường	BĐ-93059-TS	17,25	775	Gỗ	1999	81/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
354	Ngô Văn Định	BĐ-93135-TS	17	734	Gỗ	1999	3631/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
355	Võ Châu	BĐ-30664-TS	15,2	720	Gỗ	2007	241/2020/BĐ-GPKTTS	Câu	
356	Huỳnh Minh Kiêm	BĐ-93064-TS	17,5	770	Gỗ	1999	1605/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
357	Nguyễn Văn Tý	BĐ-93031-TS	17,6	770	Gỗ	1999	1169/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
358	Mai Văn Thuận	BĐ-93061-TS	17,1	410	Gỗ	1999	35/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
359	Nguyễn Thị Sơn	BĐ-30329-TS	15,1	371	Gỗ	2007	298/2021/BĐ-GPKTTS	Câu	
360	Lê Văn Hoang	BĐ-93877-TS	15,3	710	Gỗ	2003	3420/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
361	Nguyễn Thùy Như Luyến	BĐ-93832-TS	18,1	760	Gỗ	1998	356/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
362	Lê Văn Sang	BĐ-93007-TS	17	700	Gỗ	1998	1180/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
363	Phạm Văn Sanh	BĐ-93351-TS	15,8	760	Gỗ	1998	3311/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	

364	Nguyễn Xuân Hạ	BĐ-93203-TS	15,2	410	Gỗ	2008	272/2020/BĐ-GPKTTS	Cầu	
365	Nguyễn Đắc Ninh	BĐ-93803-TS	17,7	760	Gỗ	2008	3825/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
366	Đông Thị Gái	BĐ-30050-TS	15,5	420	Gỗ	1998	3414/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
367	Nguyễn Thanh Trinh	BĐ-93151-TS	15,05	820	Gỗ	2002	3519/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
368	Nguyễn Văn Trung	BĐ-93608-TS	16,4	705	Gỗ	1994	82/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
369	lê Bá Cảnh	BĐ-93959-TS	15	400	Gỗ	1991	189/2020/BĐ-GPKTTS	Cầu	
370	Lê Ngô Tản	BĐ-93078-TS	17,5	523	Gỗ	2009	349/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
371	Nguyễn Thị Nhung	BĐ-93114-TS	15	480	Gỗ	2009	3610/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu	
372	Nguyễn Văn Đo	BĐ-98689-TS	15,3	420	Gỗ	2007	3358/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
373	Lê Thị Ngọc Oanh	BĐ-93257-TS	15,6	720	Gỗ	2010	3487/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu	
374	Nguyễn Trần Út	BĐ-93940-TS	17	710	Gỗ	2010	35/2023/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
375	Nguyễn Văn Trữ	BĐ-93273-TS	17,1	430	Gỗ	2010	291/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
376	Phạm Thành Tài	BĐ-93289-TS	15,7	400	Gỗ	2010	1292/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
377	Nguyễn Ngọc Thế	BĐ-93878-TS	15,1	714	Gỗ	1998	3603/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
378	Nguyễn Tấn Toàn	BĐ-93957-TS	15,35	704	Gỗ	1997	3382/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu	
379	Nguyễn Văn Xin	BĐ-93921-TS	15,5	704	Gỗ	1991	77/2023/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
380	Ngô Đức Tấn	BĐ-93302-TS	16,2	740	Gỗ	2011	2636/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
381	Đỗ Văn Cho	BĐ-93319-TS	17,4	720	Gỗ	2011	2241/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
382	Huỳnh Thanh Vũ	BĐ-93653-TS	15,05	720	Gỗ	1993	3484/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu	
383	Phạm Ngọc Qui	BĐ-93989-TS	18,9	444	Gỗ	2011	167/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
384	Nguyễn Văn Hải	BĐ-93349-TS	18,5	444	Gỗ	2012	1642/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
385	Võ Thị Hoa	BĐ-93354-TS	15,1	409	Gỗ	2000	3529/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
386	Nguyễn Ngọc Minh	BĐ-93337-TS	15,1	300	Gỗ	1996	2271/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
387	Nguyễn Văn Toại	BĐ-31128-TS	16,1	420	Gỗ	1992	3699/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
388	Đoàn Văn Phúc	BĐ-93443-TS	15,5	420	Gỗ	1988	3663/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
389	Ngô Quý	BĐ-93553-TS	15,15	700	Gỗ	1996	1327/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
390	Đỗ Thanh Tùng	BĐ-93364-TS	16,4	724	Gỗ	1995	3669/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
391	Trần Văn Tiến	BĐ-93363-TS	15,1	744	Gỗ	2006	1320/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
392	Phạm Minh Vương	BĐ-93372-TS	19,3	400	Gỗ	2012	435/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
393	Huỳnh Tấn Xương	BĐ-93366-TS	15,2	400	Gỗ	2006	3488/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu	
394	Đỗ Như Tâm	BĐ-93370-TS	15,6	420	Gỗ	1988	2259/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	

395	Phan Minh Cảnh	BĐ-93373-TS	15,8	825	Gỗ	1995	2266/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
396	Đỗ Minh Hải	BĐ-93444-TS	15,2	795	Gỗ	1999	2307/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
397	Nguyễn Thị Bảy	BĐ-93931-TS	15,2	400	Gỗ	1990	802/2022/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
398	Huỳnh Ngọc Quà	BĐ-93473-TS	15,15	420	Gỗ	1996	3542/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
399	Hà Trọng Đạt	BĐ-93546-TS	15,3	710	Gỗ	2013	3416/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
400	Phạm Lâm Văn	BĐ-93390-TS	15,4	735	Gỗ	2001	187/2020/BĐ-GPKTTS	Cầu	
401	Võ Tấn Bình	BĐ-93391-TS	15,3	745	Gỗ	2001	3633/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
402	Nguyễn Văn Trường	BĐ-93386-TS	17,5	435	Gỗ	2013	101/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
403	Lương Văn Phát	BĐ-93392-TS	19,1	730	Gỗ	2013	347/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
404	Mai Quốc Cường	BĐ-93399-TS	19,7	430	Gỗ	2004	1610/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
405	Nguyễn Hồng	BĐ-93898-TS	15,5	700	Gỗ	1996	3310/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
406	Huỳnh Văn Vàng	BĐ-92350-TS	15,1	420	Gỗ	2002	793/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
407	Phạm Việt	BĐ-93663-TS	15,2	400	Gỗ	1993	2371/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
408	Lê Quan Tỷ	BĐ-93419-TS	15,2	760	Gỗ	1992	1304/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
409	Lương Văn Bình	BĐ-93418-TS	15,8	760	Gỗ	2014	3491/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu	
410	Nguyễn Cứ	BĐ-93442-TS	15,25	775	Gỗ	1998	3837/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu	
411	Nguyễn Thị Tâm	BĐ-93447-TS	17,1	705	Gỗ	2003	138/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
412	Đồng Vinh Quan	BĐ-93449-TS	15	400	Gỗ	1995	3378/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu	
413	Lê Văn Thanh	BĐ-93445-TS	19,2	700	Gỗ	2014	1696/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
414	Lê Ngọc Gấm	BĐ-92303-TS	20,5	685	Gỗ	2014	36/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
415	Phạm Hậu	BĐ-93429-TS	20,5	480	Gỗ	2014	98/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
416	Nguyễn Văn Hải	BĐ-93456-TS	15,9	795	Gỗ	2014	3421/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu	
417	Phù Thị Tuyết Nga	BĐ-93697-TS	15,1	400	Gỗ	1995	3376/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu	
418	Trần Hoa	BĐ-93638-TS	15,25	400	Gỗ	1996	3743/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu	
419	Nguyễn Thị Trường Vi	BĐ-93478-TS	15,1	418	Gỗ	1994	1016/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
420	Huỳnh Thị Hiếu	BĐ-93480-TS	15,2	715	Gỗ	2000	755/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
421	Phan Đình Hào	BĐ-93483-TS	15,1	560	Gỗ	1999	349/2020/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
422	Đỗ Thành Châu	BĐ-93484-TS	15,2	705	Gỗ	1999	3074/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
423	Nguyễn Đắc Hoat	BĐ-93485-TS	19,3	740	Gỗ	2014	2256/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
424	Phạm Duy Tiến	BĐ-93870-TS	16	405	Gỗ	2014	809/2022/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
425	Phạm Văn Linh	BĐ-93498-TS	21	680	Gỗ	1998	1763/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	

426	Ngô Thừa	BĐ-93462-TS	15,4	444	Gỗ	1988	3316/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
427	Nguyễn Đức Hoàng	BĐ-93496-TS	16,4	730	Gỗ	2014	3823/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
428	Nguyễn May	BĐ-93506-TS	15,5	760	Gỗ	1999	2270/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
429	Lê Văn Sang	BĐ-93925-TS	15,2	780	Gỗ	1991	74/2023/BĐ-GPKTTS	Câu	
430	Dương Huỳnh Đức	BĐ-93507-TS	15,5	400	Gỗ	1998	184/2020/BĐ-GPKTTS	Câu	
431	Ngô Hồng Khải	BĐ-93505-TS	16,3	755	Gỗ	2015	3687/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
432	Lương Trọng Hiếu	BĐ-93511-TS	16	740	Gỗ	2015	3827/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
433	Đoàn Công Hoan	BĐ-93510-TS	17,3	720	Gỗ	1994	687/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
434	Đoàn Văn Hiệp	BĐ-93513-TS	17,05	740	Gỗ	2003	3664/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
435	Hồ Đức Minh	BĐ-93770-TS	17,8	410	Gỗ	2015	434/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
436	Lê Văn Chinh	BĐ-93509-TS	15,1	795	Gỗ	2015	2240/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
437	Lê Thế Linh	BĐ-93502-TS	19,6	475	Gỗ	2015	595/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
438	Lê Văn Bành	BĐ-93887-TS	15,7	700	Gỗ	2004	3608/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
439	Nguyễn Thanh Lâm	BĐ-93523-TS	17,8	700	Gỗ	1997	331/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
440	Nguyễn Bùng	BĐ-93526-TS	18	140	Gỗ	2001	134/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
441	La Văn Lệnh	BĐ-93524-TS	15,1	420	Gỗ	1995	689/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
442	Trần Ngọc Thực	BĐ-93536-TS	15,7	740	Gỗ	2002	3184/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
443	Ngô Văn Bích	BĐ-93914-TS	15,7	740	Gỗ	1999	704/2022/BĐ-GPKTTS	Câu	
444	Lê Văn Quý	BĐ-93525-TS	15,2	775	Gỗ	1993	46/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
445	Phạm Duy Cường	BĐ-93542-TS	20	774	Gỗ	2015	351/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
446	Lê Thị Sách	BĐ-93797-TS	15,05	520	Gỗ	2005	3386/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
447	Trần Văn Vạn	BĐ-93540-TS	17,2	720	Gỗ	1995	3657/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
448	Huỳnh Thành	BĐ-93533-TS	15,4	725	Gỗ	2015	1407/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
449	Ngô Cu	BĐ-93550-TS	16,4	420	Gỗ	1995	3698/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
450	Nông Thành Niên	BĐ-93555-TS	20,1	800	Gỗ	2011	3605/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
451	Huỳnh Văn Trí	BĐ-93559-TS	18	755	Gỗ	2005	594/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
452	Ngô Đức Lợi	BĐ-93557-TS	16,9	730	Gỗ	2003	2637/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
453	Huỳnh Thị Tuyết	BĐ-93563-TS	15,9	700	Gỗ	1992	1070/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
454	Nguyễn Văn Linh	BĐ-93569-TS	15,4	837	Gỗ	2004	1313/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
455	Phù Phi Thân	BĐ-93564-TS	15,6	420	Gỗ	1998	369/2020/BĐ-GPKTTS	Câu	
456	Nguyễn Thanh Tuấn	BĐ-93857-TS	18,7	720	Gỗ	1993	3703/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	

457	Lê Thái Lại	BĐ-93575-TS	15,45	700	Gỗ	1989	59/2020/BĐ-GPKTTS	Câu	
458	Lê Văn Thảo	BĐ-93591-TS	17,5	420	Gỗ	2016	3423/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
459	La Văn Bộ	BĐ-93586-TS	17,5	420	Gỗ	2016	3589/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
460	Trần Trung Trình	BĐ-93593-TS	16,9	755	Gỗ	1997	1406/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
461	Trần Thị Tâm	BĐ-93597-TS	17,4	730	Gỗ	2003	2130/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
462	Trần Minh Vương	BĐ-99027-TS	28	811	Thép	2016	2088/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
463	Nguyễn Tuấn	BĐ-93609-TS	19,5	500	Gỗ	2016	215/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
464	Ngô Tùng Ngọc	BĐ-93599-TS	17,6	400	Gỗ	2016	87/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
465	Phạm Duy Tiến	BĐ-93570-TS	15,2	700	Gỗ	2016	3524/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
466	Mai Văn Chương	BĐ-99179-TS	28	811	Thép	2016	2222/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
467	Nguyễn Văn Linh	BĐ-93621-TS	16,75	410	Gỗ	2001	717/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
468	Trần Huỳnh Hoan	BĐ-93627-TS	16	740	Gỗ	1988	293/2020/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
469	Đình Công Khánh	BĐ-99086-TS	31,31	940	Thép	2016	741/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
470	Nguyễn Công Quý	BĐ-99888-TS	34,86	940	Thép	2016	Chưa cấp Giấy phép	Hậu cần	
471	Nông Thành Điền	BĐ-99478-TS	27,5	829	Thép	2016	1533/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
472	Lê Thanh Bình	BĐ-93633-TS	15	420	Gỗ	1990	3660/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
473	Đoàn Thanh Xuân	BĐ-93635-TS	15,1	740	Gỗ	1996	2094/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
474	Phạm Thị Hân	BĐ-93936-TS	16,4	720	Gỗ	2000	312/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
475	Phạm Minh Vương	BĐ-99144-TS	35,8	880	Thép	2016	424/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
476	Nguyễn Văn Giàu	BĐ-93669-TS	18,3	770	Gỗ	2003	191/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
477	Lê Trung Bành	BĐ-93640-TS	15,6	420	Gỗ	1989	3547/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
478	Hồ Tèo	BĐ-93667-TS	18	350	Gỗ	2015	3073/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
479	Mai Thị Lệ Ngọc	BĐ-93654-TS	15,1	400	Gỗ	2017	405/2020/BĐ-GPKTTS	Câu	
480	Đặng Văn Khoa	BĐ-99979-TS	27,5	829	Thép	2017	3636/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
481	Lương Đình Hưng	BĐ-93665-TS	20,5	430	Gỗ	2017	2257/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
482	Lê Văn Dũng	BĐ-93677-TS	15,8	420	Gỗ	2017	3789/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
483	Ngô Tùng Hồng	BĐ-93671-TS	17,6	410	Gỗ	2017	1693/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
484	Huỳnh Văn Dũng	BĐ-93683-TS	17,1	775	Gỗ	2017	3628/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
485	Lê Mai Diệu Hà	BĐ-93699-TS	15,3	420	Gỗ	2017	1534/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
486	Phạm Hồ Dũng	BĐ-93686-TS	16,9	760	Gỗ	2017	1331/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
487	Lê Tấn Hào	BĐ-93694-TS	15	400	Gỗ	2000	3658/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	

488	Lê Thái Tàn	BĐ-93668-TS	21,2	750	Gỗ	2017	353/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
489	Lê Minh Tâm	BĐ-93664-TS	15,1	420	Gỗ	1991	1726/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
490	Nguyễn Hùng	BĐ-93966-TS	24	822	CPS	2017	1486/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
491	Võ Bá Xuân	BĐ-93688-TS	16,9	400	Gỗ	2017	690/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
492	Nguyễn Văn Hiếu	BĐ-93705-TS	17,5	330	Gỗ	2005	2358/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
493	Đỗ Chí Dũng	BĐ-92457-TS	22	755	Gỗ	2017	210/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
494	La Văn Bộ	BĐ-93719-TS	22,5	1035	Gỗ	2017	1423/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
495	Võ Văn Lợi	BĐ-93737-TS	23,2	730	Gỗ	2017	3527/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
496	Nguyễn Văn Thông	BĐ-93739-TS	16,7	350	Gỗ	2005	3077/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
497	Phạm Chiên	BĐ-93746-TS	18,2	400	Gỗ	2011	3517/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
498	Nguyễn Minh Phúc	BĐ-93962-TS	27,5	825	Thép	2017	54/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
499	Trần Hữu Việt	BĐ-93731-TS	17,9	444	Gỗ	2012	1811/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
500	Phạm Văn Quá	BĐ-93745-TS	17,7	400	Gỗ	2010	3399/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
501	Nguyễn Tấn Vương	BĐ-93749-TS	17,5	475	Gỗ	2005	1609/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
502	Nguyễn Thị Nhân	BĐ-93759-TS	17	770	Gỗ	2004	3417/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu	
503	Phù Phi Hồ	BĐ-93757-TS	15,4	400	Gỗ	1990	2126/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu	
504	Nguyễn Hữu Giang	BĐ-93754-TS	19,5	685	Gỗ	2018	352/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
505	Huỳnh Thị Điều	BĐ-93769-TS	17,5	330	Gỗ	2003	3632/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
506	Nguyễn Thanh Tùng	BĐ-93720-TS	15,2	400	Gỗ	1998	1323/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu	
507	Đỗ Ngọc Thường	BĐ-93768-TS	17,1	700	Gỗ	2008	2306/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
508	Phạm Minh Vương	BĐ-93744-TS	25	350	Gỗ	2016	452/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
509	Trần Thị Diễm	BĐ-93772-TS	19,6	500	Gỗ	2016	3747/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
510	Phạm Bá Nhân	BĐ-93789-TS	20	500	Gỗ	2013	1611/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
511	Trần Thị Thắm	BĐ-93938-TS	18,5	730	Gỗ	2000	808/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
512	Trần Văn Thông	BĐ-93714-TS	15,2	444	Gỗ	1996	1109/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
513	Phạm Thành Long	BĐ-93799-TS	15,6	400	Gỗ	1998	1386/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
514	Trần Văn Tăng	BĐ-93778-TS	20,7	500	Gỗ	2015	1294/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
515	Lê Văn Chương	BĐ-93764-TS	18,2	870	Gỗ	2018	3374/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu	
516	Nguyễn Văn Nhựt	BĐ-93773-TS	17	840	Gỗ	2012	1989/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
517	Phan Thanh Hưng	BĐ-93781-TS	18,2	485	Gỗ	2006	1535/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
518	Nguyễn Thái Hòa	BĐ-93817-TS	17	710	Gỗ	2005	1324/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	

519	Nguyễn An Toàn	BĐ-93758-TS	17,2	785	Gỗ	2008	2258/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
520	Nguyễn Thành Hòa	BĐ-92336-TS	17,2	862	Gỗ	1989	768/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
521	Nguyễn Ngọc Hưng	BĐ-92248-TS	17,8	360	Gỗ	2000	2593/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
522	Tô Văn Trường	BĐ-94349-TS	15,1	340	Gỗ	1992	3841/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
523	Tô Hồng Xuân	BĐ-94309-TS	15,6	270	Gỗ	2001	547/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
524	Nguyễn Văn Nuôi	BĐ-94222-TS	15,9	270	Gỗ	2004	Chưa cấp Giấy phép	Lưới vây	
525	Trần Văn Tài	BĐ-92285-TS	15,2	270	Gỗ	1995	3446/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
526	Nguyễn Văn Chất	BĐ-94105-TS	17,1	380	Gỗ	1994	2586/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
527	Lê Thành Giang	BĐ-92317-TS	15,3	315	Gỗ	1993	3748/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
528	Trần Văn Hoà	BĐ-92366-TS	16,4	410	Gỗ	1992	818/2022/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
529	Huỳnh Văn Thành	BĐ-94411-TS	17,2	900	Gỗ	1998	116/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
530	Nguyễn Văn Dũng	BĐ-94303-TS	17,1	720	Gỗ	1998	413/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
531	Trần Thanh Hòa	BĐ-92485-TS	17,2	750	Gỗ	1998	593/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
532	Nguyễn Tấn Hải	BĐ-93884-TS	17,6	795	Gỗ	1998	645/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
533	Đặng Văn Sĩ	BĐ-92294-TS	16,6	444	Gỗ	1999	155/2020/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
534	Nguyễn Văn Ngộ	BĐ-40933-TS	15,1	410	Gỗ	1989	394/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
535	Trần Xuân Phương	BĐ-94385-TS	17,2	750	Gỗ	2001	355/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
536	Tô Hồng Chí	BĐ-92119-TS	16,5	270	Gỗ	2003	249/2020/BĐ-GPKTTS	Câu	
537	Trần Văn Hoàng	BĐ-94347-TS	17	450	Gỗ	2003	79/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
538	Đặng Hai	BĐ-94541-TS	16,4	400	Gỗ	2003	2210/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
539	Nguyễn Thành Hội	BĐ-94020-TS	18,05	430	Gỗ	2004	123/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
540	Phạm Đình Đúng	BĐ-94049-TS	17,8	310	Gỗ	2004	86/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
541	Nguyễn Ngu	BĐ-92256-TS	17,1	460	Gỗ	2004	302/2020/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
542	Huỳnh Quang Hà	BĐ-92348-TS	17,5	700	Gỗ	2005	433/2022/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
543	Nguyễn Ngọc Đức	BĐ-92316-TS	17	700	Gỗ	2005	2349/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
544	Hồ Đức Tuấn	BĐ-92325-TS	17,2	750	Gỗ	2005	250/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
545	Hồ Văn Phước	BĐ-94090-TS	16,5	705	Gỗ	2005	131/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
546	Hồ Xuân Bộ	BĐ-94122-TS	17,3	410	Gỗ	2005	328/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
547	Nguyễn Thành Thuận	BĐ-92389-TS	17,7	790	Gỗ	2005	674/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
548	Nguyễn Văn Tòng	BĐ-92116-TS	17	410	Gỗ	2005	685/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
549	Nguyễn Văn Điều	BĐ-94004-TS	18,2	720	Gỗ	2005	187/2022/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	

550	Hồ Văn Hải	BĐ-94044-TS	17,9	360	Gỗ	2005	769/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
551	Hồ Văn Thảo	BĐ-94150-TS	17,15	750	Gỗ	2005	837/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
552	Nguyễn Thanh Dáng	BĐ-92149-TS	17,7	750	Gỗ	2005	121/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
553	Trương Khắc Bảo	BĐ-92319-TS	16,9	435	Gỗ	2006	598/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
554	Ngô Văn Phong	BĐ-93787-TS	16,5	400	Gỗ	2006	491/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
555	Trần Cu Anh	BĐ-94384-TS	16,5	718	Gỗ	2006	80/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
556	Huỳnh Ngọc Út	BĐ-92408-TS	16,9	410	Gỗ	2006	327/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
557	Nguyễn Văn Cư	BĐ-94039-TS	17,6	760	Gỗ	2006	279/2021/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
558	Nguyễn Vương	BĐ-94040-TS	18,4	485	Gỗ	1999	1527/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
559	Nguyễn Thanh Triệu	BĐ-93911-TS	18,3	444	Gỗ	1999	582/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
560	Lê Văn Khâm	BĐ-92296-TS	17,1	243	Gỗ	2007	3714/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
561	Nguyễn Cu	BĐ-94018-TS	17,8	600	Gỗ	2006	1096/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
562	Trương Thị Trâm	BĐ-98518-TS	17,4	400	Gỗ	2008	3279/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
563	Huỳnh Công Danh	BĐ-94008-TS	16,9	454	Gỗ	2008	2042/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
564	Hồ Thị Kim Pháp	BĐ-92368-TS	17,2	700	Gỗ	2009	415/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
565	Trần Dưỡng	BĐ-94243-TS	16,4	330	Gỗ	2005	303/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
566	Phan Thanh Vân	BĐ-94275-TS	15,4	165	Gỗ	2000	895/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
567	Trương Lành	BĐ-91602-TS	17,1	380	Gỗ	2001	307/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
568	Trần Nhân	BĐ-94281-TS	17,2	360	Gỗ	2001	369/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
569	Võ Văn Tiến	BĐ-94258-TS	15,5	168	Gỗ	2002	1508/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
570	Đặng Văn Nhất	BĐ-92274-TS	16,3	330	Gỗ	2003	304/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
571	Lê Văn Ánh	BĐ-94274-TS	15,8	270	Gỗ	2003	2660/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
572	Phạm Thành	BĐ-94441-TS	15	260	Gỗ	2003	721/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
573	Thái Văn Trị	BĐ-93926-TS	18,6	800	Gỗ	2003	43/2023/BĐ-GPKTTS	Câu	
574	Nguyễn Văn Nhựt	BĐ-94233-TS	16	360	Gỗ	2003	217/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
575	Võ Hoàng	BĐ-92193-TS	16,5	400	Gỗ	2003	163/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
576	Nguyễn Văn Tiều	BĐ-94259-TS	16,5	270	Gỗ	2003	441/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
577	Nguyễn Phương	BĐ-91566-TS	15,85	330	Gỗ	2003	455/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
578	Huỳnh Minh Chí	BĐ-94173-TS	16,1	330	Gỗ	2004	445/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
579	Đỗ Cường	BĐ-94113-TS	15,5	270	Gỗ	2004	3495/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
580	Nguyễn Văn E	BĐ-94256-TS	15,6	270	Gỗ	2004	442/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	

581	Trương Trung Toàn	BĐ-94180-TS	16,4	270	Gỗ	2004	332/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
582	Tăng Văn Ngọc	BĐ-94282-TS	16,3	270	Gỗ	2004	619/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
583	Lê Thị Bích	BĐ-98962-TS	17	720	Gỗ	2004	805/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
584	Võ Văn Tuấn	BĐ-94277-TS	16,9	270	Gỗ	2004	3016/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
585	Phạm Minh Thi	BĐ-93908-TS	17,1	720	Gỗ	2005	604/2022/BĐ-GPKTTS	Câu	
586	Trương Định	BĐ-94057-TS	19,1	500	Gỗ	2005	503/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
587	Nguyễn Giá	BĐ-94134-TS	16,4	288	Gỗ	2005	436/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
588	Mai Thị Nguyệt	BĐ-93922-TS	18	755	Gỗ	2006	799/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
589	Nguyễn Văn Kim	BĐ-94121-TS	22,5	760	Gỗ	2008	2315/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
590	La Huy Khánh	BĐ-94497-TS	15,1	360	Gỗ	2006	1033/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
591	Nguyễn Ngang	BĐ-94451-TS	15,3	360	Gỗ	1999	Chưa cấp Giấy phép	Lưới kéo	
592	Võ Văn Tịnh	BĐ-94261-TS	15,7	340	Gỗ	2003	1321/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
593	Hoàng Thanh Dũng	BĐ-93906-TS	17,7	730	Gỗ	2008	523/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
594	Phạm Thành	BĐ-94161-TS	15	360	Gỗ	2009	542/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
595	Hồ Văn Tây	BĐ-92205-TS	17,2	410	Gỗ	2006	313/2020/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
596	Nguyễn Văn Tèo	BĐ-94356-TS	17	475	Gỗ	2010	700/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
597	Nguyễn Văn Linh	BĐ-94136-TS	17,7	380	Gỗ	1990	392/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
598	Lê Văn Quang	BĐ-92384-TS	15,3	410	Gỗ	1992	09/2024/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
599	Nguyễn Văn Lộc	BĐ-94154-TS	15,4	400	Gỗ	1994	94/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
600	Phạm Cường	BĐ-92349-TS	15,8	327	Gỗ	1993	2093/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
601	Phạm Minh Tới	BĐ-92250-TS	16,3	400	Gỗ	2005	3189/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
602	Nguyễn Văn Trọng	BĐ-94195-TS	20,1	500	Gỗ	2009	288/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
603	Văn Bá Dũng	BĐ-92290-TS	15,1	380	Gỗ	2004	133/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
604	Nguyễn Văn Phát	BĐ-94445-TS	16,45	270	Gỗ	1996	3792/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
605	Cao Văn Phê	BĐ-91639-TS	16,5	270	Gỗ	2001	318/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
606	Lê Ngọc Nhân	BĐ-94477-TS	18,9	380	Gỗ	2011	338/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
607	Bùi Văn Hạ	BĐ-92184-TS	17,9	525	Gỗ	2011	742/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
608	Trần Chánh	BĐ-92363-TS	18,5	360	Gỗ	2011	438/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
609	Hồ Văn Chó	BĐ-92328-TS	16,5	360	Gỗ	2011	268/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
610	Nguyễn Văn Lẹo	BĐ-94053-TS	16,6	360	Gỗ	2004	1064/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
611	Thái Quang Thi	BĐ-94297-TS	15,2	330	Gỗ	1996	3750/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	

612	Trần Gặp	BĐ-94780-TS	15,3	360	Gỗ	1994	1910/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
613	Văn Bá Minh	BĐ-40426-TS	15	70	Gỗ	1998	Chưa cấp Giấy phép	Lưới kéo	
614	Nguyễn Duy Hà	BĐ-94768-TS	16,5	730	Gỗ	1996	2071/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
615	Đinh Văn Minh	BĐ-92262-TS	16,1	350	Gỗ	1994	3526/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
616	Võ Bá Dũng	BĐ-94391-TS	16,1	168	Gỗ	1993	279/2020/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
617	Nguyễn Thanh Bình	BĐ-94436-TS	15,5	168	Gỗ	1993	591/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
618	Nguyễn Thanh Tùng	BĐ-92232-TS	16	400	Gỗ	1993	693/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
619	Tô Văn Lộc	BĐ-94842-TS	15,2	230	Gỗ	1993	236/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
620	Võ Thanh Hòa	BĐ-94714-TS	15,1	410	Gỗ	1993	960/2020/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
621	Đặng Văn Danh	BĐ-40730-TS	15,5	45	Gỗ	1993	231/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
622	Phạm Văn Mẹo	BĐ-92245-TS	15,5	410	Gỗ	1993	356/2020/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
623	Nguyễn Thị Nghi	BĐ-93901-TS	17,1	720	Gỗ	1995	2041/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
624	Nguyễn Văn Mỹ	BĐ-92198-TS	15,9	400	Gỗ	1993	3745/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
625	Lê Văn Lạnh	BĐ-92284-TS	17,5	740	Gỗ	2005	602/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
626	Nguyễn Văn Thanh	BĐ-94152-TS	21,2	636	Gỗ	2005	1188/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
627	Võ Văn Chiến	BĐ-94017-TS	17,9	410	Gỗ	2004	92/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
628	Nguyễn Hữu Lý	BĐ-92321-TS	18,7	725	Gỗ	2005	2375/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
629	Lê Văn Kỳ	BĐ-98527-TS	17,3	780	Gỗ	2005	301/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
630	Hồ Minh Tự	BĐ-94062-TS	17,9	445	Gỗ	2005	357/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
631	Phạm Văn Toàn	BĐ-94109-TS	19	804	Gỗ	2006	2695/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
632	Nguyễn Tấn Thái	BĐ-93916-TS	18,4	460	Gỗ	2006	607/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
633	Đỗ Xuân Hội	BĐ-94168-TS	18,7	774	Gỗ	2006	2026/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
634	Võ Xuân Nguru	BĐ-94094-TS	17,2	867	Gỗ	2008	193/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
635	Huỳnh Văn Cửa	BĐ-94506-TS	15,3	168	Gỗ	1996	124/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
636	Nguyễn Văn Tâm	BĐ-92271-TS	16,1	710	Gỗ	2000	166/2020/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
637	Nguyễn Văn Lô	BĐ-94006-TS	17,3	774	Gỗ	2008	270/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
638	Võ Xuân Duy	BĐ-94405-TS	15,9	573	Gỗ	2010	249/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
639	Bùi Văn Hường	BĐ-92226-TS	16,8	636	Gỗ	2000	935/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
640	Nguyễn Hiên	BĐ-94279-TS	15	350	Gỗ	2000	3715/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
641	Trương Lang	BĐ-94234-TS	15	360	Gỗ	2001	2894/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
642	Nguyễn Thị Nguyệt	BĐ-92479-TS	18,8	400	Gỗ	2001	3838/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	

643	Trương Quang Kha	BĐ-92340-TS	15,9	480	Gỗ	2001	118/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
644	Văn Bá Sĩ	BĐ-94803-TS	15,15	400	Gỗ	2001	1116/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
645	Huỳnh Tường	BĐ-40506-TS	15,5	80	Gỗ	2001	Chưa cấp Giấy phép	Lưới vây	
646	Phan Đô	BĐ-94491-TS	15,4	225	Gỗ	2001	1688/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
647	Nguyễn Đường	BĐ-94252-TS	16,1	165	Gỗ	2002	2869/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
648	Nguyễn Văn Cường	BĐ-92272-TS	15,2	420	Gỗ	2003	13/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
649	Nguyễn Thị Việt	BĐ-94262-TS	15,4	360	Gỗ	2003	451/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
650	Lê Bạt Hải	BĐ-94376-TS	16,4	350	Gỗ	2005	Chưa cấp Giấy phép	Lưới vây	
651	Trương Văn Thính	BĐ-94330-TS	17,5	380	Gỗ	1987	3166/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
652	Võ Văn Cu	BĐ-94181-TS	19,7	572	Gỗ	1999	509/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
653	Phạm Văn Sinh	BĐ-94009-TS	17,3	360	Gỗ	2000	2311/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
654	Lương Văn Châu	BĐ-92086-TS	15,3	780	Gỗ	1989	3611/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
655	Nguyễn Phong	BĐ-94023-TS	15,9	400	Gỗ	2005	3444/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
656	Nguyễn Văn Minh	BĐ-92329-TS	17,5	444	Gỗ	2008	1770/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
657	Nguyễn Minh Vương	BĐ-92309-TS	17,9	535	Gỗ	2008	2305/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
658	Nguyễn Khánh Hiệp	BĐ-94194-TS	16,1	547	Gỗ	1996	114/2021/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
659	Nguyễn Văn Phở	BĐ-94774-TS	17,9	750	Gỗ	1995	398/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
660	Trần Văn Rảnh	BĐ-94300-TS	15	785	Gỗ	1999	397/2020/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
661	Lê Thanh Phú	BĐ-92312-TS	17,9	410	Gỗ	2011	297/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
662	Phan Thị Thu Mai	BĐ-98870-TS	17,3	355	Gỗ	2011	617/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
663	Nguyễn Văn Lại	BĐ-92391-TS	16,2	270	Gỗ	2003	285/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
664	Võ Văn Diên	BĐ-94314-TS	17,5	444	Gỗ	2008	3292/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
665	Phạm Chôn	BĐ-94307-TS	17,7	460	Gỗ	2008	3793/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
666	Nguyễn Thành Dũng	BĐ-94522-TS	16	230	Gỗ	1993	2342/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
667	Đỗ Ngọc Nhân	BĐ-94771-TS	17,2	410	Gỗ	1993	1694/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
668	Hồ Văn Phong	BĐ-94402-TS	17,8	400	Gỗ	1994	671/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
669	Nguyễn Anh Văn	BĐ-92356-TS	17,1	488	Gỗ	1998	798/2022/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
670	Trần Văn Vịnh	BĐ-94830-TS	15,6	300	Gỗ	1993	417/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
671	Lê Thành Sơn	BĐ-92318-TS	16,5	444	Gỗ	2000	251/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
672	Võ Thuận Phong	BĐ-92238-TS	17,1	300	Gỗ	2000	2638/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
673	Nguyễn Văn Thanh	BĐ-94027-TS	17,1	714	Gỗ	2001	136/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	

674	Nguyễn Minh Quang	BĐ-94468-TS	16,2	444	Gỗ	2001	370/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
675	Nguyễn Văn Bảo	BĐ-94128-TS	17,5	575	Gỗ	2002	554/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
676	Nguyễn Nhỏ	BĐ-94504-TS	17	730	Gỗ	2002	115/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
677	Trần Văn Hân	BĐ-94344-TS	17	740	Gỗ	2002	2070/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
678	Phan Văn Nhân	BĐ-94383-TS	17	750	Gỗ	2003	88/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
679	Trần Sĩ	BĐ-94079-TS	17,1	790	Gỗ	2003	228/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
680	Đặng Thành Được	BĐ-94555-TS	16,7	740	Gỗ	2004	22/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
681	Nguyễn Văn Chất	BĐ-94408-TS	17,5	744	Gỗ	2004	2588/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
682	Trần Văn Tâm	BĐ-93766-TS	17,1	400	Gỗ	2004	561/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
683	Nguyễn Văn Sơn	BĐ-92326-TS	17,1	400	Gỗ	2004	378/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
684	Nguyễn Ngọc Đức	BĐ-92417-TS	17,3	750	Gỗ	2004	38/2023/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
685	Phạm Văn Thành	BĐ-93825-TS	18	760	Gỗ	2004	232/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
686	Nguyễn Thành Tâm	BĐ-94026-TS	18	410	Gỗ	2004	2095/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
687	Trần Văn Quang	BĐ-92282-TS	17,6	410	Gỗ	2004	37/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
688	Nguyễn Văn Mỹ	BĐ-92434-TS	17,9	444	Gỗ	2005	32/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
689	Võ Văn Tiến	BĐ-92431-TS	18,1	360	Gỗ	2005	27/2024/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
690	Trần Văn Chớ	BĐ-94069-TS	17,5	400	Gỗ	2005	3432/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
691	Từ Minh Châu	BĐ-93874-TS	18,9	785	Gỗ	2005	1670/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
692	Nguyễn Thị Bích Thủy	BĐ-94327-TS	16,6	774	Gỗ	2005	3025/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
693	Huỳnh Xuân Bình	BĐ-94117-TS	17,5	480	Gỗ	2005	3400/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
694	Nguyễn Ngọc Út	BĐ-93820-TS	17,7	555	Gỗ	2005	271/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
695	Võ Minh Hòa	BĐ-94037-TS	17,1	750	Gỗ	2006	196/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
696	Phan Văn Chi	BĐ-94104-TS	17,5	735	Gỗ	2005	471/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
697	Nguyễn Minh Phẩm	BĐ-93958-TS	17,6	460	Gỗ	2006	23/2024/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
698	Nguyễn Thanh	BĐ-94073-TS	17,7	805	Gỗ	2005	135/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
699	Huỳnh Ngọc Thanh	BĐ-94112-TS	18	750	Gỗ	2004	3613/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
700	Nguyễn Văn Cò	BĐ-92213-TS	17,2	444	Gỗ	1997	603/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
701	Hồ Thanh Bình	BĐ-94427-TS	15,2	729	Gỗ	2000	1208/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
702	Võ Đình Kỷ	BĐ-94452-TS	15,4	168	Gỗ	1996	2011/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
703	Nguyễn Văn Tây	BĐ-94578-TS	15,6	230	Gỗ	1995	301/2020/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
704	Nguyễn Thị Sương	BĐ-93967-TS	16,8	720	Gỗ	1998	148/2023/BĐ-GPKTTS	Câu	

705	Trương Trung Trực	BĐ-92372-TS	18,45	380	Gỗ	2010	681/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
706	Nguyễn Trúc Sinh	BĐ-94415-TS	17,2	380	Gỗ	2011	141/2021/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
707	Võ Văn Xinh	BĐ-94469-TS	16,25	380	Gỗ	2011	457/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
708	Bùi Văn Hiếu	BĐ-94481-TS	18,6	380	Gỗ	2011	30/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
709	Trần Ngọc Kim	BĐ-94486-TS	19,5	710	Gỗ	2011	1891/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
710	Nguyễn Văn Đông	BĐ-94658-TS	15,3	700	Gỗ	1991	602/2022/BĐ-GPKTTS	Câu	
711	Nguyễn Văn Phúc	BĐ-94615-TS	15,1	725	Gỗ	1992	2264/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
712	Đỗ Thành	BĐ-94493-TS	19,1	400	Gỗ	2011	622/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
713	Huỳnh Thái	BĐ-98965-TS	19	775	Gỗ	2011	283/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
714	Trần Văn Xô	BĐ-94509-TS	18	360	Gỗ	2011	1094/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
715	Trần Gặp	BĐ-92433-TS	18,4	380	Gỗ	2011	273/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
716	Tăng Văn Ngọc	BĐ-94517-TS	18,7	360	Gỗ	2011	494/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
717	Trần Quang Đông	BĐ-92428-TS	18,7	683	Gỗ	2011	580/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
718	Lê Thị Phụng	BĐ-92392-TS	19,9	730	Gỗ	2011	14/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
719	Nguyễn Thành Long	BĐ-94531-TS	16,6	380	Gỗ	2012	798/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
720	Nguyễn Văn Nhựt	BĐ-94533-TS	15,6	360	Gỗ	2012	218/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
721	Trần Bồn	BĐ-94534-TS	17,5	400	Gỗ	2012	31/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
722	Nguyễn Văn Kim	BĐ-94537-TS	19,1	734	Gỗ	2012	302/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
723	Trương Phi	BĐ-94552-TS	15,5	270	Gỗ	2001	3803/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
724	Nguyễn Thị Nga	BĐ-92499-TS	17,2	710	Gỗ	2003	226/2023/BĐ-GPKTTS	Câu	
725	Trương Xuân Hiệp	BĐ-94546-TS	18,1	506	Gỗ	2012	337/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
726	Hồ Kim Hùng	BĐ-94554-TS	16	330	Gỗ	1993	145/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
727	Ngô Đức Lộc	BĐ-93944-TS	17,1	715	Gỗ	2012	90/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
728	Nguyễn Hát	BĐ-94559-TS	16	410	Gỗ	2012	2092/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
729	Nguyễn Văn Sá	BĐ-92230-TS	15,8	350	Gỗ	2012	443/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
730	Trần Vinh Hùng	BĐ-92462-TS	17,3	734	Gỗ	2012	589/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
731	Nguyễn Hồng Sang	BĐ-94565-TS	18,8	520	Gỗ	2012	164/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
732	Trần Văn Linh	BĐ-94574-TS	16	360	Gỗ	2012	3713/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
733	Nguyễn Nhâm	BĐ-94563-TS	18,9	410	Gỗ	2012	665/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
734	Nguyễn Thạch	BĐ-94573-TS	19,3	780	Gỗ	2012	200/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
735	Đặng Hạnh	BĐ-94567-TS	18,4	410	Gỗ	2012	376/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	

736	Trần Văn Vinh	BĐ-92371-TS	18,3	460	Gỗ	2012	211/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
737	Trương Văn Trường	BĐ-94579-TS	19,4	410	Gỗ	2012	552/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
738	Nguyễn Thành Lầu	BĐ-94556-TS	18,2	464	Gỗ	2012	624/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
739	Nguyễn Ngọc Phong	BĐ-92283-TS	16,3	765	Gỗ	2012	930/2020/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
740	Nguyễn Tấn Lực	BĐ-94586-TS	20,5	460	Gỗ	2012	2309/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
741	Phạm Chón	BĐ-94591-TS	17,2	375	Gỗ	2004	3794/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
742	Phạm Văn Sự	BĐ-94588-TS	18,8	380	Gỗ	2012	39/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
743	Đỗ Xuân Đông	BĐ-92341-TS	17,2	755	Gỗ	2012	33/2023/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
744	Hồ Minh Đức	BĐ-94589-TS	17,1	774	Gỗ	2012	2585/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
745	Nguyễn Đình Hùng	BĐ-94607-TS	18,9	460	Gỗ	2012	2040/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
746	Phạm Minh Vỹ	BĐ-92203-TS	16	360	Gỗ	2012	Chưa cấp Giấy phép	Lưới vây	
747	Trịnh Minh Hưng	BĐ-93839-TS	17,3	705	Gỗ	2012	3545/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
748	Hồ Thị Huệ	BĐ-92404-TS	19,2	720	Gỗ	2003	96/2023/BĐ-GPKTTS	Câu	
749	Nguyễn Văn Chung	BĐ-94616-TS	19,3	640	Gỗ	2012	3167/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
750	Phan Văn Đức	BĐ-94613-TS	19,7	729	Gỗ	2013	944/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
751	Trương Văn Cu	BĐ-94612-TS	19,9	450	Gỗ	2012	3164/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
752	Trương Vĩnh Hải	BĐ-92385-TS	17,8	430	Gỗ	2012	97/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
753	Nguyễn Xuân Thủy	BĐ-94577-TS	19,9	700	Gỗ	2012	2498/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
754	Hồ Văn Sang	BĐ-94598-TS	17,2	410	Gỗ	2012	1100/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
755	Nguyễn Văn Xù	BĐ-94602-TS	18,1	475	Gỗ	2012	3443/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
756	Trần Ngọc Minh	BĐ-94603-TS	19,1	400	Gỗ	2012	554/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
757	Nguyễn Thái Hà	BĐ-94608-TS	18,1	410	Gỗ	2012	2160/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
758	Huỳnh Bình	BĐ-94594-TS	16	335	Gỗ	2012	3475/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
759	Trần Văn Độ	BĐ-94631-TS	16,2	270	Gỗ	2004	324/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
760	Nguyễn Văn Anh	BĐ-94626-TS	16,5	380	Gỗ	2013	140/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
761	Lê Hồng Triều	BĐ-94644-TS	16,9	360	Gỗ	2013	489/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
762	Lê Văn Cu	BĐ-94653-TS	17,6	700	Gỗ	2013	224/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
763	Trần Quốc Toàn	BĐ-94627-TS	22,4	525	Gỗ	2013	2446/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
764	Bùi Văn Hùng	BĐ-94633-TS	19,5	500	Gỗ	2013	146/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
765	Nguyễn Quốc Trị	BĐ-94634-TS	19	535	Gỗ	2013	95/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
766	Phạm Ngọc Hoàng	BĐ-92412-TS	15,7	730	Gỗ	1998	2086/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	

767	Lê Văn Phi	BĐ-94630-TS	15,2	260	Gỗ	2002	147/2021/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
768	Trần Thanh	BĐ-94652-TS	19,6	750	Gỗ	2013	421/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
769	Nguyễn Trúc	BĐ-94636-TS	19,2	730	Gỗ	2013	143/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
770	Phan Văn Tài	BĐ-94659-TS	20,9	650	Gỗ	2013	3165/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
771	Trần Văn Thượng	BĐ-94625-TS	19,8	450	Gỗ	2013	3707/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
772	Nguyễn Văn Thông	BĐ-94635-TS	20,5	400	Gỗ	2013	3254/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
773	Nguyễn Phi Dũng	BĐ-94604-TS	19,3	525	Gỗ	2012	3474/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
774	Trần Thiện Khiêm	BĐ-94655-TS	17,3	475	Gỗ	2013	655/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
775	Nguyễn Giá	BĐ-94657-TS	18,8	535	Gỗ	2013	144/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
776	Nguyễn Hồng Sang	BĐ-94654-TS	19,1	570	Gỗ	2013	493/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
777	Phạm Minh Toàn	BĐ-94643-TS	15,6	360	Gỗ	1994	3773/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
778	Nguyễn Thanh Hùng	BĐ-92292-TS	19,1	475	Gỗ	2013	1801/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
779	Trần Quang Nhi	BĐ-94673-TS	18,9	650	Gỗ	2013	1434/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
780	Trần Hưng Đạo	BĐ-94677-TS	19,1	380	Gỗ	2013	125/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
781	Lê Văn An	BĐ-94678-TS	18,4	400	Gỗ	2013	331/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
782	Nguyễn Văn Phúc	BĐ-92489-TS	21	682	Gỗ	2013	3324/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
783	Nguyễn Thị Thu Tiên	BĐ-98556-TS	18,1	700	Gỗ	1993	2810/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
784	Trần Bết	BĐ-93807-TS	17,3	750	Gỗ	2013	836/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
785	Nguyễn Văn Tâm	BĐ-94682-TS	15,5	165	Gỗ	1999	2889/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
786	Huỳnh Văn Bi Đô	BĐ-94664-TS	17,3	410	Gỗ	2013	560/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
787	Hồ Ngọc Sương	BĐ-94669-TS	17,9	460	Gỗ	2014	1803/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
788	Bùi Văn Công	BĐ-94580-TS	15,2	400	Gỗ	1993	1069/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
789	Nguyễn Ngọc Rô Mạnh	BĐ-92419-TS	19,8	774	Gỗ	2013	644/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
790	Nguyễn Tấn Thời	BĐ-92427-TS	20,3	705	Gỗ	2013	139/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
791	Hồ Văn Hải	BĐ-94688-TS	19,4	475	Gỗ	2013	1097/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
792	Trương Bá Nguyên	BĐ-94646-TS	16,5	380	Gỗ	2013	3651/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
793	Nguyễn Quân	BĐ-94709-TS	16,4	380	Gỗ	2014	2485/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
794	Nguyễn Thanh Hùng	BĐ-94695-TS	19,2	460	Gỗ	2014	629/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
795	Đỗ Chí Dũng	BĐ-94707-TS	20,9	755	Gỗ	2013	2280/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
796	Nguyễn Văn Trung	BĐ-94689-TS	19,6	475	Gỗ	2014	383/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
797	Nguyễn Văn Hải	BĐ-94651-TS	18,3	760	Gỗ	2013	587/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu	

798	Trần Gặp	BĐ-94721-TS	15	380	Gỗ	1998	1869/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
799	Tô Thanh Tân	BĐ-94724-TS	17,1	350	Gỗ	2007	2870/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
800	Trương Xuân Hiệp	BĐ-94713-TS	20,3	820	Gỗ	2014	336/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
801	Nguyễn Văn Hùng	BĐ-94705-TS	20,2	475	Gỗ	2014	748/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
802	Đặng Văn Cu	BĐ-94734-TS	19,1	450	Gỗ	2014	341/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
803	Bùi Văn Tý	BĐ-92399-TS	20,4	475	Gỗ	2014	439/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
804	Võ Văn Công	BĐ-94739-TS	18,3	460	Gỗ	2014	1488/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
805	Đặng Mậu Hữu	BĐ-94725-TS	19,2	480	Gỗ	2014	1487/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
806	Nguyễn Đình Hùng	BĐ-94727-TS	19,4	725	Gỗ	2014	2152/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
807	Nguyễn Thanh Triệu	BĐ-93942-TS	15,4	400	Gỗ	1992	21/2023/BĐ-GPKTTS	Cầu	
808	Nguyễn Chiến	BĐ-94753-TS	19,7	480	Gỗ	2014	2018/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
809	Đặng An	BĐ-94754-TS	20,7	650	Gỗ	2014	3206/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
810	Nguyễn Quốc Trị	BĐ-94758-TS	18,3	535	Gỗ	2014	96/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
811	Võ Đình Trung	BĐ-94742-TS	16,6	380	Gỗ	2014	414/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
812	Trần Phép	BĐ-92249-TS	18,9	525	Gỗ	2014	559/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
813	Huỳnh Văn Hiện	BĐ-92453-TS	20,5	525	Gỗ	2014	204/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
814	Lê Trọng Dũng	BĐ-94745-TS	18,9	410	Gỗ	2014	2533/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
815	Hồ Văn Hôn	BĐ-94708-TS	19,4	475	Gỗ	2014	149/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
816	Lương Thị Cẩm Hoa	BĐ-94743-TS	15,8	270	Gỗ	1991	12/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
817	Nguyễn Văn Kim	BĐ-94747-TS	19,9	650	Gỗ	2014	305/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
818	Trần Văn Em	BĐ-94726-TS	18,5	460	Gỗ	2014	122/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
819	Nguyễn Thanh Tuấn	BĐ-94751-TS	20,7	685	Gỗ	2014	604/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
820	Nguyễn Hồng Nam	BĐ-94757-TS	18,5	550	Gỗ	2014	2401/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
821	Nguyễn Cùa	BĐ-94765-TS	21	685	Gỗ	2014	1167/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
822	Trần Văn Bảng	BĐ-94772-TS	20,5	500	Gỗ	2014	469/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
823	Trần Viết Phần	BĐ-94769-TS	21,3	770	Gỗ	2014	3759/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
824	Lê Văn Đồng	BĐ-94776-TS	21,9	525	Gỗ	2014	3229/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
825	Huỳnh Thanh Phong	BĐ-94779-TS	18,4	410	Gỗ	2014	26/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
826	Huỳnh Ngọc Giai	BĐ-94789-TS	19,2	475	Gỗ	2013	1802/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
827	Đặng Hạnh Niên	BĐ-94797-TS	20,1	460	Gỗ	2015	375/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
828	Võ Tấn Phi	BĐ-92343-TS	17,5	400	Gỗ	2009	446/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	

829	Trần Văn Trung	BĐ-94807-TS	18,4	805	Gỗ	2014	195/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu	
830	Nguyễn Văn Long	BĐ-94814-TS	15,6	270	Gỗ	2009	3801/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
831	Nguyễn Mạnh Bạo	BĐ-94777-TS	20,9	705	Gỗ	2014	3322/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
832	Phan Văn Khiêm	BĐ-94788-TS	17,6	400	Gỗ	2015	609/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
833	Nguyễn Thành Sơn	BĐ-94790-TS	20,6	863	Gỗ	2015	34/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
834	Trần Gặp	BĐ-94822-TS	15,3	380	Gỗ	2011	1911/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
835	Ngô Tùng Tư	BĐ-94796-TS	19,6	506	Gỗ	2015	602/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
836	Nguyễn Văn Nhứt	BĐ-94808-TS	18	400	Gỗ	2015	2813/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
837	Trần Quang Trung	BĐ-94819-TS	21,5	700	Gỗ	2015	281/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
838	Nguyễn Thanh Tuấn	BĐ-92426-TS	20,3	380	Gỗ	2004	258/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
839	Phạm Sang	BĐ-92295-TS	16,9	380	Gỗ	2015	1685/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
840	Trần Văn Chí	BĐ-94798-TS	19,5	480	Gỗ	2015	519/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
841	Võ Văn Tò	BĐ-94824-TS	20,3	400	Gỗ	2015	444/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
842	Võ Cu	BĐ-94826-TS	17,1	360	Gỗ	2015	3339/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
843	Phan Văn Khánh	BĐ-94783-TS	17	380	Gỗ	2015	499/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
844	Võ Văn Cường	BĐ-94821-TS	15,5	270	Gỗ	2015	118/2021/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
845	Nguyễn Thành Trung	BĐ-94816-TS	18,1	410	Gỗ	2015	2488/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
846	Lê Thành Tựu	BĐ-94806-TS	20,1	850	Gỗ	2015	329/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
847	Nguyễn Đức	BĐ-94794-TS	20,7	430	Gỗ	2015	3373/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
848	Trương Dũng	BĐ-94838-TS	17,9	400	Gỗ	2015	797/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
849	Trần Đình Hiên	BĐ-94799-TS	19,9	650	Gỗ	2015	333/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
850	Nguyễn Văn Trường	BĐ-94787-TS	19,5	600	Gỗ	2015	94/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
851	Lê Ngọc Hóa	BĐ-94817-TS	20,3	650	Gỗ	2015	335/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
852	Đoàn Ngọc Thọ	BĐ-92242-TS	18	430	Gỗ	2015	770/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
853	Đặng Văn Sinh	BĐ-94843-TS	17,7	430	Gỗ	2015	230/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
854	Nguyễn Văn Đạo	BĐ-94847-TS	20,6	500	Gỗ	2015	448/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
855	Trần Văn Đông	BĐ-94848-TS	19,7	465	Gỗ	2015	284/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
856	Lê Ngọc Chung	BĐ-94840-TS	20,2	480	Gỗ	2015	76/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
857	Trần Văn Chính	BĐ-94844-TS	19,4	535	Gỗ	2015	334/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
858	Trương Phai	BĐ-94846-TS	19,9	506	Gỗ	2015	500/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
859	Phạm Văn Toàn	BĐ-91607-TS	20,2	760	Gỗ	2015	616/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	

860	Nguyễn Hải Toàn	BĐ-92286-TS	20,7	718	Gỗ	2015	3158/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
861	Phan Trung Cỏ	BĐ-94849-TS	21,2	570	Gỗ	2015	1226/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
862	Nguyễn Cu	BĐ-94866-TS	20,4	430	Gỗ	2015	3323/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
863	Trần Văn Quốc	BĐ-94859-TS	19,9	728	Gỗ	2015	317/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
864	Huỳnh Nhiên	BĐ-94786-TS	19,5	745	Gỗ	2015	141/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
865	Huỳnh Văn Thân	BĐ-92260-TS	15	630	Gỗ	2002	3765/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
866	Nguyễn Minh Hùng	BĐ-94865-TS	17,9	700	Gỗ	2012	1466/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
867	Trần Vinh Hùng	BĐ-92562-TS	19,9	705	Gỗ	2015	268/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
868	Nguyễn Văn Tý	BĐ-94870-TS	18,7	750	Gỗ	2008	1468/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
869	Đặng Thành Công	BĐ-94868-TS	20,5	600	Gỗ	2015	1047/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
870	Nguyễn Tấn Mẫn	BĐ-94875-TS	18,5	444	Gỗ	1999	3428/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
871	Trần Minh Bắc	BĐ-94878-TS	19,75	500	Gỗ	2015	765/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
872	Nguyễn Thanh Cuộc	BĐ-94877-TS	21,2	608	Gỗ	2015	660/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
873	Trần Thành Trung	BĐ-94778-TS	21,5	650	Gỗ	2015	393/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
874	Đỗ Chí Dũng	BĐ-94759-TS	21,7	685	Gỗ	2015	1742/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
875	Trần Ngọc Minh	BĐ-94862-TS	21,3	685	Gỗ	2015	93/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
876	Phan Thị Lực	BĐ-92475-TS	21	770	Gỗ	2015	2751/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
877	Nguyễn Đức Chí	BĐ-94871-TS	19,9	700	Gỗ	2015	1800/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
878	Nguyễn Văn Lai	BĐ-94886-TS	16,5	400	Gỗ	2015	2890/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
879	Đặng Văn Nghiệm	BĐ-94895-TS	18,7	410	Gỗ	2015	95/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
880	Nguyễn Văn Phòng	BĐ-94883-TS	17,3	460	Gỗ	2005	1807/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
881	Bùi Văn Nghĩa	BĐ-92332-TS	17,1	400	Gỗ	2005	2370/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
882	Nguyễn Thanh Hoàng	BĐ-94939-TS	21,1	776	Gỗ	2015	266/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
883	Trương Văn Duy	BĐ-92202-TS	16,7	400	Gỗ	2015	174/2021/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
884	Trương Văn Châu	BĐ-93920-TS	17,3	729	Gỗ	2005	227/2023/BĐ-GPKTTS	Câu	
885	Trà Văn Chờ	BĐ-92436-TS	19,9	520	Gỗ	2015	172/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
886	Nguyễn Kỳ	BĐ-92337-TS	21,25	500	Gỗ	2015	408/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
887	Trương Văn Tân	BĐ-94901-TS	15,6	270	Gỗ	2002	3778/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
888	Nguyễn Thanh Xuân	BĐ-94910-TS	15,4	330	Gỗ	2004	Chưa cấp Giấy phép	Lưới kéo	
889	Trần Hùng	BĐ-92357-TS	16,1	410	Gỗ	2016	675/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
890	Võ Kim Đông	BĐ-91606-TS	16,2	410	Gỗ	2016	2050/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	

891	Lại Văn Bình	BĐ-92066-TS	15,5	300	Gỗ	2016	2418/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
892	Nguyễn Hiếu	BĐ-94932-TS	16,2	380	Gỗ	2016	2335/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu	
893	Đào Duy Phần	BĐ-94897-TS	21,05	650	Gỗ	2015	3256/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
894	Trương Hùng Mạnh	BĐ-94925-TS	21,2	705	Gỗ	2016	578/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
895	Trương Văn Chồ	BĐ-94904-TS	20,2	525	Gỗ	2016	368/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
896	Nguyễn Hồng Thái	BĐ-94907-TS	21,6	730	Gỗ	2015	99/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
897	Đỗ Thành	BĐ-94915-TS	21,9	800	Gỗ	2016	279/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
898	Phan Quyến	BĐ-94841-TS	15,2	360	Gỗ	1992	3832/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
899	Phan Ngọc Chánh	BĐ-94959-TS	19,5	828	Gỗ	2016	2333/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
900	Nguyễn Văn Kim	BĐ-94894-TS	20,8	800	Gỗ	2016	306/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
901	Đặng Văn Bảy	BĐ-94937-TS	19,9	700	Gỗ	2016	2166/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
902	Lê Anh Tuấn	BĐ-94920-TS	18,5	400	Gỗ	2016	1895/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
903	Phan Công Vũ	BĐ-94957-TS	21,6	730	Gỗ	2016	65/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
904	Lê Thành Bình	BĐ-94929-TS	21,4	820	Gỗ	2016	41/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
905	Trần Mỹ	BĐ-94940-TS	21,4	800	Gỗ	2016	126/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
906	Bùi Văn Hùng	BĐ-94961-TS	19,9	715	Gỗ	2016	142/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
907	Nguyễn Văn Tho	BĐ-94923-TS	17,6	410	Gỗ	2016	2025/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
908	Hồ Văn Lô	BĐ-99559-TS	25,01	825	Thép	2016	3413/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
909	Huỳnh Văn Hai	BĐ-92418-TS	22,4	1020	Gỗ	2016	106/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
910	Trà Mỹ Hiệp	BĐ-94921-TS	21,5	500	Gỗ	2016	1101/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
911	Đặng Thành	BĐ-94924-TS	21,6	704	Gỗ	2016	555/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
912	Trương Công Độ	BĐ-94943-TS	21,7	650	Gỗ	2016	508/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
913	Trần Văn Mầm	BĐ-92460-TS	21,1	769	Gỗ	2016	207/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
914	Đỗ Thiên	BĐ-99059-TS	21,85	500	Gỗ	2016	1453/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
915	Huỳnh Văn Cu	BĐ-94967-TS	19	485	Gỗ	2016	608/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
916	Võ Minh Thống	BĐ-92459-TS	21,6	730	Gỗ	2016	594/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
917	Đồng Ban	BĐ-93893-TS	17,2	670	Gỗ	2004	418/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
918	Huỳnh Văn Bi Đô	BĐ-94934-TS	16,1	810	Gỗ	2016	367/2020/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
919	Nguyễn Thành Long	BĐ-92364-TS	17,4	810	Gỗ	2016	56/2023/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
920	Võ Xuân Tòng	BĐ-94964-TS	18,3	770	Gỗ	2016	321/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
921	Nguyễn Văn Chát	BĐ-94969-TS	20,9	707	Gỗ	2016	666/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	

922	Trương Công Phụng	BĐ-94968-TS	21,1	770	Gỗ	2016	104/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
923	Mai Văn Chó	BĐ-94958-TS	21,9	704	Gỗ	2016	2424/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
924	Trần Trọng Hên	BĐ-92409-TS	25,8	720	Gỗ	2012	02/2024/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
925	Nguyễn Văn Sang	BĐ-94947-TS	20,5	650	Gỗ	2016	3737/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
926	Dương Văn Diệu	BĐ-94975-TS	16	360	Gỗ	2006	2419/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
927	Nguyễn Văn Dề	BĐ-94977-TS	21,2	410	Gỗ	2016	330/2021/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
928	Đặng Hạnh	BĐ-94951-TS	20,7	755	Gỗ	2016	2376/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
929	Hồ Trọng Huy	BĐ-94922-TS	19,9	460	Gỗ	2016	678/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
930	Nguyễn Văn Kỳ	BĐ-92301-TS	17,5	400	Gỗ	2016	1318/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
931	Nguyễn Thanh Tuấn	BĐ-94988-TS	21,2	685	Gỗ	2016	600/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
932	Đỗ Xuân Hội	BĐ-94989-TS	22,1	912	Gỗ	2016	2066/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
933	Nguyễn Văn Chở	BĐ-92445-TS	19,7	705	Gỗ	2016	263/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
934	Trần Quốc Sĩ	BĐ-92204-TS	21,7	1100	Gỗ	2016	600/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
935	Nguyễn Tấn Thành	BĐ-94965-TS	16,3	260	Gỗ	2004	Chưa cấp Giấy phép	Lưới rê	
936	Phan Hữu Quốc	BĐ-91600-TS	16,9	380	Gỗ	2003	230/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
937	Phạm Hồng Phong	BĐ-98638-TS	21	500	Gỗ	2016	957/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
938	Phan Xuân Diện	BĐ-94983-TS	15,1	260	Gỗ	1990	3271/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
939	Huỳnh Thanh Hùng	BĐ-92002-TS	15,6	530	Gỗ	1999	311/2020/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
940	Huỳnh Văn Thành	BĐ-99379-TS	30,8	1120	Thép	2016	115/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
941	Huỳnh Văn Trích	BĐ-99389-TS	30,8	1120	Thép	2016	114/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
942	Huỳnh Văn Anh	BĐ-92493-TS	15,3	300	Gỗ	2016	278/2023/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
943	Nguyễn Hoa	BĐ-94984-TS	18,7	460	Gỗ	2016	3445/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
944	Hồ Văn Bình	BĐ-92011-TS	15,7	330	Gỗ	2001	521/2020/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
945	Trần Văn Tàu	BĐ-92012-TS	18,1	400	Gỗ	2002	300/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
946	Hồ Văn Phụng	BĐ-92476-TS	21,5	506	Gỗ	2017	483/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
947	Nguyễn Văn Ngoãn	BĐ-92017-TS	21,9	831	Gỗ	2017	230/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
948	Võ Xuân Tý	BĐ-92008-TS	16	785	Gỗ	2017	284/2020/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
949	Nguyễn Của	BĐ-92026-TS	21,7	755	Gỗ	2017	1048/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
950	Phạm Văn Toàn	BĐ-99023-TS	22,4	831	Gỗ	2017	139/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
951	Phạm Văn Long	BĐ-92024-TS	18,75	725	Gỗ	2015	3604/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
952	Phạm Tuyên Tân	BĐ-92010-TS	15,8	330	Gỗ	1998	Chưa cấp Giấy phép	Lưới rê	

953	Nguyễn Thanh Hòa	BĐ-94986-TS	22,2	910	Gỗ	2017	3738/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
954	Nguyễn Văn Điều	BĐ-92003-TS	15,8	720	Gỗ	2017	327/2020/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
955	Võ Bá Dũng	BĐ-92021-TS	19,6	636	Gỗ	2017	280/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
956	Nguyễn Văn Tốt	BĐ-99035-TS	22,1	988	Gỗ	2017	05/2024/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
957	Nguyễn Anh	BĐ-94985-TS	17,05	360	Gỗ	1996	3797/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
958	Phạm Hồng Đa	BĐ-92032-TS	15,2	270	Gỗ	2004	3580/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
959	Nguyễn Anh Thi	BĐ-94952-TS	17	380	Gỗ	2017	195/2021/BĐ-GPKTTS	Câu	
960	Phạm Minh Mười	BĐ-92057-TS	21,9	705	Gỗ	2017	3259/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
961	Trần Phú	BĐ-92042-TS	21,6	980	Gỗ	2017	391/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
962	Nguyễn Đình Long	BĐ-92049-TS	17,3	730	Gỗ	2017	338/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
963	Lê Văn Tỷ	BĐ-94987-TS	16,9	683	Gỗ	2017	915/2020/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
964	Bùi Văn Minh Hiệp	BĐ-92038-TS	21	460	Gỗ	2017	3228/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
965	Bùi Văn Dũng	BĐ-92387-TS	22,7	410	Gỗ	2017	609/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
966	Trà Văn Đức	BĐ-92025-TS	21,9	650	Gỗ	2017	3233/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
967	Nguyễn Hứa	BĐ-99033-TS	21,7	500	Gỗ	2017	108/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
968	Nguyễn Xinh	BĐ-92097-TS	20,9	718	Gỗ	2000	2897/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
969	Nguyễn Văn Mến	BĐ-92013-TS	17,9	420	Gỗ	2017	191/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
970	Nguyễn Văn Vương	BĐ-92037-TS	22,8	705	Gỗ	2017	3235/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
971	Nguyễn Tấn Đồng	BĐ-98854-TS	22,7	733	Gỗ	2017	577/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
972	Nguyễn Tấn Tú	BĐ-93907-TS	16,1	730	Gỗ	1999	585/2022/BĐ-GPKTTS	Câu	
973	Nguyễn Đình	BĐ-92429-TS	19,8	410	Gỗ	2017	553/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
974	Trần Quốc Toàn	BĐ-92127-TS	21,4	827	Gỗ	2017	2448/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
975	Nguyễn Văn Bông	BĐ-92053-TS	22,6	910	Gỗ	2017	593/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
976	Bùi Văn Cu	BĐ-92067-TS	18,4	400	Gỗ	2017	2896/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
977	Trần Sinh	BĐ-92085-TS	20,7	750	Gỗ	2017	108/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
978	Huỳnh Ngọc Giao	BĐ-92030-TS	15,6	270	Gỗ	2016	2090/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
979	Nguyễn Ngọc Hòa	BĐ-94837-TS	17,15	380	Gỗ	2015	2544/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
980	Nguyễn Xuân Thanh	BĐ-92088-TS	21,25	650	Gỗ	2017	77/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
981	Hồ Văn Vinh	BĐ-92014-TS	16,85	410	Gỗ	2004	3585/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
982	Nguyễn Văn Phát	BĐ-92190-TS	18,8	400	Gỗ	2011	1771/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
983	Nguyễn Văn Phú	BĐ-92089-TS	18,1	720	Gỗ	2017	416/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	

984	Trần Văn Nhân	BĐ-92079-TS	21	550	Gỗ	2017	330/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
985	Nguyễn Văn Xin	BĐ-92019-TS	22	750	Gỗ	2017	225/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
986	Cao Văn Tóc	BĐ-92076-TS	18,1	410	Gỗ	2017	450/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
987	Lê Ngọc Trụ	BĐ-92077-TS	19,9	410	Gỗ	2017	366/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
988	Trần Văn Cu	BĐ-94938-TS	21,1	650	Gỗ	2017	511/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
989	Dương Tấn Đạt	BĐ-92123-TS	21,6	730	Gỗ	2017	456/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
990	Nguyễn Thiện Quang	BĐ-92078-TS	21,7	755	Gỗ	2017	1095/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
991	Trương Hoài Đức	BĐ-99992-TS	24	822	CPS	2017	263/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
992	Trần Quốc Hoàng	BĐ-92189-TS	22,6	910	Gỗ	2017	472/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
993	Bùi Văn Quân	BĐ-94956-TS	21,3	800	Gỗ	2017	1627/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
994	Nguyễn Văn E	BĐ-92099-TS	22,8	704	Gỗ	2017	181/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
995	Hồ Xuân Hùng	BĐ-92071-TS	19,2	460	Gỗ	2017	1239/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
996	Trần Văn Thạch	BĐ-92023-TS	15,9	260	Gỗ	2000	3800/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
997	Hồ Văn Hải	BĐ-92179-TS	22,1	755	Gỗ	2017	1099/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
998	Nguyễn Thanh Xuân	BĐ-94992-TS	15,4	330	Gỗ	2009	Chưa cấp Giấy phép	Lưới rê	
999	Nguyễn Thành Trung	BĐ-92058-TS	21,7	500	Gỗ	2017	08/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1000	Hồ Văn Dũng	BĐ-94913-TS	15,9	230	Gỗ	2017	603/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1001	Trần Quang Đức	BĐ-92107-TS	16,9	360	Gỗ	2017	226/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1002	Nguyễn Nhâm	BĐ-92169-TS	22,6	755	Gỗ	2017	668/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1003	Nguyễn Văn Cu	BĐ-92415-TS	22,5	755	Gỗ	2017	596/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1004	Nguyễn Văn Hoàng	BĐ-92279-TS	22,4	760	Gỗ	2017	2114/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1005	Đỗ Văn Hoan	BĐ-94993-TS	16,05	360	Gỗ	2012	2113/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
1006	Đỗ Thị Xem	BĐ-92074-TS	15,4	380	Gỗ	2004	3799/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
1007	Nguyễn Văn Bé	BĐ-92095-TS	22,6	730	Gỗ	2017	3590/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1008	Nguyễn Văn Tổng	BĐ-99139-TS	24	829	CPS	2017	2104/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1009	Lê Ron	BĐ-99058-TS	22,8	900	Gỗ	2017	2672/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1010	Võ Văn Cường	BĐ-92378-TS	20,8	774	Gỗ	2017	974/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1011	Nguyễn Thành Nhân	BĐ-92075-TS	15,35	400	Gỗ	2000	1863/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
1012	Hồ Đắc Huy	BĐ-92231-TS	22,6	730	Gỗ	2017	255/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1013	Nguyễn Minh Hải	BĐ-94911-TS	15,5	400	Gỗ	1998	Chưa cấp Giấy phép	Lưới rê	
1014	Hồ Văn Vinh	BĐ-92080-TS	18,5	520	Gỗ	2012	3102/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	

1015	Huỳnh Cư	BĐ-92082-TS	16,8	315	Gỗ	2004	3731/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
1016	Bùi Văn Quang	BĐ-99199-TS	24	850	CPS	2017	2576/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1017	Phạm Hồng Quý	BĐ-92094-TS	18,1	410	Gỗ	2009	3843/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
1018	Nguyễn Minh Chánh	BĐ-92083-TS	15,5	400	Gỗ	1990	2320/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
1019	Lê Văn Cu	BĐ-92052-TS	15,9	400	Gỗ	2017	623/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1020	Phan Văn Lộc	BĐ-94766-TS	16,9	350	Gỗ	2005	3796/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1021	Bùi Văn Bình	BĐ-92143-TS	15,5	340	Gỗ	2017	326/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1022	Hồ Thi	BĐ-93939-TS	21,7	759	Gỗ	2018	620/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1023	Dương Văn Quý	BĐ-92413-TS	19,9	650	Gỗ	2014	249/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1024	Bùi Văn Ban	BĐ-92438-TS	16	409	Gỗ	2018	387/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1025	La Ngọc Vần	BĐ-99032-TS	22,2	700	Gỗ	2018	19/2024/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1026	Trần Minh Việt	BĐ-92031-TS	21,4	733	Gỗ	2018	291/2021/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1027	Phan Hồng Kỳ	BĐ-92139-TS	21,9	909	Gỗ	2018	401/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1028	Phan Công Bồi	BĐ-92209-TS	22,6	909	Gỗ	2018	332/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1029	Võ Kim Sơn	BĐ-92237-TS	22,5	909	Gỗ	2018	165/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1030	Phạm Hữu Trung	BĐ-92092-TS	15,8	400	Gỗ	2001	1866/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
1031	Hồ Nghiệp	BĐ-92114-TS	16	340	Gỗ	2017	1661/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1032	Lê Lai	BĐ-92579-TS	21,7	680	Gỗ	2018	43/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1033	Trần Văn Đặc	BĐ-92043-TS	15,7	299	Gỗ	1993	176/2021/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
1034	Đỗ Chí Dũng	BĐ-92358-TS	24	1000	Gỗ	2018	150/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1035	Nguyễn Bánh	BĐ-92033-TS	15,1	220	Gỗ	2018	152/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1036	Trần Văn Hùng	BĐ-92048-TS	15	420	Gỗ	2005	Chưa cấp Giấy phép	Lưới rê	
1037	Huỳnh Thị Bích Sen	BĐ-94741-TS	16	735	Gỗ	1993	2408/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
1038	Nguyễn Văn Câu	BĐ-92101-TS	17	400	Gỗ	2018	1867/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
1039	Nguyễn Tấn Đô	BĐ-92046-TS	18,8	650	Gỗ	2018	2035/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1040	Trần Thanh Tuy	BĐ-92136-TS	20,6	750	Gỗ	2018	340/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1041	Nguyễn Kim Cương	BĐ-92159-TS	22,4	774	Gỗ	2018	1005/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1042	Hồ Vĩ	BĐ-92194-TS	15,4	290	Gỗ	2018	2691/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
1043	Trần Linh Phụng	BĐ-92244-TS	19,9	636	Gỗ	2018	342/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1044	Đinh Ngọc Lâm	BĐ-92065-TS	15,5	355	Gỗ	1995	2868/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
1045	Nguyễn Thành Hiệp	BĐ-92124-TS	18,4	380	Gỗ	1992	147/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	

1046	Nguyễn Tiến	BĐ-92277-TS	23,9	910	Gỗ	2018	2185/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1047	Phan Bi Cốp	BĐ-92165-TS	20,6	500	Gỗ	2014	2587/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1048	Phan Công Toàn	BĐ-92138-TS	22	820	Gỗ	2011	09/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1049	Đỗ Xuân Hội	BĐ-92297-TS	25	1000	Gỗ	2018	1815/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1050	Huỳnh Văn Lẹ	BĐ-92121-TS	15,3	400	Gỗ	2018	272/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
1051	Lê Minh Đăng	BĐ-93946-TS	16,4	400	Gỗ	2017	21/2024/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
1052	Nguyễn Văn Đồng	BĐ-92129-TS	21,9	440	Gỗ	2014	243/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1053	Nguyễn Văn Chiến	BĐ-92062-TS	18,5	460	Gỗ	2018	2283/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1054	Nguyễn Ngọc Lâm	BĐ-92167-TS	18	500	Gỗ	2008	3584/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1055	Nguyễn Ven	BĐ-92132-TS	15,3	360	Gỗ	1995	Chưa cấp Giấy phép	Lưới rê	
1056	Nguyễn Văn Minh	BĐ-92239-TS	18,9	700	Gỗ	2009	1631/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1057	Nguyễn Văn Bông	BĐ-92151-TS	17,2	750	Gỗ	2018	201/2020/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
1058	Hồ Trọng Nhân	BĐ-92163-TS	21,6	800	Gỗ	2018	2630/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1059	Nguyễn Văn Thuận	BĐ-92157-TS	17,5	590	Composite	2018	109/2020/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
1060	Nguyễn Thanh Hùng	BĐ-92269-TS	21,9	750	Gỗ	2018	1660/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1061	Trần Văn Tinh	BĐ-92055-TS	15,3	350	Gỗ	2018	3614/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1062	Tô Thanh Toàn	BĐ-92224-TS	18,1	520	Gỗ	2004	25/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1063	Trần Thánh Sơn	BĐ-92156-TS	21,1	708	Gỗ	2018	289/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1064	Trần Văn Tâm	BĐ-97093-TS	16	400	Gỗ	1999	3411/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1065	Trần Chim	BĐ-95889-TS	17,8	444	Gỗ	2000	1959/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1066	Trần Văn Còi	BĐ-95143-TS	16,05	400	Gỗ	2001	3058/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1067	Phạm Ngọc Ánh	BĐ-97209-TS	15,5	400	Gỗ	1999	3007/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1068	Trương Thị Nghiệp	BĐ-96222-TS	15,6	400	Gỗ	1998	3371/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1069	Bùi Văn Lẹ	BĐ-96408-TS	17,2	780	Gỗ	1998	313/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1070	Vô Văn Quan	BĐ-96187-TS	15,5	420	Gỗ	1999	47/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1071	Điền Xuân Tàu	BĐ-96260-TS	17	705	Gỗ	1993	2680/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1072	Nguyễn Văn Xa	BĐ-97540-TS	16,7	400	Gỗ	1991	2620/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1073	Lê Văn Quang	BĐ-96563-TS	15,1	400	Gỗ	2000	3733/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1074	Đỗ Văn Trọn	BĐ-95893-TS	15,4	410	Gỗ	2006	2133/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1075	Võ Thị Mỹ Lệ	BĐ-96513-TS	15,5	400	Gỗ	1994	1078/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1076	Trần Liên	BĐ-96485-TS	16,1	400	Gỗ	1992	925/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	

1077	Trần Đức Thảo	BĐ-95788-TS	18,3	400	Gỗ	1999	1203/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1078	Nguyễn Hoàn	BĐ-95269-TS	17,2	410	Gỗ	1996	846/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1079	Lê Tấn Triển	BĐ-97387-TS	16,2	400	Gỗ	1999	612/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1080	Phan Ngọc Nhân	BĐ-96335-TS	15,9	400	Gỗ	2000	3221/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1081	Lê Văn Hoàng	BĐ-97218-TS	16	420	Gỗ	1995	2893/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
1082	Nguyễn Văn Cu	BĐ-96306-TS	16,2	400	Gỗ	1990	119/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1083	Huỳnh Chí	BĐ-98515-TS	15	420	Gỗ	2000	1515/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1084	Huỳnh Trương Thường	BĐ-98520-TS	15,6	400	Gỗ	1988	2220/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1085	Nguyễn Văn Đường	BĐ-98602-TS	15,5	400	Gỗ	1992	2458/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1086	Huỳnh Duy Tùng	BĐ-96370-TS	15,4	420	Gỗ	1995	49/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1087	Đặng Văn Diệt	BĐ-96241-TS	15,4	420	Gỗ	2000	2724/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1088	Nguyễn Quốc Hiền	BĐ-96242-TS	15,6	400	Gỗ	1999	2249/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1089	Bùi Thị Kỳ	BĐ-95831-TS	18,1	740	Gỗ	2000	2689/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1090	Ngô Văn Trí	BĐ-96309-TS	15,95	525	Gỗ	1988	3278/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1091	Lê Văn Xơ	BĐ-95894-TS	21	700	Gỗ	1989	3028/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1092	Lê Hùng Cường	BĐ-95860-TS	21	750	Gỗ	1993	116/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1093	Đỗ Nung	BĐ-96595-TS	16,2	420	Gỗ	1992	2982/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1094	Trần Văn Thanh	BĐ-97294-TS	15,5	480	Gỗ	1990	2715/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1095	Nguyễn Văn Lôi	BĐ-96579-TS	17,9	420	Gỗ	1998	90/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1096	Trương Thị Loan	BĐ-97450-TS	17,15	444	Gỗ	1999	2659/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1097	Trần Kiên	BĐ-96442-TS	17,5	774	Gỗ	1991	2670/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1098	Nguyễn Minh Phương	BĐ-98666-TS	17,7	735	Gỗ	1999	1554/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1099	Võ Hữu Chương	BĐ-98494-TS	15,2	420	Gỗ	1999	3129/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1100	Võ Văn Nguyên	BĐ-96173-TS	15,15	420	Gỗ	2000	3646/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1101	La Văn Da	BĐ-96407-TS	16,7	420	Gỗ	1999	1767/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1102	Trần Đình Năm	BĐ-95896-TS	15	410	Gỗ	2000	2774/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1103	Lê Văn Niên	BĐ-97024-TS	18,9	760	Gỗ	2001	2859/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1104	La Minh Thời	BĐ-95820-TS	16,1	420	Gỗ	2000	3139/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1105	Nguyễn Hữu Vi	BĐ-93871-TS	15,5	400	Gỗ	2001	1604/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
1106	Lê Đức Táo	BĐ-96403-TS	16,5	400	Gỗ	1991	3785/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1107	Phạm Sự	BĐ-96562-TS	16,2	400	Gỗ	1998	2351/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

1108	Đỗ Thị Lối	BĐ-96344-TS	17,2	420	Gỗ	1988	2440/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1109	Hồ Văn Lương	BĐ-96434-TS	17	400	Gỗ	1996	2221/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1110	Tăng Thanh Minh	BĐ-96125-TS	16,4	420	Gỗ	1996	848/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1111	Nguyễn Thị Mỹ Liên	BĐ-98742-TS	15,3	400	Gỗ	1988	791/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1112	Trần Ngọc	BĐ-96123-TS	15,9	610	Gỗ	2000	2709/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1113	Huỳnh Văn Thương	BĐ-96263-TS	15,1	420	Gỗ	2000	3341/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1114	Nguyễn Văn Thanh	BĐ-95104-TS	15,7	480	Gỗ	2000	2673/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1115	Ngô Văn Chí	BĐ-96541-TS	15,1	420	Gỗ	2000	2887/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1116	Võ Minh Tự	BĐ-98699-TS	19	750	Gỗ	1996	2100/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1117	Lương Văn Phương	BĐ-98543-TS	15,15	400	Gỗ	1987	797/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1118	Bùi Xuân Vũ	BĐ-97127-TS	15,2	400	Gỗ	2000	2736/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1119	Trương Văn Biên	BĐ-96800-TS	15	400	Gỗ	2001	966/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1120	Ngô Văn Thom	BĐ-96632-TS	16	420	Gỗ	1992	776/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1121	Lý Hoài Quỳnh	BĐ-96039-TS	15,4	400	Gỗ	2004	3302/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1122	Bùi Thanh Ninh	BĐ-96589-TS	19,5	780	Gỗ	1999	1516/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1123	Nguyễn Hùng Cường	BĐ-95379-TS	16,6	420	Gỗ	2001	1336/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1124	Nguyễn Văn Vân	BĐ-93865-TS	15,9	420	Gỗ	1996	3089/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
1125	Nguyễn Văn Thọ	BĐ-96729-TS	15,3	440	Gỗ	2004	1893/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1126	Trần Minh Hậu	BĐ-96975-TS	15,1	447	Gỗ	1996	3645/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1127	Nguyễn Ngọc Việt	BĐ-95027-TS	18,3	410	Gỗ	1995	2998/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1128	Trương Liên	BĐ-96202-TS	18,4	700	Gỗ	1996	03/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1129	Đỗ Văn Lập	BĐ-98592-TS	15	400	Gỗ	1992	2065/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1130	Nguyễn Thanh Hồng	BĐ-96108-TS	15,5	420	Gỗ	1992	1334/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1131	Trần Quan Luân	BĐ-98972-TS	17,7	800	Gỗ	2000	67/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1132	Nguyễn Văn Nhân	BĐ-97043-TS	15,5	400	Gỗ	1993	2943/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1133	Phạm Văn Hát	BĐ-96211-TS	16,05	420	Gỗ	1991	2081/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1134	Lê Trình	BĐ-95463-TS	16,2	420	Gỗ	2005	2337/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1135	Lý Thành Hùng	BĐ-95002-TS	15,9	420	Gỗ	2004	2701/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1136	Điền Lơ	BĐ-95180-TS	16,9	740	Gỗ	2000	2251/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1137	Nguyễn Ngọc Phụng	BĐ-96549-TS	16,3	400	Gỗ	2003	3582/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1138	Nguyễn Văn Lý	BĐ-95725-TS	15,7	420	Gỗ	1992	3615/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

1139	Đỗ Kim Thạch	BĐ-95856-TS	16,1	400	Gỗ	1991	93/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1140	Phan Ngọc Dương	BĐ-97234-TS	15,6	400	Gỗ	2000	2605/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1141	La Văn Sắt	BĐ-96103-TS	17,05	720	Gỗ	2001	2225/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1142	Võ Thị Buôn	BĐ-96284-TS	17,1	420	Gỗ	2001	1077/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1143	Nguyễn Hữu Sự	BĐ-97305-TS	15,5	495	Gỗ	1991	35/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1144	Bùi Văn Minh	BĐ-96303-TS	18,3	500	Gỗ	1997	1524/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1145	Chế Thông	BĐ-96198-TS	18,3	400	Gỗ	1995	2608/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1146	Dương Lai	BĐ-96458-TS	19,05	760	Gỗ	2001	2924/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1147	Nguyễn Văn Thủy	BĐ-96730-TS	16,5	400	Gỗ	2004	2783/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
1148	Nguyễn Thị Mơ	BĐ-98886-TS	15,1	420	Gỗ	2004	3587/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1149	Nguyễn Thị Thu Hồng	BĐ-96387-TS	16,9	420	Gỗ	2000	2537/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1150	Nguyễn Xuân Tuấn	BĐ-98731-TS	15,25	400	Gỗ	1998	300/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1151	Huỳnh Văn Nước	BĐ-96602-TS	15	400	Gỗ	2005	2769/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1152	Bùi Xuân Sơn	BĐ-96228-TS	18,05	805	Gỗ	2003	2622/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1153	Võ Chương	BĐ-96710-TS	16,6	734	Gỗ	2004	59/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1154	Võ Thị Hằng Ni	BĐ-98796-TS	15,2	400	Gỗ	2002	592/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1155	Nguyễn Thiệt	BĐ-96226-TS	15,5	740	Gỗ	1992	182/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1156	Huỳnh Bay	BĐ-96488-TS	15,5	420	Gỗ	1996	1733/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1157	Lê Văn Côi	BĐ-96090-TS	15,9	420	Gỗ	1996	2450/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1158	Huỳnh Đức Ngân	BĐ-96970-TS	16,5	400	Gỗ	1996	2643/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1159	Nguyễn Long	BĐ-96742-TS	15,5	260	Gỗ	2001	681/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1160	Ngô Trọng Hữu	BĐ-96452-TS	18,3	700	Gỗ	1994	3205/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1161	Văn Hòn	BĐ-96280-TS	15,6	400	Gỗ	2008	1445/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1162	Ngô Bườn	BĐ-96459-TS	15,3	420	Gỗ	2000	1601/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1163	Nguyễn Văn Luận	BĐ-96545-TS	15	400	Gỗ	2001	488/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1164	Cao Văn Hải	BĐ-98411-TS	15	400	Gỗ	1996	91/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1165	Nguyễn Văn Này	BĐ-98686-TS	15,4	720	Gỗ	2001	3198/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1166	Ngô Cọt	BĐ-96468-TS	15,6	400	Gỗ	2005	721/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1167	Nguyễn Văn Chằm	BĐ-95777-TS	15,7	444	Gỗ	1993	2078/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1168	La Văn Trắng	BĐ-97324-TS	15,5	400	Gỗ	2002	740/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1169	Phạm Văn Tộc	BĐ-96392-TS	20,2	780	Gỗ	2000	3647/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	

1170	Nguyễn Trục	BĐ-95172-TS	18,3	730	Gỗ	1996	2084/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1171	Phạm Ngọc Công	BĐ-95082-TS	15,4	400	Gỗ	2001	3325/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
1172	Phan Văn Thương	BĐ-95695-TS	15,1	420	Gỗ	2003	2161/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1173	Trần Hiệu	BĐ-96472-TS	15,7	380	Gỗ	2005	3003/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1174	Lê Hoàng	BĐ-95798-TS	17,3	764	Gỗ	1996	2122/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1175	La Phi Sĩ	BĐ-95813-TS	15,7	400	Gỗ	2003	783/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1176	Nguyễn Lai	BĐ-96522-TS	15,4	490	Gỗ	2001	2711/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1177	Ngô Tấn Tài	BĐ-96346-TS	15,5	400	Gỗ	2001	2391/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1178	Huỳnh Trương Thường	BĐ-98719-TS	15,5	400	Gỗ	2003	3704/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1179	Nguyễn Văn Bền	BĐ-96547-TS	17,6	400	Gỗ	2004	2394/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1180	La Xuân Trung	BĐ-96531-TS	15,6	400	Gỗ	1996	2105/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1181	Võ Thị Hương	BĐ-98703-TS	16,8	755	Gỗ	1997	972/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1182	Nguyễn Thị Yển	BĐ-98513-TS	16,2	420	Gỗ	1997	3175/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1183	Nguyễn Xuân Sơn	BĐ-97883-TS	16,3	774	Gỗ	1998	1191/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1184	Huỳnh Chánh Thi	BĐ-96231-TS	19,1	710	Gỗ	1998	507/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1185	Lê Văn Thu	BĐ-95021-TS	16	420	Gỗ	1998	2922/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1186	Nguyễn Thị Lương	BĐ-95041-TS	16,15	400	Gỗ	1998	1598/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
1187	Trần Minh Hiệp	BĐ-95036-TS	16,1	410	Gỗ	1998	2566/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1188	Lê Dũng	BĐ-95076-TS	16,5	420	Gỗ	1997	319/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1189	Nguyễn Thị Thu Thảo	BĐ-95101-TS	16,3	400	Gỗ	1998	2687/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1190	Phan Thanh Gương	BĐ-95085-TS	20,5	400	Gỗ	2008	2798/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1191	Huỳnh Móc	BĐ-95179-TS	15,3	400	Gỗ	2006	2617/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1192	Trần Ngọc Phương	BĐ-95091-TS	16,2	400	Gỗ	1998	862/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1193	Phan Cát	BĐ-96274-TS	17,8	770	Gỗ	1998	2247/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1194	Huỳnh Minh	BĐ-96371-TS	15,1	590	Gỗ	1998	1996/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1195	Kiều Văn Nghiệp	BĐ-98532-TS	16,2	460	Gỗ	1994	3044/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1196	Nguyễn Hữu Kha	BĐ-97222-TS	19,2	730	Gỗ	1996	3776/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1197	Nguyễn Thị Pho	BĐ-96487-TS	15,9	400	Gỗ	1991	2328/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1198	Đỗ Thị Sách	BĐ-98761-TS	15,4	473	Gỗ	1988	2732/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1199	Huỳnh Thanh Hùng	BĐ-96255-TS	17,3	434	Gỗ	1998	801/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1200	Nguyễn Ngọc Sự	BĐ-98702-TS	17,7	400	Gỗ	1988	2146/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	

1201	Lê Hồng Nam	BĐ-95288-TS	15,5	260	Gỗ	1995	2970/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1202	Huỳnh Thị Hà	BĐ-98594-TS	15,05	400	Gỗ	2006	77/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1203	Nguyễn Trọng Đền	BĐ-98754-TS	15	440	Gỗ	1995	159/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1204	Ngô Văn Nam	BĐ-96397-TS	15,4	400	Gỗ	1998	3249/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1205	Nguyễn Chí Thành	BĐ-96118-TS	16	420	Gỗ	1996	05/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1206	Đỗ Ngọc Tuấn	BĐ-96051-TS	20,4	770	Gỗ	1994	2467/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1207	Đỗ Lanh	BĐ-99020-TS	17,3	815	Gỗ	2000	375/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1208	Đào Thanh Hải	BĐ-95010-TS	17,7	420	Gỗ	1998	2116/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1209	Dương Văn Tửu	BĐ-96342-TS	15,8	400	Gỗ	1995	2940/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1210	Đinh Huy Ngộ	BĐ-96174-TS	15,55	400	Gỗ	1996	3332/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1211	Trần Chiền	BĐ-96022-TS	17,8	710	Gỗ	1998	1540/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1212	Lê Thanh Lâm	BĐ-95855-TS	19	450	Gỗ	1991	3290/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1213	Trương Minh Hận	BĐ-96437-TS	16,5	400	Gỗ	1992	3250/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1214	Nguyễn Văn Chóng	BĐ-95883-TS	15,5	400	Gỗ	1996	2849/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1215	Nguyễn Văn Thấy	BĐ-96363-TS	15,4	330	Gỗ	1991	3109/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1216	Nguyễn Vân	BĐ-96395-TS	15,5	420	Gỗ	1996	1874/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1217	Huỳnh Chánh Thi	BĐ-96475-TS	15,1	420	Gỗ	1999	2765/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1218	Phạm Đình Phương	BĐ-96169-TS	15	400	Gỗ	2000	741/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1219	Nguyễn Văn Ngoan	BĐ-98954-TS	17,2	400	Gỗ	2000	661/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1220	Nguyễn Đình Bốn	BĐ-96694-TS	15,3	500	Gỗ	2006	2790/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1221	Nguyễn Tấn Về	BĐ-95755-TS	16,1	400	Gỗ	1994	1460/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1222	Hồ Văn Lai	BĐ-97091-TS	15,3	400	Gỗ	2007	3440/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1223	Lê Thanh Trung	BĐ-97900-TS	15,1	400	Gỗ	1988	392/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1224	Nguyễn Nam	BĐ-95933-TS	15,9	400	Gỗ	1990	2746/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1225	Tôn Văn Sạch	BĐ-96323-TS	15,8	420	Gỗ	1993	3478/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1226	Phạm Hiếu	BĐ-93892-TS	15,7	420	Gỗ	1996	2151/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
1227	Trần Văn Hương	BĐ-96697-TS	15,1	420	Gỗ	1998	530/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
1228	Huỳnh Tinh	BĐ-96265-TS	17,2	460	Gỗ	1996	3401/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1229	Nguyễn Văn Hóa	BĐ-96359-TS	17,1	435	Gỗ	1988	3508/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
1230	Nguyễn Thế Vương	BĐ-95954-TS	16,9	410	Gỗ	1991	189/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1231	Huỳnh Thị Gái	BĐ-98512-TS	16,2	400	Gỗ	1987	2278/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

1232	Huỳnh Cao Bạo	BĐ-96244-TS	19,3	410	Gỗ	1992	2839/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1233	Đặng Văn Long	BĐ-96165-TS	16,1	420	Gỗ	1990	760/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1234	Phạm Vi Chiến	BĐ-96638-TS	16,15	400	Gỗ	1998	1259/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1235	Trương Quốc Phương	BĐ-96423-TS	16,7	740	Gỗ	1996	891/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1236	Đỗ Thành Vũ	BĐ-98916-TS	22,1	700	Gỗ	1992	3388/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1237	Nguyễn Văn Dũ	BĐ-95920-TS	15,1	420	Gỗ	1995	2700/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1238	Phan Thị Hằng	BĐ-98762-TS	15,5	400	Gỗ	1990	81/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1239	Đỗ Thái	BĐ-96278-TS	15,1	400	Gỗ	1992	2250/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1240	Nguyễn Minh Cường	BĐ-96444-TS	16,15	420	Gỗ	1995	1760/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1241	Lê Sô	BĐ-97564-TS	16,1	420	Gỗ	1998	571/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1242	La Văn Trắng	BĐ-97060-TS	15,2	420	Gỗ	1995	2946/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1243	Võ Thinh	BĐ-92311-TS	15,3	270	Gỗ	1992	1963/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1244	Nguyễn Văn Hợp	BĐ-96246-TS	15,5	423	Gỗ	2000	1110/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1245	Nguyễn Hữu Tàu	BĐ-98701-TS	15,15	400	Gỗ	1996	160/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1246	Nguyễn Hải Triều	BĐ-97203-TS	15,3	400	Gỗ	1998	3251/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1247	Võ Nga	BĐ-96124-TS	16,5	400	Gỗ	1998	268/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1248	Lê Xuân Chung	BĐ-96494-TS	16,9	590	Gỗ	1992	321/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1249	La Thề	BĐ-95316-TS	16,6	718	Gỗ	2000	2699/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1250	Lê Thị Dương	BĐ-98677-TS	15,3	420	Gỗ	2001	3257/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1251	La Văn Nhược	BĐ-96502-TS	15,6	420	Gỗ	2001	2388/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1252	Nguyễn Đông Giang	BĐ-98902-TS	16	420	Gỗ	2001	766/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1253	Phan Ngọc Độ	BĐ-98557-TS	15,7	410	Gỗ	2001	2254/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1254	Lê Văn Vương	BĐ-96961-TS	15	400	Gỗ	2000	3030/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1255	La Văn Hàng	BĐ-96521-TS	15,8	400	Gỗ	2001	2600/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1256	Lê Quý Danh	BĐ-96501-TS	15,5	420	Gỗ	2004	3383/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1257	Nguyễn Thanh Diệt	BĐ-96287-TS	17,4	400	Gỗ	2005	3095/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1258	Nguyễn Thu	BĐ-96467-TS	16,3	410	Gỗ	1995	1965/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1259	Huỳnh Thuận	BĐ-96282-TS	16,9	420	Gỗ	1991	144/2020/BĐ-GPKTTS	Câu	
1260	Đỗ Vinh Quy	BĐ-96299-TS	17,9	765	Gỗ	1996	1897/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1261	Trần Nhiên	BĐ-96879-TS	15,1	420	Gỗ	1991	3202/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1262	Nguyễn Minh Trí	BĐ-96506-TS	19,2	730	Gỗ	1988	2468/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

1263	Lê Văn Tánh	BĐ-92166-TS	15,5	420	Gỗ	1991	932/2020/BĐ-GPKTTS	Câu	
1264	Trần Quốc Thống	BĐ-95688-TS	17,4	715	Gỗ	1995	1420/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1265	Phạm Mãng	BĐ-95770-TS	16,2	410	Gỗ	1991	1738/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1266	Nguyễn Thạch	BĐ-98524-TS	16,5	730	Gỗ	2011	1104/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1267	Nguyễn Trọng Đền	BĐ-98783-TS	16,5	720	Gỗ	2000	673/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1268	Vô Kim Danh	BĐ-97051-TS	16	725	Gỗ	1998	2759/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1269	Nguyễn Thùy Dung	BĐ-98700-TS	18,9	700	Gỗ	1998	365/2023/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
1270	Đỗ Thị Niệu	BĐ-97151-TS	15,4	420	Gỗ	1999	2316/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1271	Nguyễn Mười	BĐ-95578-TS	15,35	400	Gỗ	1999	965/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1272	Nguyễn Tú	BĐ-96489-TS	15,1	435	Gỗ	1983	3467/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1273	Võ Tiếp	BĐ-96926-TS	20,2	844	Gỗ	1997	2414/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1274	Hồ Tấn Dũng	BĐ-95764-TS	18,5	400	Gỗ	1998	2176/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1275	Huỳnh Dân	BĐ-97010-TS	16,85	400	Gỗ	1995	3203/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1276	Dương Văn Từu	BĐ-98830-TS	15	400	Gỗ	1995	768/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1277	Võ Văn Thêm	BĐ-97711-TS	15,4	400	Gỗ	1998	3758/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1278	Phan Thanh Hải	BĐ-96854-TS	15,2	444	Gỗ	1999	1848/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1279	Nguyễn Văn Trãi	BĐ-95906-TS	15,7	420	Gỗ	1999	1887/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1280	Nguyễn Văn Châu	BĐ-98575-TS	15,7	400	Gỗ	2000	3096/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1281	Mai Văn Miên	BĐ-96402-TS	17,7	800	Gỗ	2000	3840/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1282	Nguyễn Nga	BĐ-98797-TS	16,9	444	Gỗ	2003	2851/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1283	Nguyễn Văn Thiệt	BĐ-95073-TS	16,9	400	Gỗ	2007	2785/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
1284	Nguyễn Khải	BĐ-96390-TS	16	400	Gỗ	1987	577/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1285	Lê Minh Vũ	BĐ-95130-TS	16,4	410	Gỗ	1998	256/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1286	Nguyễn Hữu Nghĩa	BĐ-97261-TS	16,4	400	Gỗ	1998	3201/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1287	Nguyễn Văn Liêu	BĐ-96043-TS	15,7	420	Gỗ	2001	1674/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1288	Nguyễn Văn Tư	BĐ-96481-TS	17	550	Gỗ	1988	1813/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1289	Bùi Xuân Dũng	BĐ-96337-TS	17,5	735	Gỗ	1996	2491/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1290	Lê Văn Sanh	BĐ-97007-TS	15,4	420	Gỗ	1998	2571/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1291	Huỳnh Xuân Quang	BĐ-96760-TS	15,5	400	Gỗ	1996	3054/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1292	Nguyễn Trung Phương	BĐ-96838-TS	17,05	320	Gỗ	1999	2215/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1293	Nguyễn Mĩn	BĐ-98516-TS	16,2	400	Gỗ	1998	2165/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

1294	Trương Văn Minh	BĐ-96054-TS	20,2	830	Gỗ	1989	514/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1295	Nguyễn Tới	BĐ-95483-TS	15,2	400	Gỗ	2004	3068/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1296	Trần Quang Thảo	BĐ-95942-TS	16,1	420	Gỗ	1991	680/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1297	Huỳnh Văn Thiêm	BĐ-95449-TS	17,7	400	Gỗ	1999	322/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1298	Ngô Anh Toàn	BĐ-98582-TS	15,7	400	Gỗ	1999	1437/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1299	Văn Hữu Ích	BĐ-96536-TS	15	420	Gỗ	1996	2556/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1300	Nguyễn Thị Nhung	BĐ-98827-TS	18,8	750	Gỗ	2000	329/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1301	Huỳnh Lân	BĐ-95922-TS	15,7	460	Gỗ	2005	2553/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1302	Ngô Thị Thanh Thu	BĐ-95861-TS	17,9	410	Gỗ	2006	825/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1303	Nguyễn Hoài Nam	BĐ-96248-TS	16,5	400	Gỗ	1992	1898/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1304	Lê Văn Trương	BĐ-96860-TS	16	400	Gỗ	1992	3029/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1305	Phạm Văn Đồng	BĐ-96351-TS	15,5	400	Gỗ	1988	158/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1306	Võ Văn Ku	BĐ-95070-TS	17,25	740	Gỗ	2005	1393/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1307	Huỳnh Thanh Long	BĐ-98756-TS	18,1	400	Gỗ	1994	823/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1308	Bùi Xuân Toàn	BĐ-95072-TS	15,5	420	Gỗ	2006	2420/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1309	Võ Cường	BĐ-96105-TS	15,9	400	Gỗ	1987	1769/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1310	Ngô Trọng Vinh	BĐ-95120-TS	17,4	460	Gỗ	2001	978/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1311	Trần Thanh Tú	BĐ-95117-TS	17	450	Gỗ	1992	1090/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1312	Hồ Văn Tây	BĐ-96148-TS	16	420	Gỗ	1995	1358/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1313	Trương Thu	BĐ-95190-TS	15	420	Gỗ	2000	2979/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1314	Trần Văn Tài	BĐ-96598-TS	15,7	420	Gỗ	2000	3499/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1315	Nguyễn Thị Giáo	BĐ-98674-TS	16,5	420	Gỗ	1995	276/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1316	Nguyễn Cu Em	BĐ-96445-TS	16,1	560	Gỗ	1998	1246/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1317	Lê Văn Tô	BĐ-95451-TS	16,5	400	Gỗ	1994	2514/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1318	Mai Xuân Chi	BĐ-95631-TS	17,4	730	Gỗ	2004	1068/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1319	Nguyễn Văn Tý	BĐ-95708-TS	15,85	444	Gỗ	2005	3072/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1320	Mai Thị Đồng	BĐ-96354-TS	17,1	700	Gỗ	2001	151/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1321	Nguyễn Hữu Nhất	BĐ-96639-TS	15,9	400	Gỗ	2004	3155/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1322	Trần Văn Dân	BĐ-98852-TS	16,9	400	Gỗ	1991	757/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1323	Võ Ngọc Dâng	BĐ-98627-TS	18,9	820	Gỗ	2000	389/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1324	Huỳnh Oi	BĐ-96129-TS	16,65	494	Gỗ	1998	1337/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

1325	Phan Đậm	BĐ-96643-TS	15,4	420	Gỗ	1989	543/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1326	Huỳnh Sinh Thạch	BĐ-98882-TS	16,8	400	Gỗ	2005	716/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1327	Lê Thị Lan	BĐ-98815-TS	16,05	400	Gỗ	2003	2233/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1328	Huỳnh Ngọc Hoàng	BĐ-95247-TS	17,65	400	Gỗ	1999	1293/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1329	Nguyễn Văn Thân	BĐ-98640-TS	16,5	400	Gỗ	2005	60/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1330	Nguyễn Văn C	BĐ-95478-TS	15,4	400	Gỗ	2004	1925/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1331	Hồ Văn Lầu	BĐ-95205-TS	16,3	410	Gỗ	2005	50/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1332	Mai Xuân Trung	BĐ-96756-TS	16,4	525	Gỗ	2004	840/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1333	Lê Văn Sơn	BĐ-95299-TS	17,5	420	Gỗ	2003	52/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1334	Nguyễn Thị Phú	BĐ-98606-TS	15,5	400	Gỗ	2003	50/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1335	Trần Văn Cẩn	BĐ-98632-TS	19	700	Gỗ	2004	132/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1336	Lê Văn Khuôn	BĐ-95215-TS	15,4	400	Gỗ	2004	2314/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1337	Trương Sĩ Hoàng	BĐ-95395-TS	15,3	420	Gỗ	2004	2753/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1338	Nguyễn Ngọc Liên	BĐ-95381-TS	17,8	400	Gỗ	2005	1197/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1339	Trần Chúng	BĐ-98768-TS	15	400	Gỗ	2005	3015/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1340	La Thành Đông	BĐ-95281-TS	16,9	400	Gỗ	2005	1218/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1341	La Tài	BĐ-95480-TS	15,2	410	Gỗ	2005	2955/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1342	Nguyễn Được	BĐ-95635-TS	16,5	420	Gỗ	2005	2964/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1343	Trần Văn Ngọc	BĐ-95426-TS	18,7	810	Gỗ	2005	1650/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1344	La Văn Bạ	BĐ-95490-TS	17,15	730	Gỗ	2003	921/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1345	Đỗ Văn Như	BĐ-98949-TS	15,8	525	Gỗ	2001	3059/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1346	La Văn Bá	BĐ-95519-TS	16,3	420	Gỗ	2005	2944/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1347	Nguyễn Xuân Quang	BĐ-95520-TS	15,2	420	Gỗ	2005	411/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1348	Huỳnh Nầy	BĐ-95624-TS	15,7	420	Gỗ	2001	757/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1349	Phan Ngọc Liên	BĐ-95630-TS	15,7	400	Gỗ	2003	205/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1350	Hồ Tuấn	BĐ-96167-TS	16,8	400	Gỗ	2005	719/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1351	Trần Bộ	BĐ-95652-TS	15,9	700	Gỗ	2004	2153/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1352	Nguyễn Văn Hào	BĐ-95707-TS	15,8	400	Gỗ	2004	661/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1353	Trần Thu	BĐ-95536-TS	16,1	400	Gỗ	2005	1237/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1354	Lê Thị Nga	BĐ-98874-TS	15,6	400	Gỗ	1998	636/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1355	Bùi Văn Măng	BĐ-98903-TS	16,4	400	Gỗ	2008	571/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

1356	Phan Thánh Anh	BĐ-95640-TS	16,2	400	Gỗ	2005	2727/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1357	Huỳnh Văn Loạn	BĐ-96012-TS	16,4	400	Gỗ	2005	634/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1358	Huỳnh Thị Hải	BĐ-98539-TS	15,1	400	Gỗ	2002	453/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1359	Nguyễn Dàng	BĐ-96526-TS	16,9	460	Gỗ	1991	1462/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1360	Huỳnh Xuân Đô	BĐ-95140-TS	15,5	400	Gỗ	2004	1492/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1361	Trần Cu	BĐ-95096-TS	15,3	420	Gỗ	2000	2917/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1362	Huỳnh Văn Tình	BĐ-95352-TS	16,2	420	Gỗ	2005	1362/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1363	Hồ Văn Hồng	BĐ-98803-TS	17,8	410	Gỗ	2005	779/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1364	Phạm Ngọc Trường	BĐ-95276-TS	18,7	700	Gỗ	1999	2611/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1365	La Văn Sống	BĐ-95227-TS	17,05	435	Gỗ	2003	1285/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1366	Đỗ Hồng Sơn	BĐ-98552-TS	18,6	765	Gỗ	2005	1556/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1367	Huỳnh Văn Hiệu	BĐ-95302-TS	17,4	465	Gỗ	2008	245/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1368	Đào Duy Dũng	BĐ-98531-TS	15,6	400	Gỗ	1994	41/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1369	Nguyễn Lang	BĐ-95438-TS	16,9	400	Gỗ	2000	883/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1370	Võ Văn Thụy	BĐ-95561-TS	17	420	Gỗ	1999	1680/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1371	Nguyễn Thị Tích	BĐ-98982-TS	15,5	400	Gỗ	1993	712/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1372	Nguyễn Gió	BĐ-95587-TS	15,4	400	Gỗ	2001	3336/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1373	Lê Sô	BĐ-96731-TS	16,5	464	Gỗ	2006	570/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1374	Phạm Văn Thảo	BĐ-95142-TS	17,8	400	Gỗ	2007	1120/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1375	Phan Hòa Giang	BĐ-95301-TS	15,9	410	Gỗ	2009	2594/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1376	Nguyễn Sơn	BĐ-95279-TS	20,5	700	Gỗ	2009	2182/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1377	Huỳnh Thị Nhẫn	BĐ-95537-TS	16,9	444	Gỗ	2009	2301/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1378	Nguyễn Văn Phúc	BĐ-95633-TS	16,5	400	Gỗ	2000	843/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1379	Nguyễn Thị Ồm	BĐ-95726-TS	17,2	400	Gỗ	1999	525/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1380	Nguyễn Xuân Trí	BĐ-98970-TS	18,2	780	Gỗ	1998	106/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1381	Đỗ Văn Đức	BĐ-95183-TS	20,6	705	Gỗ	1999	3455/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1382	Nguyễn Thuận	BĐ-95238-TS	15,9	400	Gỗ	1995	92/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1383	Lê Văn Thái	BĐ-95384-TS	15,8	400	Gỗ	1996	2881/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1384	Lê Chạy	BĐ-95422-TS	17,3	420	Gỗ	2000	2610/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1385	Mai Văn Chó	BĐ-97117-TS	16,1	420	Gỗ	2004	2575/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1386	Đỗ Như Ý	BĐ-95497-TS	15,3	275	Gỗ	1992	3264/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

1387	Đinh Thị Phương	BĐ-98425-TS	15,1	410	Gỗ	2004	334/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1388	Nguyễn Văn Tuấn	BĐ-99064-TS	15,1	400	Gỗ	2004	1929/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1389	Nguyễn Văn Đường	BĐ-98875-TS	15,9	420	Gỗ	2004	105/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1390	Phạm Thúc Trường	BĐ-95320-TS	16,4	400	Gỗ	2005	1564/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1391	Lê Văn Nhung	BĐ-95371-TS	16,8	420	Gỗ	2005	2431/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1392	La Cúc	BĐ-95298-TS	16	420	Gỗ	2001	739/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1393	Nguyễn Xi	BĐ-95210-TS	16,1	420	Gỗ	2005	845/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1394	Phan Văn Dũng	BĐ-95263-TS	19,6	700	Gỗ	2005	902/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1395	Nguyễn Xưa	BĐ-97778-TS	17	700	Gỗ	2006	330/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1396	Mai Xuân Toàn	BĐ-95221-TS	15,6	410	Gỗ	2009	3071/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1397	Nguyễn Thị Phụng	BĐ-97481-TS	15,9	420	Gỗ	2009	351/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1398	Phan Văn Dành	BĐ-95220-TS	15,4	473	Gỗ	2009	1269/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1399	Phạm Don	BĐ-97530-TS	16,5	444	Gỗ	2000	614/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1400	Huỳnh Lào	BĐ-95441-TS	15,3	444	Gỗ	2000	792/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1401	Trần Trường Tân	BĐ-95477-TS	15	420	Gỗ	2000	1501/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1402	Ngô Cọt	BĐ-95467-TS	15,5	410	Gỗ	2001	409/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1403	Đỗ Lước	BĐ-95470-TS	17,5	400	Gỗ	2001	1162/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1404	Võ Công	BĐ-95476-TS	15,5	420	Gỗ	2004	1289/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1405	Dương Ngọc Được	BĐ-95431-TS	15,6	400	Gỗ	2004	3541/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1406	Diệp Minh Huệ	BĐ-95474-TS	17,9	400	Gỗ	2005	1906/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1407	Nguyễn Văn Chút	BĐ-95530-TS	18,2	410	Gỗ	2004	299/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1408	La Văn Tá	BĐ-95515-TS	15	400	Gỗ	2005	2344/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1409	Trương Hùng	BĐ-95518-TS	16,7	400	Gỗ	2005	1962/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1410	Đỗ Văn Dư	BĐ-95559-TS	15,1	420	Gỗ	2006	2579/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1411	Nguyễn Văn Toàn	BĐ-95514-TS	15,4	420	Gỗ	2004	2729/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1412	Nguyễn Văn Xanh	BĐ-97360-TS	16,3	440	Gỗ	1999	1931/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1413	Nguyễn Cư	BĐ-95676-TS	15,3	420	Gỗ	2004	567/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1414	Nguyễn Viên	BĐ-95711-TS	15,3	400	Gỗ	2004	2801/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1415	Nguyễn Văn Thường	BĐ-95713-TS	16,5	760	Gỗ	1999	1470/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1416	Lê Văn Anh	BĐ-95731-TS	15,8	420	Gỗ	2003	3438/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1417	Trần Ngọc Minh	BĐ-95408-TS	16,3	400	Gỗ	1998	2968/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

1418	Đặng Thanh Tùng	BĐ-95608-TS	19,1	300	Gỗ	1996	3695/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1419	Huỳnh Văn Lý	BĐ-95387-TS	16,5	420	Gỗ	1992	02/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1420	Nguyễn Văn Năm	BĐ-95029-TS	16,6	420	Gỗ	2000	874/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1421	Nguyễn Văn Sáng	BĐ-95067-TS	17,8	700	Gỗ	2003	1776/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1422	Nguyễn Lê Vi	BĐ-99008-TS	18	400	Gỗ	1999	3407/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1423	Nguyễn Văn Chất	BĐ-95337-TS	15,4	444	Gỗ	2005	2886/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1424	Nguyễn Đình Trái	BĐ-95008-TS	16	400	Gỗ	2002	2177/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1425	Trương Quốc Được	BĐ-98822-TS	15,3	400	Gỗ	2005	2353/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1426	Huỳnh Văn Tú	BĐ-95326-TS	15,5	420	Gỗ	2004	2022/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1427	Trương Thị Gái	BĐ-98977-TS	15,5	540	Gỗ	2004	185/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1428	Trần Văn Trung	BĐ-95450-TS	16,9	420	Gỗ	2000	3088/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1429	Văn Tuấn	BĐ-95657-TS	15,6	420	Gỗ	2005	788/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1430	Nguyễn Đức Nguyên	BĐ-95694-TS	15,5	400	Gỗ	1992	380/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1431	Võ Thanh Dũng	BĐ-95579-TS	17,9	800	Gỗ	2005	2784/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1432	Trần Công	BĐ-95999-TS	16,1	400	Gỗ	2005	1381/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1433	Võ Sơn	BĐ-98631-TS	15,9	420	Gỗ	2004	2169/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1434	La Kim Toàn	BĐ-96733-TS	15,3	400	Gỗ	1994	2277/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1435	Ngô Thị Liên	BĐ-98866-TS	17	778	Gỗ	2012	54/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1436	Đỗ Thị Sách	BĐ-98690-TS	15,05	420	Gỗ	1990	982/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1437	Nguyễn Tấn Vương	BĐ-99012-TS	16,9	725	Gỗ	1998	373/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1438	Nguyễn Chức	BĐ-97303-TS	15,1	420	Gỗ	1998	2821/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1439	Trần Diễm	BĐ-96830-TS	15	400	Gỗ	1999	3216/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1440	Lê Văn Thương	BĐ-96293-TS	15,2	440	Gỗ	1996	3860/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1441	Huỳnh Văn Nhượng	BĐ-98861-TS	16,9	444	Gỗ	1991	2213/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1442	Trần Văn Hồ	BĐ-96451-TS	17,3	420	Gỗ	1996	2862/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1443	Hồ Viết Hùng	BĐ-96647-TS	15,8	330	Gỗ	2002	2582/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1444	La Văn Trường	BĐ-96072-TS	15,3	400	Gỗ	1996	2602/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1445	Lê Cu	BĐ-96540-TS	15,7	420	Gỗ	2004	729/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1446	Chê Thạo	BĐ-96641-TS	19,7	500	Gỗ	2012	2996/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1447	Lý Văn Vang	BĐ-96773-TS	15,7	444	Gỗ	1991	2934/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1448	Huỳnh Lâu	BĐ-95786-TS	16,1	420	Gỗ	2001	2141/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

1449	Trần Trường	BĐ-96411-TS	15,7	360	Gỗ	2008	3218/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1450	Trần Vũ	BĐ-96417-TS	15,2	420	Gỗ	1999	2652/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1451	Trần Hữu Mến	BĐ-96420-TS	19,3	700	Gỗ	2001	3211/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1452	Nguyễn Văn Giò	BĐ-96269-TS	18,6	410	Gỗ	1993	2812/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1453	Nguyễn Văn Cước	BĐ-95785-TS	15,6	400	Gỗ	2001	2158/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1454	Nguyễn Xuân Sang	BĐ-96622-TS	15,3	420	Gỗ	2010	774/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1455	Trương Thị Vân Kiều	BĐ-97227-TS	16,8	460	Gỗ	2005	2149/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1456	Phan Thanh Liêm	BĐ-95876-TS	15,9	410	Gỗ	2000	3753/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
1457	Trần Tốt	BĐ-95689-TS	19,3	420	Gỗ	2005	2529/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1458	Ngô Thị Hồng	BĐ-98601-TS	16,5	400	Gỗ	2007	2816/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1459	Trần Đình Phụng	BĐ-95181-TS	17,1	730	Gỗ	1999	3725/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1460	Nguyễn Cường	BĐ-98745-TS	15,8	410	Gỗ	2005	178/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1461	Lê Thanh Dũng	BĐ-95462-TS	15,5	420	Gỗ	2003	168/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1462	Trần Thị Kim Huệ	BĐ-95621-TS	15,3	400	Gỗ	1991	3305/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1463	Trần Ngọc Hoang	BĐ-96095-TS	20,7	810	Gỗ	2010	2788/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1464	Nguyễn Văn Ngọc	BĐ-96196-TS	16,5	420	Gỗ	2010	1606/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1465	Hồ Văn Nghĩa	BĐ-96219-TS	16,1	400	Gỗ	2010	2101/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1466	Nguyễn Thị Đại	BĐ-96225-TS	16,2	400	Gỗ	2010	1901/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1467	Trương Văn Sương	BĐ-98549-TS	15,4	454	Gỗ	2000	2941/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1468	Phạm Văn Toàn	BĐ-98713-TS	21,5	720	Gỗ	2011	126/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1469	Nguyễn Văn Sáu	BĐ-93896-TS	17,3	720	Gỗ	2012	3828/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1470	Nại Văn Hải	BĐ-96748-TS	18,1	730	Gỗ	2012	569/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1471	Lê Văn Nhỏ	BĐ-98665-TS	18,8	400	Gỗ	2012	3100/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1472	Trần Minh Ta	BĐ-98849-TS	20	500	Gỗ	2013	579/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1473	Phạm Thanh Bình	BĐ-97008-TS	20,15	525	Gỗ	2013	2677/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1474	Kiều Kỳ	BĐ-97096-TS	16	420	Gỗ	2004	2464/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1475	Hồ Xuân Đào	BĐ-97412-TS	15,2	400	Gỗ	2000	3454/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1476	Mai Thị Bích Hạnh	BĐ-98865-TS	18,3	775	Gỗ	2008	563/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1477	Huỳnh Văn Cai	BĐ-95936-TS	16,2	400	Gỗ	1992	2336/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1478	Nguyễn Minh	BĐ-95700-TS	17,5	715	Gỗ	2004	1761/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1479	Nguyễn Hồ	BĐ-95787-TS	17,45	400	Gỗ	1994	970/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

1480	Ngô Tinh	BĐ-98996-TS	17,2	880	Gỗ	2005	1363/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1481	Lê Nghi	BĐ-95059-TS	16,5	460	Gỗ	2004	1429/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1482	Nguyễn Huy	BĐ-98546-TS	16,5	400	Gỗ	2005	2460/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1483	Lê Lợi	BĐ-96001-TS	15,9	420	Gỗ	2001	2397/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1484	Đỗ Thị Phụng	BĐ-95900-TS	15,3	420	Gỗ	2003	2786/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1485	Trần Lên	BĐ-95992-TS	16,1	400	Gỗ	2004	1351/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1486	Lê Minh Phụng	BĐ-96000-TS	16,3	420	Gỗ	2005	2743/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1487	Đào Duy Sơn	BĐ-96075-TS	15,4	444	Gỗ	2004	2725/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1488	Huỳnh Trung	BĐ-95990-TS	15,5	400	Gỗ	2004	48/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1489	Trần Cam	BĐ-96218-TS	17	750	Gỗ	2005	3194/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1490	Nguyễn Văn Đạo	BĐ-97321-TS	16,5	420	Gỗ	2004	2705/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1491	Trần Quyển	BĐ-95472-TS	15,5	420	Gỗ	2004	1561/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1492	Lê Văn Phê	BĐ-96030-TS	15,7	420	Gỗ	2004	2325/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1493	Trương Văn Chính	BĐ-95214-TS	15,3	420	Gỗ	2003	1264/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1494	Trương Văn Teo	BĐ-95318-TS	15,6	400	Gỗ	2004	2449/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1495	Nguyễn Văn Vương	BĐ-96062-TS	16,6	400	Gỗ	2004	1485/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1496	Cao Văn Linh	BĐ-96094-TS	16,7	714	Gỗ	2010	2669/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1497	Trần Cư	BĐ-96192-TS	15,9	420	Gỗ	2010	3392/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1498	Nguyễn Quang	BĐ-96257-TS	15,1	400	Gỗ	2003	896/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1499	Dư Trường	BĐ-96215-TS	16,7	410	Gỗ	2010	1015/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1500	Nguyễn Văn Diễm	BĐ-96206-TS	16,7	770	Gỗ	2010	3157/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1501	La Văn Định	BĐ-96508-TS	15,6	420	Gỗ	2011	2965/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1502	Lê Văn Gìn	BĐ-96740-TS	15	420	Gỗ	1996	2625/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1503	Phan Văn Bảng	BĐ-97035-TS	20,2	733	Gỗ	2009	1473/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1504	Nguyễn Mẫn	BĐ-97287-TS	15,7	400	Gỗ	2005	841/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1505	Nguyễn Lê Kỳ Lưu	BĐ-97385-TS	16,85	400	Gỗ	1993	956/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1506	Trần Văn Khanh	BĐ-98676-TS	17	714	Gỗ	1996	1994/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1507	Ngô Phi Hoàn	BĐ-98547-TS	18,35	700	Gỗ	1997	2708/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1508	Huỳnh Thị Sứ	BĐ-98984-TS	18,2	400	Gỗ	2006	07/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1509	Nguyễn Đào	BĐ-96015-TS	16,2	400	Gỗ	2005	1484/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1510	Lê Điện	BĐ-95620-TS	15,8	400	Gỗ	2005	2574/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

1511	Trần Văn Ván	BĐ-95644-TS	16,65	400	Gỗ	2005	1113/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1512	Lê Hoàng	BĐ-95789-TS	15,8	420	Gỗ	2002	1849/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1513	Tô Anh Sĩ	BĐ-92104-TS	16,5	720	Gỗ	2011	2339/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1514	Ngô Trái	BĐ-96732-TS	18,6	733	Gỗ	2012	2046/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1515	Lý Văn Vang	BĐ-96768-TS	19,6	705	Gỗ	2012	2718/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1516	Phạm Ngọc Minh	BĐ-96840-TS	22,5	730	Gỗ	1995	1450/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1517	Trần Văn Thường	BĐ-96826-TS	18,1	500	Gỗ	2012	3031/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1518	Trần Quảng	BĐ-96876-TS	20,5	444	Gỗ	2012	3001/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1519	La Văn Dân	BĐ-97242-TS	21,1	730	Gỗ	2014	727/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1520	Trần Hạ Long	BĐ-97255-TS	20,4	705	Gỗ	2014	1607/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1521	Huỳnh Đình Hiện	BĐ-97326-TS	16,9	400	Gỗ	2008	2181/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1522	Trần Văn Đạo	BĐ-97330-TS	15,4	420	Gỗ	2009	312/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1523	Phạm Ngọc Dương	BĐ-97317-TS	18,3	744	Gỗ	2014	2757/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1524	Trương Kim Đào	BĐ-97333-TS	15,7	400	Gỗ	2010	1276/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1525	Nguyễn Thị Thu Thúy	BĐ-97376-TS	17	400	Gỗ	2005	247/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1526	Nguyễn Hiền	BĐ-97495-TS	16	420	Gỗ	2004	1977/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1527	Tôn Văn Lâm	BĐ-97466-TS	21,2	410	Gỗ	2015	124/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1528	Lê Văn Lo	BĐ-96025-TS	18,3	500	Gỗ	2000	1571/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1529	La Văn Hồng	BĐ-95421-TS	15,5	400	Gỗ	2005	899/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1530	Nguyễn Văn Tô	BĐ-95445-TS	16,7	410	Gỗ	2005	2163/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1531	Võ Mỹ	BĐ-95996-TS	17,6	705	Gỗ	2005	2598/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1532	Nguyễn Tường	BĐ-98966-TS	18,3	410	Gỗ	2004	2477/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1533	Nguyễn Văn Đo	BĐ-95684-TS	16,3	420	Gỗ	2005	2915/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1534	Cái Văn Mới	BĐ-95585-TS	16,6	400	Gỗ	2005	3214/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1535	Đỗ Minh Tú	BĐ-97441-TS	16,4	400	Gỗ	2000	2036/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1536	Võ Minh Nhị	BĐ-95738-TS	16,45	460	Gỗ	2001	3348/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1537	Nguyễn Văn Thảo	BĐ-96080-TS	15,8	420	Gỗ	2001	2148/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1538	Nguyễn Lành	BĐ-98743-TS	15,4	420	Gỗ	2003	691/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1539	Huỳnh Tạng	BĐ-96042-TS	15,7	400	Gỗ	2005	520/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1540	Nguyễn Chí Thuận	BĐ-95909-TS	19	500	Gỗ	1996	2057/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1541	Nguyễn Minh Sanh	BĐ-95960-TS	16,5	420	Gỗ	1993	1971/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

1542	Hồ Văn Phúc	BĐ-98660-TS	16	740	Gỗ	1999	2607/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1543	Nguyễn Thành Chung	BĐ-96170-TS	15,7	400	Gỗ	2001	2713/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1544	Trần Văn Dũng	BĐ-98618-TS	15,1	400	Gỗ	2004	279/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1545	Huỳnh Khi	BĐ-95168-TS	16,6	400	Gỗ	2005	1945/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1546	Đỗ Thị Phụng	BĐ-96367-TS	15,1	420	Gỗ	2003	235/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1547	La Văn Lanh	BĐ-95038-TS	16,4	500	Gỗ	2005	1192/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1548	Nguyễn Văn Ka	BĐ-95111-TS	17	500	Gỗ	1991	2822/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1549	Trần Muôn	BĐ-95924-TS	17,5	780	Gỗ	1988	2640/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1550	Phạm Ngọc Bằng	BĐ-95137-TS	16,2	400	Gỗ	1999	1089/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1551	La Văn Giai	BĐ-95616-TS	16,2	410	Gỗ	2005	779/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1552	Văn Hồng Chung	BĐ-96045-TS	16,5	475	Gỗ	2005	1091/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1553	Trương Phương	BĐ-95149-TS	16,9	400	Gỗ	2006	2828/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1554	Đào Thêm	BĐ-95843-TS	15,2	400	Gỗ	2006	287/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1555	Huỳnh Thị Thu Liệu	BĐ-96224-TS	15	400	Gỗ	1992	161/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1556	Võ Bình	BĐ-96013-TS	16,2	420	Gỗ	2004	2928/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1557	Nguyễn Văn Này	BĐ-96112-TS	15,4	704	Gỗ	2004	486/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1558	Phan Thanh Thuận	BĐ-96018-TS	15,1	443	Gỗ	2004	1071/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1559	Dương Văn Dũng	BĐ-95236-TS	16,8	420	Gỗ	2001	1380/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1560	Nguyễn Thành Nguyên	BĐ-96455-TS	16	400	Gỗ	2003	731/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1561	Nguyễn Văn Thã	BĐ-98837-TS	16,2	410	Gỗ	1995	2737/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1562	Trương Thị Thảo	BĐ-97616-TS	16,7	548	Gỗ	1996	3039/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1563	Võ Văn Long	BĐ-98753-TS	16,35	400	Gỗ	1995	292/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1564	Nguyễn Văn Vân	BĐ-96083-TS	16,8	420	Gỗ	2004	1624/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1565	Bùi Hữu Hoàng	BĐ-96067-TS	15,5	400	Gỗ	2005	379/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1566	Đỗ Hoàng Đức	BĐ-95324-TS	17,5	820	Gỗ	2005	2142/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1567	Huỳnh Ngọc Tuấn	BĐ-95386-TS	16,6	500	Gỗ	2007	2961/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1568	Cao Văn Bé	BĐ-98440-TS	17,05	410	Gỗ	2001	964/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1569	La Văn Bí	BĐ-95323-TS	15,35	700	Gỗ	2004	2226/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1570	Nguyễn Ngọc Lễ	BĐ-95270-TS	15,7	500	Gỗ	2004	1936/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1571	Huỳnh Vương	BĐ-95226-TS	15,4	400	Gỗ	2005	2693/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1572	Lý Văn Phải	BĐ-95436-TS	16,3	460	Gỗ	1998	3761/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

1573	Huỳnh Văn Thu	BĐ-96692-TS	16,4	475	Gỗ	2000	2829/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1574	Phan Ngọc Hoan	BĐ-97723-TS	16,5	420	Gỗ	2004	1546/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1575	Huỳnh Tuấn	BĐ-95488-TS	15,5	420	Gỗ	2005	2698/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1576	Mai Xuân Nhu	BĐ-96698-TS	17,8	400	Gỗ	2011	2770/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1577	Chế Văn Cu	BĐ-98787-TS	16,5	500	Gỗ	2010	2489/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1578	Phan Ngọc Hoàng	BĐ-96071-TS	15,2	400	Gỗ	2005	1352/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1579	Phạm Thị Ngà	BĐ-96028-TS	16,1	400	Gỗ	1992	3635/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1580	Thái Ngọc Minh	BĐ-96046-TS	20,4	704	Gỗ	2010	1736/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1581	Phan Minh Quốc	BĐ-95609-TS	16,9	410	Gỗ	2009	566/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1582	Nguyễn Thị Tà	BĐ-95746-TS	16,8	500	Gỗ	2005	2800/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1583	Võ Văn Tá	BĐ-96008-TS	15,7	420	Gỗ	2000	49/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1584	Trần Văn Tuấn	BĐ-96216-TS	17,7	725	Gỗ	2010	2942/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1585	Võ Văn Vương	BĐ-96232-TS	16,2	740	Gỗ	2010	952/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1586	Nguyễn Văn Tính	BĐ-96273-TS	16	444	Gỗ	2010	1428/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1587	Trần Thị Kim Chi	BĐ-99022-TS	17,9	730	Gỗ	2010	367/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1588	Lâm Thú	BĐ-95751-TS	16,4	420	Gỗ	2005	177/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1589	Nguyễn Văn Đạm	BĐ-96520-TS	15,6	400	Gỗ	1980	3365/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1590	Trương Văn Nhi	BĐ-96558-TS	18,9	500	Gỗ	2011	3472/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1591	Lê Ngọc Ninh	BĐ-96571-TS	17,1	740	Gỗ	2011	126/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1592	Phan Văn Luận	BĐ-99011-TS	19,3	400	Gỗ	2012	378/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1593	Võ Thế Cường	BĐ-96728-TS	19,9	755	Gỗ	2012	3124/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1594	Nguyễn Văn Trinh	BĐ-96695-TS	19,1	718	Gỗ	2012	1919/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1595	Ngô Tấn Trần	BĐ-96757-TS	16,8	774	Gỗ	2012	1820/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1596	Phan Minh Phú	BĐ-96774-TS	21,2	770	Gỗ	2012	889/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1597	Chế Minh Thanh	BĐ-96801-TS	17,5	410	Gỗ	2012	30/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1598	Đặng Văn Học	BĐ-96822-TS	22	730	Gỗ	1999	3453/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1599	Mai Văn Miên	BĐ-96847-TS	21,7	730	Gỗ	2012	1463/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1600	Chế Minh Đại	BĐ-96859-TS	18,6	730	Gỗ	2012	3190/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1601	Nguyễn Văn Trinh	BĐ-96899-TS	19,6	750	Gỗ	2012	1805/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1602	Võ Phi Long	BĐ-96866-TS	20,7	475	Gỗ	2013	3667/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1603	Trương Văn Nhiều	BĐ-96886-TS	21	400	Gỗ	2012	2792/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	

1604	Trương Văn	BĐ-96878-TS	17,3	730	Gỗ	2012	2080/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1605	Nguyễn Thân	BĐ-96981-TS	21,2	805	Gỗ	2013	3629/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1606	Dư Bình	BĐ-97057-TS	19,1	800	Gỗ	2013	3118/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1607	Huỳnh Hương	BĐ-97325-TS	16,5	410	Gỗ	2000	821/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1608	Nguyễn Văn Trọng	BĐ-97813-TS	17	400	Gỗ	2000	1973/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1609	Lê Sơn	BĐ-96304-TS	15,1	400	Gỗ	2000	2597/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1610	Lê Văn Tân	BĐ-95584-TS	16,1	400	Gỗ	2004	2324/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1611	Nguyễn Kỳ	BĐ-95971-TS	18,9	718	Gỗ	2004	2495/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1612	Ngô Thanh Phong	BĐ-95819-TS	16,2	444	Gỗ	1992	1964/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1613	Nguyễn Văn Hải	BĐ-95824-TS	15,1	420	Gỗ	2000	1039/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1614	Huỳnh Thận Nam	BĐ-95825-TS	16	420	Gỗ	2001	2547/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1615	Nguyễn Văn Hùng	BĐ-95823-TS	15,9	420	Gỗ	2004	1040/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1616	Nguyễn Thanh Huỳnh	BĐ-98540-TS	22,6	460	Gỗ	2005	3240/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1617	Lâm Thân	BĐ-96029-TS	15,45	420	Gỗ	1995	2557/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1618	Nguyễn Lầy	BĐ-96010-TS	15,3	420	Gỗ	2004	2975/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1619	Nguyễn Phụng	BĐ-95988-TS	16,2	400	Gỗ	2005	820/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1620	Huỳnh Tấn Lê	BĐ-96004-TS	16,3	400	Gỗ	2005	2716/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1621	Nguyễn Văn Sang	BĐ-96266-TS	15,5	780	Gỗ	2005	212/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1622	Nguyễn Dênh	BĐ-96156-TS	16,3	420	Gỗ	2005	1928/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1623	Nguyễn Sương	BĐ-95235-TS	17,6	590	Gỗ	2007	583/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1624	Nguyễn Sang	BĐ-96068-TS	15,8	420	Gỗ	1996	1372/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1625	Trần Văn Dân	BĐ-98482-TS	15,25	400	Gỗ	2001	3242/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1626	Trần Quốc Tuấn	BĐ-96099-TS	15,4	420	Gỗ	2003	2451/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1627	La Văn Lực	BĐ-96031-TS	15,8	704	Gỗ	2004	3149/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1628	Lê Nhơn	BĐ-96121-TS	15,9	420	Gỗ	2005	198/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1629	Huỳnh Thanh Tuấn	BĐ-95651-TS	18,1	400	Gỗ	2006	2778/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1630	Nguyễn Bình	BĐ-95728-TS	16,1	400	Gỗ	2009	2675/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1631	Võ Hiên	BĐ-96065-TS	15,1	400	Gỗ	2003	1339/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1632	Huỳnh Ngọc Em	BĐ-96214-TS	15,4	400	Gỗ	2010	2452/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1633	Mai Xuân Hoa	BĐ-96201-TS	15,9	720	Gỗ	2010	2686/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1634	Trần Văn Biền	BĐ-96262-TS	15,8	420	Gỗ	2010	206/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

1635	Nguyễn Văn Bền	BĐ-96454-TS	16,1	760	Gỗ	2011	732/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1636	Trần Minh Đại	BĐ-96517-TS	17,1	750	Gỗ	2011	854/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1637	Huỳnh Sương	BĐ-98611-TS	16,2	400	Gỗ	2011	2648/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1638	La Văn Đăng	BĐ-96527-TS	15,5	405	Gỗ	2011	2830/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1639	Nguyễn Văn Câu	BĐ-96518-TS	16,15	400	Gỗ	2011	1894/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1640	Nguyễn Văn Sang	BĐ-96716-TS	16,7	740	Gỗ	2012	213/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1641	Huỳnh Phở	BĐ-98502-TS	15,9	420	Gỗ	2002	53/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1642	Lê Hồng Bắc	BĐ-95206-TS	16,5	400	Gỗ	2005	2836/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1643	Huỳnh Văn Giải	BĐ-95575-TS	16,8	704	Gỗ	2005	3094/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1644	Nguyễn Thị Chấn	BĐ-98961-TS	17,25	790	Gỗ	2005	57/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1645	Huỳnh Thị Tuyết Nhung	BĐ-98931-TS	17,1	400	Gỗ	2007	357/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1646	Võ Đò	BĐ-95218-TS	16,2	410	Gỗ	2005	519/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1647	Trương Thành Hải	BĐ-95489-TS	18,6	460	Gỗ	1998	2958/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1648	Phan Anh Diệt	BĐ-96415-TS	16,9	770	Gỗ	2011	455/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1649	Trần Đình Tại	BĐ-95991-TS	15,9	420	Gỗ	2005	2466/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1650	Phan Minh Định	BĐ-95743-TS	19,3	860	Gỗ	2004	2749/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1651	Phan Văn Diệp	BĐ-95757-TS	20,7	420	Gỗ	2005	1519/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1652	Nguyễn Ngọc Liên	BĐ-96059-TS	17,1	460	Gỗ	2005	1999/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1653	Võ Thanh Sơ	BĐ-95816-TS	20,4	460	Gỗ	2007	2900/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1654	Cái Văn Tây	BĐ-95250-TS	15,9	400	Gỗ	2005	2834/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1655	Nguyễn Văn Cây	BĐ-95306-TS	15,8	420	Gỗ	2005	197/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1656	Trương Văn Tý	BĐ-95496-TS	15,3	400	Gỗ	2004	2837/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1657	Ngô Văn Âu	BĐ-98600-TS	16,7	420	Gỗ	1992	1500/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1658	Nguyễn Thanh Tâm	BĐ-96270-TS	15,7	400	Gỗ	2005	3456/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1659	Phạm Ngọc Độ	BĐ-96109-TS	16,4	420	Gỗ	2010	2426/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1660	Nguyễn Thị Thanh Thúy	BĐ-98929-TS	15,5	420	Gỗ	2004	2728/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1661	Nguyễn Minh Toàn	BĐ-98623-TS	16,2	750	Gỗ	2011	819/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1662	Nguyễn Đức	BĐ-98460-TS	15,45	400	Gỗ	2011	1772/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1663	La Văn Nhược	BĐ-96703-TS	16,3	420	Gỗ	2012	2389/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1664	Nguyễn Văn Hạnh	BĐ-97223-TS	19,1	745	Gỗ	2012	344/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1665	Trần Văn Vương	BĐ-97990-TS	17,1	410	Gỗ	1999	807/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

1666	Nguyễn Bình	BĐ-95566-TS	15,1	443	Gỗ	2000	3644/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1667	Ngô Kiệm	BĐ-95897-TS	15,55	420	Gỗ	2005	2871/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1668	La Văn Sỹ	BĐ-96463-TS	15,6	505	Gỗ	2011	3150/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1669	Võ Văn Bộn	BĐ-96016-TS	17,1	400	Gỗ	1998	2730/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1670	Võ Thanh Đô	BĐ-96017-TS	19,9	460	Gỗ	1999	3173/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1671	Nguyễn Văn Phưởng	BĐ-98617-TS	19	700	Gỗ	2007	657/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1672	Nguyễn Văn Bảo	BĐ-96746-TS	17	725	Gỗ	1989	890/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1673	Nguyễn Văn Hòa	BĐ-97262-TS	15,7	420	Gỗ	1992	344/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1674	Võ Khắc Phát	BĐ-95715-TS	16,8	400	Gỗ	1993	1603/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1675	Lê Văn Cuộc	BĐ-97090-TS	15,3	400	Gỗ	2000	3412/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1676	Nguyễn Hữu Kha	BĐ-95532-TS	19,4	770	Gỗ	2004	3140/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1677	Lâm Công Trờ	BĐ-98694-TS	15,6	400	Gỗ	1991	327/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1678	Cao Văn Tin	BĐ-95914-TS	19,2	700	Gỗ	1998	2183/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1679	Nguyễn Thị Vân	BĐ-96234-TS	15,5	280	Gỗ	1999	3245/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1680	Nguyễn Cả	BĐ-95802-TS	17,5	400	Gỗ	2001	1044/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1681	Dư Bính	BĐ-96426-TS	15,45	520	Gỗ	1991	3390/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1682	Đỗ Hùng Vũ	BĐ-92175-TS	16,8	420	Gỗ	1995	123/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1683	Trần Đình Xang	BĐ-96172-TS	16,7	500	Gỗ	1991	1202/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1684	Võ Văn Thượng	BĐ-98043-TS	16,1	400	Gỗ	1990	1031/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1685	Trần Thị Hà Xuân Hương	BĐ-95958-TS	16,1	400	Gỗ	2004	1768/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1686	Nguyễn Thanh Quân	BĐ-96707-TS	17,9	770	Gỗ	1997	1506/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1687	Trương Sờ	BĐ-95461-TS	16,6	400	Gỗ	2001	842/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1688	La Văn Tư	BĐ-96197-TS	15,9	400	Gỗ	2005	2074/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1689	Trần Quang Phép	BĐ-95976-TS	15,2	400	Gỗ	1996	3502/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1690	Trương Minh Muồn	BĐ-97207-TS	17,5	720	Gỗ	1990	3255/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1691	Trần Văn Cam	BĐ-97240-TS	15,45	400	Gỗ	1992	1430/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
1692	Nguyễn Văn Sen	BĐ-96024-TS	15,2	400	Gỗ	1987	1482/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1693	Lê Hà Ngọc	BĐ-95332-TS	16,9	400	Gỗ	1994	3552/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1694	Lê Anh Sĩ	BĐ-98142-TS	15,2	400	Gỗ	1996	1059/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1695	Phạm Thị Kim Long	BĐ-95590-TS	15,7	420	Gỗ	1999	872/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1696	Đỗ Thị Trang	BĐ-97659-TS	16,9	420	Gỗ	2000	780/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

1697	Trần Đồng	BĐ-95975-TS	15,4	420	Gỗ	2001	1093/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1698	Nguyễn Thị Xuân Thanh	BĐ-95614-TS	15,3	270	Gỗ	2004	1991/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1699	Nguyễn Thanh Đường	BĐ-95164-TS	16,2	420	Gỗ	1992	2134/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1700	Đào Sá	BĐ-95534-TS	16,3	420	Gỗ	2001	828/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1701	Trần Nói	BĐ-96372-TS	15,4	400	Gỗ	1993	2180/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1702	Vô Văn Dinh	BĐ-98790-TS	16,2	704	Gỗ	1991	1036/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1703	Đỗ Như Nghĩa	BĐ-95586-TS	15,2	270	Gỗ	1999	3449/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1704	Nguyễn Đình Chu	BĐ-97133-TS	16,1	400	Gỗ	1996	2939/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1705	Nguyễn Xuôi	BĐ-96841-TS	17,1	440	Gỗ	1981	726/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1706	Hồ Tuấn	BĐ-95573-TS	16	400	Gỗ	1992	3439/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1707	Văn Hữu Ích	BĐ-95658-TS	16,5	260	Gỗ	2005	3370/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1708	Nguyễn Hữu Khả	BĐ-95013-TS	18,1	730	Gỗ	1992	2534/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1709	Nguyễn Văn Toàn	BĐ-95701-TS	16,2	400	Gỗ	2001	1757/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1710	Lê Thành Thúc	BĐ-95799-TS	15,7	498	Gỗ	2005	544/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1711	Võ Chí Thanh	BĐ-95840-TS	16,9	400	Gỗ	1997	402/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
1712	Nguyễn Hữu Hưng	BĐ-98584-TS	19,8	460	Gỗ	1991	3122/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1713	Ngô Văn Đăng	BĐ-95653-TS	16,9	400	Gỗ	2000	3062/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1714	Nguyễn Văn Chi	BĐ-97622-TS	16,9	400	Gỗ	2005	258/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1715	Trần Văn Tới	BĐ-95499-TS	15	420	Gỗ	1988	2551/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1716	Ngô Sơn	BĐ-95841-TS	16,1	420	Gỗ	1992	410/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1717	Vô Văn Thừa	BĐ-98525-TS	16,4	400	Gỗ	1988	1539/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1718	Trần Thị Cúc	BĐ-97105-TS	16,2	400	Gỗ	1991	2703/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1719	Trần Văn Đàm	BĐ-95056-TS	17,9	400	Gỗ	1996	1766/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1720	Nguyễn Văn Thanh	BĐ-95854-TS	19,9	730	Gỗ	1993	3346/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1721	Đặng Văn Lồng	BĐ-96389-TS	19,1	750	Gỗ	1991	3476/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1722	Nguyễn Văn Tại	BĐ-95945-TS	17,1	460	Gỗ	1996	1126/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1723	Nguyễn Văn Phú	BĐ-98859-TS	18,5	720	Gỗ	1998	2704/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1724	Trần Hồng	BĐ-95836-TS	17	750	Gỗ	1998	2613/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1725	Phan Lùn	BĐ-96496-TS	17,4	730	Gỗ	1996	2773/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1726	Nguyễn Trọng Đến	BĐ-96530-TS	15,8	400	Gỗ	1996	3199/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1727	Đỗ Quý Đức	BĐ-96166-TS	17	420	Gỗ	1993	1845/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

1728	Nguyễn Phước Triều	BĐ-96110-TS	15,8	400	Gỗ	1993	1050/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1729	Nguyễn Trọng Vàng	BĐ-97050-TS	15,4	400	Gỗ	1998	607/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
1730	Đỗ Văn Liên	BĐ-95908-TS	15,1	420	Gỗ	1992	269/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1731	Nguyễn Thị Nữ	BĐ-95919-TS	17,05	725	Gỗ	1990	2590/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1732	Nguyễn Lê	BĐ-95019-TS	16,4	410	Gỗ	1996	1955/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1733	Võ Thanh Đô	BĐ-96972-TS	15,8	500	Gỗ	1996	3736/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1734	Nguyễn Minh Sanh	BĐ-96139-TS	16,1	420	Gỗ	1990	208/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1735	Huỳnh Văn Tiến	BĐ-95053-TS	17,3	730	Gỗ	1990	3217/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1736	Võ Văn Cu	BĐ-95498-TS	15,4	460	Gỗ	1992	898/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1737	Phạm Thị Thang	BĐ-95032-TS	17,2	845	Gỗ	1996	1062/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1738	Ché Văn Cần	BĐ-96855-TS	15,7	400	Gỗ	1999	1193/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1739	Lê Văn Quốc	BĐ-95859-TS	16,3	420	Gỗ	1991	1944/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1740	Nguyễn Văn Tàu	BĐ-96037-TS	16,1	270	Gỗ	2000	2782/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
1741	Phạm Văn Hường	BĐ-95939-TS	15,3	400	Gỗ	1999	851/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1742	Trần Thị Thu Thủy	BĐ-97124-TS	15,7	400	Gỗ	1999	3574/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1743	Phan Thêm	BĐ-97302-TS	17,1	750	Gỗ	1999	923/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1744	Nguyễn Thị Hiệp	BĐ-98680-TS	18	710	Gỗ	1999	3727/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1745	Trần Thanh Vũ	BĐ-98817-TS	15,3	400	Gỗ	1999	3842/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1746	Lê Văn Thắng	BĐ-98856-TS	18,1	734	Gỗ	2000	1060/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1747	Nguyễn Kịp	BĐ-95030-TS	15,4	444	Gỗ	2000	2840/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1748	La Cúc	BĐ-98778-TS	18,2	700	Gỗ	2000	1671/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1749	Võ Thanh Vân	BĐ-97100-TS	15,45	270	Gỗ	2000	2791/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
1750	Nguyễn Thanh Phong	BĐ-96440-TS	15,4	444	Gỗ	2000	2761/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1751	Nguyễn Văn Vương	BĐ-95026-TS	15,3	420	Gỗ	2001	3239/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
1752	Huỳnh Văn Long	BĐ-95869-TS	17,5	400	Gỗ	2001	1013/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1753	Đoàn Văn Hiếu	BĐ-95851-TS	18,6	755	Gỗ	2001	3447/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1754	Nguyễn Văn Lâm	BĐ-95037-TS	17,9	400	Gỗ	2003	1053/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1755	Lê Ngọc Anh	BĐ-95878-TS	18,3	750	Gỗ	2004	3410/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1756	Nguyễn Hữu Nam	BĐ-95865-TS	15,1	410	Gỗ	2005	1663/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
1757	Lê Văn Thống	BĐ-95910-TS	15,5	525	Gỗ	2005	3193/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1758	Huỳnh Thị Mỹ Lại	BĐ-93933-TS	16	400	Gỗ	1993	780/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

1759	Đặng Văn Đăng	BĐ-96101-TS	18,5	714	Gỗ	2005	2531/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1760	Đào Duy Tuấn	BĐ-98807-TS	16,5	710	Gỗ	2005	3372/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1761	Nguyễn Hùng	BĐ-95031-TS	20	400	Gỗ	2006	377/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1762	Ngô Xin	BĐ-95857-TS	18,2	700	Gỗ	2008	3148/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1763	Lê Văn Thường	BĐ-98613-TS	16,7	400	Gỗ	1999	808/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1764	Bùi Hữu Công	BĐ-98589-TS	17,5	420	Gỗ	1991	1701/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1765	Cao Ốm	BĐ-96613-TS	19,5	410	Gỗ	1991	149/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1766	Nguyễn Văn Luân	BĐ-98808-TS	16,2	730	Gỗ	1993	980/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1767	Mai Xuân Châu	BĐ-95110-TS	16,5	720	Gỗ	1996	849/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1768	Lê Văn Tá	BĐ-95106-TS	18,6	720	Gỗ	1998	2360/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1769	Võ Đốc	BĐ-95113-TS	18,3	360	Gỗ	1993	2856/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1770	Phạm Thái	BĐ-96810-TS	15,2	420	Gỗ	1992	1286/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1771	Huỳnh Thanh Phi	BĐ-95997-TS	16,2	270	Gỗ	1991	2366/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1772	La Văn Trắng	BĐ-95951-TS	15	330	Gỗ	1995	2948/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1773	Lý Văn Tài	BĐ-95494-TS	16,6	420	Gỗ	1992	900/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1774	Phạm Văn Kỳ	BĐ-96592-TS	17,4	500	Gỗ	1988	1332/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1775	Nguyễn Thị Tài	BĐ-95917-TS	15,3	420	Gỗ	1996	2072/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1776	Võ Văn Lừng	BĐ-96063-TS	18,3	525	Gỗ	1992	1448/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1777	Huỳnh Văn Chim	BĐ-96433-TS	17,3	410	Gỗ	1991	3152/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1778	Võ Quốc Vinh	BĐ-95121-TS	18,8	730	Gỗ	2000	3004/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1779	Trương Sắt	BĐ-98553-TS	17,5	780	Gỗ	2000	190/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1780	Nguyễn Xuân Hường	BĐ-95911-TS	15,4	420	Gỗ	2000	2850/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1781	Trần Toàn	BĐ-95122-TS	18,5	734	Gỗ	2001	3107/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1782	Hồ Phúc	BĐ-96002-TS	17,9	430	Gỗ	2001	2107/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1783	Phan Mận	BĐ-95923-TS	16	420	Gỗ	2000	3147/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1784	Võ Văn Chi	BĐ-95124-TS	18,1	755	Gỗ	1994	257/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1785	La Văn Nhựt	BĐ-96739-TS	16,1	400	Gỗ	2004	2963/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1786	Nguyễn Chánh Tổng	BĐ-97862-TS	15,4	400	Gỗ	1993	3575/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1787	Nguyễn Văn Lô	BĐ-95607-TS	16,4	420	Gỗ	1992	1341/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1788	Huỳnh Văn La	BĐ-95852-TS	15,9	400	Gỗ	1991	3080/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1789	Nguyễn Văn Huệ	BĐ-97014-TS	15,3	410	Gỗ	1998	1245/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

1790	Đặng Thị Liễu	BĐ-99044-TS	15,4	410	Gỗ	1998	13/2024/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1791	Trần Văn Nhia	BĐ-98642-TS	17,6	400	Gỗ	1994	18/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1792	Lê Văn Siên	BĐ-96428-TS	19,6	400	Gỗ	1988	885/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1793	Điền Phường	BĐ-95177-TS	17,8	710	Gỗ	1997	1041/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1794	Nguyễn Hữu Luân	BĐ-98941-TS	17	710	Gỗ	1993	679/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1795	Huỳnh Văn Hoàng	BĐ-96289-TS	15,3	420	Gỗ	1990	3307/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1796	Nguyễn Việt Luyện	BĐ-95902-TS	15,2	420	Gỗ	1991	2764/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1797	Nguyễn Văn Hoàng	BĐ-98971-TS	16,4	400	Gỗ	1990	692/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1798	Nguyễn Hữu Kha	BĐ-95850-TS	16,1	400	Gỗ	1991	2368/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1799	Nguyễn Văn Ngọc	BĐ-96066-TS	16,4	400	Gỗ	2001	3270/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1800	Trịnh Thị Ánh	BĐ-98608-TS	18,7	750	Gỗ	2002	1102/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1801	Nguyễn Hùng	BĐ-95957-TS	15,6	470	Gỗ	2005	2197/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1802	Lê Quốc	BĐ-95194-TS	16,4	730	Gỗ	2006	3300/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1803	Nguyễn Văn Thương	BĐ-98675-TS	16,9	800	Gỗ	2004	916/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1804	Nguyễn Mọi	BĐ-96425-TS	16,9	500	Gỗ	1988	58/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1805	Bùi Thanh Thắng	BĐ-98533-TS	15,6	420	Gỗ	1997	1221/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1806	Nguyễn Thọ	BĐ-96007-TS	15	444	Gỗ	1992	584/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1807	Trần Thị Vân	BĐ-98695-TS	18,2	750	Gỗ	1988	2657/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1808	Bùi Lót	BĐ-96034-TS	15,8	420	Gỗ	1996	2481/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1809	Phan Thanh Bình	BĐ-95973-TS	16,25	440	Gỗ	1995	931/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1810	Trần Văn Biên	BĐ-98824-TS	16,4	400	Gỗ	1996	663/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1811	Trần Quanh	BĐ-97123-TS	15,4	420	Gỗ	1992	967/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1812	Đinh Văn Mai	BĐ-97206-TS	15,1	400	Gỗ	1994	3091/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1813	Nguyễn Thị Lợi	BĐ-96191-TS	17,1	420	Gỗ	1995	3056/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1814	La Văn Thuận	BĐ-96245-TS	17,3	475	Gỗ	1990	1340/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1815	Huỳnh Thương	BĐ-96056-TS	19,2	714	Gỗ	2000	2655/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1816	Nguyễn Minh Đương	BĐ-99015-TS	17,1	410	Gỗ	2000	361/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1817	Nguyễn Chính	BĐ-98566-TS	15,2	400	Gỗ	2001	1503/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1818	Lê Văn Thắng	BĐ-95245-TS	18,5	430	Gỗ	1997	57/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1819	Nguyễn Văn Đon	BĐ-98784-TS	15,5	400	Gỗ	2005	664/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1820	Nguyễn Duy Khanh	BĐ-98911-TS	16,1	420	Gỗ	2005	1338/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

1821	Trương Văn Tường	BĐ-96026-TS	15,3	400	Gỗ	2005	3120/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1822	La Văn Thuận	BĐ-96279-TS	15,7	445	Gỗ	2005	221/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1823	Nguyễn Văn Ngang	BĐ-96227-TS	17	720	Gỗ	2005	2282/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1824	Lê Thành Thái	BĐ-95157-TS	15,7	475	Gỗ	2006	1547/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1825	Đỗ Chó	BĐ-95248-TS	16,9	780	Gỗ	2007	745/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1826	Đào Văn Nga	BĐ-95237-TS	17,4	503	Gỗ	2001	894/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1827	Đào Duy Suối	BĐ-95146-TS	24,1	767	Gỗ	2009	97/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1828	Đỗ Thị Lan	BĐ-98836-TS	18,4	810	Gỗ	2009	2930/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1829	Đỗ Văn Tý	BĐ-96741-TS	16,2	420	Gỗ	2001	3125/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1830	Nguyễn Thu	BĐ-95353-TS	16,7	700	Gỗ	1998	3724/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1831	Phan Văn Cường	BĐ-95253-TS	17,1	435	Gỗ	1988	2127/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1832	Lâm Văn Thúc	BĐ-95217-TS	15,1	270	Gỗ	1999	1398/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1833	Nguyễn Lanh	BĐ-95315-TS	15,65	409	Gỗ	1999	1479/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1834	Nguyễn Thanh Quan	BĐ-96106-TS	15,9	420	Gỗ	2000	1530/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1835	Nguyễn Minh Chương	BĐ-95482-TS	17,7	400	Gỗ	2000	938/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1836	Võ Khanh	BĐ-96178-TS	15,5	510	Gỗ	2000	2973/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1837	Nguyễn Anh Quốc	BĐ-96111-TS	16,2	400	Gỗ	2001	879/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1838	Nguyễn Phương Nam	BĐ-96091-TS	16,9	400	Gỗ	2003	186/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1839	Phạm Đề	BĐ-95305-TS	15,7	710	Gỗ	2004	2888/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1840	Nguyễn Văn Theo	BĐ-96138-TS	15,9	413	Gỗ	2004	487/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1841	La Văn Lạ	BĐ-95345-TS	16,75	730	Gỗ	2005	3473/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1842	Lê Văn Sinh	BĐ-95266-TS	16	425	Gỗ	2005	1277/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1843	Nguyễn Quốc	BĐ-96147-TS	16,4	800	Gỗ	2005	2974/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1844	La Văn Trường	BĐ-95255-TS	16,9	400	Gỗ	2005	2231/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1845	Cao Đệ	BĐ-98776-TS	19,1	810	Gỗ	1998	308/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1846	Lý Văn Hoàng	BĐ-95201-TS	18,2	730	Gỗ	2009	1754/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1847	Lý Hoài Quỳnh	BĐ-95254-TS	16,2	410	Gỗ	2009	1051/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1848	Nguyễn Thanh Hoan	BĐ-95319-TS	16,1	260	Gỗ	2000	Chưa cấp Giấy phép	Câu cá ngư	
1849	Văn Hữu Tiêm	BĐ-96750-TS	15,6	420	Gỗ	1992	2601/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1850	Nguyễn Thành Long	BĐ-95333-TS	15,7	420	Gỗ	1989	3119/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1851	Đỗ Văn Hoàng	BĐ-98629-TS	18,9	774	Gỗ	2012	3079/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	

1852	Huỳnh Xuân Phương	BĐ-95344-TS	16,5	400	Gỗ	1995	839/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1853	Đặng Xuân Nhi	BĐ-98570-TS	16,3	420	Gỗ	1998	3178/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1854	Trần Văn Diêm	BĐ-97217-TS	16	320	Gỗ	1992	3505/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
1855	Võ Văn Lâm	BĐ-95397-TS	20,4	444	Gỗ	1996	1056/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1856	Đào Văn Yên	BĐ-95601-TS	18	360	Gỗ	1996	2952/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1857	Mai Trường	BĐ-95605-TS	18,7	420	Gỗ	1998	3105/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1858	Nguyễn Thị Thủy	BĐ-98848-TS	16,3	420	Gỗ	1998	3142/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1859	Trần Văn Thiên	BĐ-96210-TS	16,2	400	Gỗ	1991	1165/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1860	Võ Văn Sơn	BĐ-95418-TS	18,2	475	Gỗ	1998	3572/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1861	Nguyễn Thanh Phụng	BĐ-95380-TS	21,5	440	Gỗ	1998	1870/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1862	Trần Văn Lợi	BĐ-95317-TS	15,2	400	Gỗ	1988	1123/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1863	Lý Quan Trung	BĐ-97340-TS	15,25	400	Gỗ	1995	3017/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1864	Phạm Văn Sinh	BĐ-95440-TS	15	400	Gỗ	1988	2832/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1865	Đào Thanh Đăng	BĐ-95311-TS	15,7	400	Gỗ	1996	3643/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1866	Dương Văn Cu	BĐ-95339-TS	17,1	740	Gỗ	1983	1023/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1867	Lê Văn Hải	BĐ-95300-TS	16,7	400	Gỗ	1996	781/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1868	Võ Văn Anh	BĐ-95293-TS	17,75	720	Gỗ	1995	1271/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1869	Võ Văn Giờ	BĐ-95368-TS	22,2	905	Gỗ	1990	3513/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1870	Nguyễn Mẫn	BĐ-98548-TS	18,2	700	Gỗ	1999	2811/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1871	Trương Văn Hưng	BĐ-95459-TS	15,7	420	Gỗ	1999	2562/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1872	Võ Văn Chút	BĐ-98792-TS	15,5	400	Gỗ	1999	732/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1873	Huỳnh Văn Pháp	BĐ-95481-TS	15	420	Gỗ	2000	1442/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1874	Lê Văn Bi	BĐ-95391-TS	15,2	410	Gỗ	2000	1728/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1875	Lê Văn Bình	BĐ-95389-TS	15,2	400	Gỗ	2000	881/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1876	Huỳnh Thanh Hượn	BĐ-95283-TS	17,2	400	Gỗ	2002	3429/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1877	Trần Quốc Đạt	BĐ-99030-TS	17,5	410	Gỗ	2003	08/2024/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
1878	Trương Văn Danh	BĐ-95454-TS	15,44	420	Gỗ	2003	1415/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1879	Võ Văn Thừa	BĐ-95598-TS	15,9	330	Gỗ	2003	3303/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1880	Hồ Thêm	BĐ-95287-TS	16,9	400	Gỗ	2004	1775/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1881	Lê Lai	BĐ-95209-TS	15,3	420	Gỗ	2004	3273/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1882	Nguyễn Lực	BĐ-95284-TS	15,9	440	Gỗ	2004	2297/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

1883	Nguyễn Văn Sơn	BĐ-95314-TS	15,7	270	Gỗ	2004	109/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1884	Kiều Văn Cát	BĐ-95290-TS	15,2	410	Gỗ	1995	110/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1885	Nguyễn Sáng	BĐ-95414-TS	15,9	465	Gỗ	2005	786/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1886	Bùi Chí Tuấn	BĐ-95271-TS	17,2	715	Gỗ	2005	2519/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1887	Nguyễn Văn Dự	BĐ-95265-TS	15,2	400	Gỗ	2005	1247/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1888	La Văn Tới	BĐ-98619-TS	16,5	525	Gỗ	2005	3500/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1889	Trương Thị Bình	BĐ-95289-TS	20,5	400	Gỗ	2005	1868/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1890	Huỳnh Quang Đạo	BĐ-99060-TS	15,9	760	Gỗ	2005	976/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1891	Tô Thanh Tánh	BĐ-98942-TS	16,1	444	Gỗ	2005	705/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1892	Trần Tám	BĐ-95606-TS	19,6	820	Gỗ	2005	2385/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1893	Huỳnh Văn Tình	BĐ-95216-TS	16,1	420	Gỗ	2005	1360/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1894	Trần Cường	BĐ-95274-TS	16,5	400	Gỗ	2005	2932/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1895	Nguyễn Văn Cường	BĐ-95329-TS	17,2	718	Gỗ	2007	2552/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1896	Đào Văn Yên	BĐ-95348-TS	18,7	260	Gỗ	2007	1054/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1897	Phùng Ngọc Thanh	BĐ-95471-TS	18,7	420	Gỗ	1996	2521/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1898	Võ Văn Đức	BĐ-95486-TS	16	420	Gỗ	1994	1124/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1899	Trần Văn Ngọc	BĐ-95428-TS	17,5	760	Gỗ	1999	1651/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1900	La Dĩ	BĐ-95455-TS	15,2	425	Gỗ	1994	51/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1901	Nguyễn Tàn	BĐ-95442-TS	15,5	420	Gỗ	1991	1252/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1902	Bùi Phụng	BĐ-95473-TS	15,3	400	Gỗ	2003	1905/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1903	Nguyễn Văn Dũng	BĐ-95424-TS	16,5	400	Gỗ	2004	1216/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1904	Phan Văn Tuấn	BĐ-95437-TS	15,9	420	Gỗ	2004	1215/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1905	Nguyễn Quang Minh	BĐ-95430-TS	16,3	260	Gỗ	2005	1032/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1906	Huỳnh Văn Hò	BĐ-95460-TS	15,9	420	Gỗ	1994	246/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1907	Phạm Sông	BĐ-95203-TS	16,35	435	Gỗ	1999	2193/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1908	Trần Lệ	BĐ-95456-TS	18,2	700	Gỗ	1999	811/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1909	Nguyễn Văn Lực	BĐ-95523-TS	16,9	770	Gỗ	1988	3306/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1910	Nguyễn Minh Tâm	BĐ-95517-TS	17,5	420	Gỗ	2000	1284/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1911	Huỳnh Thị Theo	BĐ-96896-TS	15,9	420	Gỗ	2005	2550/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1912	Võ Nhựt	BĐ-95546-TS	15,6	444	Gỗ	1993	1262/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1913	Trần Văn Thiệu	BĐ-98718-TS	15,7	400	Gỗ	1991	3578/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

1914	Võ Văn	BĐ-95541-TS	15,5	420	Gỗ	1988	3709/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1915	Nguyễn Văn Tánh	BĐ-95531-TS	15,1	420	Gỗ	1988	2654/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1916	Lê Đại Đức	BĐ-95526-TS	15,1	400	Gỗ	1996	2599/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1917	Trần Văn Túc	BĐ-95544-TS	17,1	704	Gỗ	1996	3010/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1918	Dương Thị Xí	BĐ-99013-TS	15,3	420	Gỗ	1996	98/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1919	Nguyễn Thông	BĐ-99010-TS	17,2	420	Gỗ	1998	2873/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1920	Trần Thanh Sang	BĐ-95535-TS	15,6	435	Gỗ	1984	1348/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1921	Đặng Văn Vàng	BĐ-98974-TS	19,1	700	Gỗ	1989	3497/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1922	Huỳnh Cảnh	BĐ-95548-TS	15	270	Gỗ	2000	3515/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1923	Trần Tấn Thành	BĐ-95275-TS	16,2	420	Gỗ	2000	3275/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1924	Nguyễn Ngọc Sanh	BĐ-95512-TS	15,7	360	Gỗ	2000	2985/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1925	Võ Văn	BĐ-95542-TS	18,1	400	Gỗ	2000	1250/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1926	Lê Văn Tư	BĐ-95545-TS	17,5	710	Gỗ	2000	3683/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1927	Hồ Thị Vương	BĐ-95464-TS	15,5	400	Gỗ	1993	1822/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1928	Lê Văn Kha	BĐ-95522-TS	15,1	400	Gỗ	2001	1395/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1929	Huỳnh Trai	BĐ-96908-TS	19,1	710	Gỗ	2005	2662/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1930	Kiệt Văn Lực	BĐ-95338-TS	16,3	530	Gỗ	2005	3263/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1931	Bùi Xuân Vương	BĐ-95626-TS	18	755	Gỗ	2006	1774/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1932	Huỳnh Thiên	BĐ-95017-TS	16,65	420	Gỗ	1998	1273/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1933	Đặng Lượm	BĐ-98915-TS	15,5	420	Gỗ	1990	557/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1934	Nguyễn Thanh Nam	BĐ-98764-TS	18,5	330	Gỗ	1992	806/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1935	Phạm Phong	BĐ-95588-TS	15,2	490	Gỗ	1991	1253/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1936	Nguyễn Hạnh	BĐ-95625-TS	15,1	400	Gỗ	1990	2823/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
1937	Đào Duy Tuấn	BĐ-95551-TS	16,2	710	Gỗ	1993	684/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1938	Lê Sơn	BĐ-95623-TS	15,6	420	Gỗ	1995	2273/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1939	Lê Công Chương	BĐ-95662-TS	16,8	750	Gỗ	2001	2723/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1940	Huỳnh Thị Chúng	BĐ-95629-TS	15,3	400	Gỗ	2001	1529/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1941	Nguyễn Văn Mỹ	BĐ-98583-TS	15,85	400	Gỗ	2005	809/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1942	Phạm Văn Hát	BĐ-95636-TS	17,3	700	Gỗ	2005	2950/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1943	Huỳnh Văn Tiến	BĐ-95703-TS	17,2	720	Gỗ	2005	1954/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1944	Trần Quân	BĐ-95634-TS	17,1	730	Gỗ	2005	253/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

1945	Đặng Long	BĐ-95650-TS	17,6	400	Gỗ	1992	2745/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1946	Võ Bê	BĐ-95672-TS	15,5	400	Gỗ	2001	806/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1947	Võ Nga	BĐ-95004-TS	17,3	760	Gỗ	2008	2396/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1948	Trần Văn Thường	BĐ-98795-TS	17,1	718	Gỗ	2005	666/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1949	Lê Văn Kiên	BĐ-95679-TS	18,9	830	Gỗ	2006	3693/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1950	Trần Thị An	BĐ-95683-TS	15,5	420	Gỗ	1993	1270/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1951	Nguyễn Thị Tiết	BĐ-95697-TS	15,2	420	Gỗ	1997	1260/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1952	Huỳnh Thị Nhanh	BĐ-97000-TS	16,4	420	Gỗ	1995	3144/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1953	Trần Mua	BĐ-95677-TS	18,3	755	Gỗ	1988	2540/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1954	Huỳnh Kim Anh	BĐ-95704-TS	16,7	590	Gỗ	2004	1953/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1955	Trần Đình Thư	BĐ-95698-TS	16,1	740	Gỗ	1998	824/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1956	Đoàn Ngọc Ánh	BĐ-95696-TS	15,8	260	Gỗ	1991	855/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1957	La Thị Nữ	BĐ-95686-TS	16,6	400	Gỗ	1996	2196/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1958	Đoàn Ngọc Dàng	BĐ-97160-TS	15,4	270	Gỗ	1996	816/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1959	Nguyễn Minh Thư	BĐ-95705-TS	17,2	420	Gỗ	2001	1961/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1960	Trần Văn Khá	BĐ-98943-TS	15,9	460	Gỗ	1986	68/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1961	Nguyễn Thị Xuyên	BĐ-97299-TS	16,9	500	Gỗ	2009	325/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1962	Trương Văn Thân	BĐ-95356-TS	17,5	760	Gỗ	1996	2572/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1963	Võ Văn Chung	BĐ-95406-TS	17,3	730	Gỗ	2000	3110/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1964	Dư Bình	BĐ-98697-TS	16,1	800	Gỗ	2011	2194/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1965	Nguyễn Văn Lanh	BĐ-98957-TS	18,9	400	Gỗ	2005	3329/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1966	Nguyễn Chồng	BĐ-95783-TS	17,8	718	Gỗ	2010	1502/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1967	Ngô Nhật	BĐ-95797-TS	21	780	Gỗ	2010	2933/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1968	Lâm Công Quyết	BĐ-95778-TS	16,4	440	Gỗ	2009	737/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1969	Nguyễn Sáu Sao	BĐ-96011-TS	18,6	804	Gỗ	2010	1106/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1970	Phan Thanh Hồ	BĐ-96047-TS	15,7	590	Gỗ	2010	3576/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1971	Nguyễn Thành Tây	BĐ-95993-TS	17,5	780	Gỗ	2010	3556/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1972	Trương Anh Tuấn	BĐ-96093-TS	16,1	404	Gỗ	2010	3345/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1973	Trần Văn Thâm	BĐ-96098-TS	16	460	Gỗ	2010	1201/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1974	Nguyễn Văn Thượng	BĐ-98664-TS	16,4	720	Gỗ	2010	1544/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1975	Trần Văn Sơn	BĐ-96097-TS	15,9	430	Gỗ	2010	248/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

1976	Võ Văn Thế	BĐ-98385-TS	20,3	400	Gỗ	2010	304/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1977	Nguyễn Quang Thái	BĐ-96184-TS	15,6	460	Gỗ	2010	1559/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1978	Đỗ Thanh Vương	BĐ-96194-TS	16,2	760	Gỗ	2010	3729/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1979	Nguyễn Văn Thượng	BĐ-98740-TS	17,3	400	Gỗ	2000	14/2024/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1980	Đào Duy Ai	BĐ-96204-TS	15,9	450	Gỗ	2010	3267/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1981	Nguyễn Văn Minh	BĐ-96238-TS	17,2	700	Gỗ	2010	610/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1982	Lê Văn Khoa	BĐ-96275-TS	16,5	400	Gỗ	2010	2947/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1983	Nguyễn Văn Thượng	BĐ-98826-TS	17,4	820	Gỗ	2010	297/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1984	Nguyễn Đây	BĐ-96314-TS	16,8	750	Gỗ	2010	3210/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1985	Phan Văn Điệp	BĐ-96324-TS	21,9	780	Gỗ	2011	2990/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1986	Lý Văn Nở	BĐ-96237-TS	19,5	250	Gỗ	2010	3296/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1987	Nguyễn Văn Ngàn	BĐ-98641-TS	18,3	710	Gỗ	2011	711/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
1988	Đỗ Ngọc Vương	BĐ-98816-TS	19,7	844	Gỗ	2011	2631/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1989	Nguyễn Hoàn	BĐ-96412-TS	16,3	410	Gỗ	2011	2136/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1990	Phạm Quang	BĐ-98635-TS	18,7	410	Gỗ	2011	584/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1991	Lê Văn Đông	BĐ-96414-TS	16,6	410	Gỗ	2011	2475/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1992	Đào Thị Thùy Dung	BĐ-98626-TS	16,1	410	Gỗ	2011	1038/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1993	Nguyễn Theo	BĐ-96460-TS	15,05	570	Gỗ	2005	2735/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1994	Lê Văn Chi	BĐ-96462-TS	16,5	844	Gỗ	2011	974/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1995	Nguyễn Văn Phưởng	BĐ-96507-TS	16,2	400	Gỗ	1999	1730/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1996	Phan Say	BĐ-98981-TS	16,7	410	Gỗ	1998	783/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1997	Võ Văn Ngà	BĐ-96512-TS	21,5	410	Gỗ	2011	3111/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
1998	La Văn Thiệt	BĐ-96516-TS	16,5	704	Gỗ	2011	2980/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
1999	Văn Hữu Dũng	BĐ-96524-TS	15,7	505	Gỗ	2011	3262/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2000	Nguyễn Bình	BĐ-96525-TS	15,9	435	Gỗ	2011	10/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2001	Kiều Công Thường	BĐ-98560-TS	16,7	444	Gỗ	2011	2048/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2002	Trương Kim Hương	BĐ-96534-TS	15,9	410	Gỗ	2011	1184/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2003	Nguyễn Đình Tâm	BĐ-98831-TS	17,2	700	Gỗ	2011	767/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2004	Huỳnh Minh Dương	BĐ-96544-TS	16,05	275	Gỗ	2011	2561/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2005	Nguyễn Văn Mân	BĐ-98820-TS	20,9	780	Gỗ	2011	715/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2006	Đặng Quang Trường	BĐ-96551-TS	19,5	704	Gỗ	2011	2377/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	

2007	Trương Văn Nam	BĐ-96552-TS	18,9	700	Gỗ	2011	2028/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2008	Nguyễn Trọng Nghĩa	BĐ-98770-TS	19,9	380	Gỗ	2011	807/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2009	Trần Văn Thu	BĐ-96533-TS	19,5	744	Gỗ	2011	2437/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2010	Nguyễn Đức Lưu	BĐ-96567-TS	16,9	590	Gỗ	2011	1107/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2011	Nguyễn Thái Hòa	BĐ-98758-TS	18	360	Gỗ	2011	3241/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2012	Vũ Thành Hoàng	BĐ-96559-TS	19,9	800	Gỗ	2011	210/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2013	Huỳnh Ngọc Cọt	BĐ-96569-TS	17,5	435	Gỗ	2011	2578/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
2014	Trần Văn Trung	BĐ-96576-TS	18,5	810	Gỗ	2012	659/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
2015	Lê Văn Tiến	BĐ-96578-TS	18,3	400	Gỗ	2011	495/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2016	Nguyễn Công Định	BĐ-96587-TS	18,5	704	Gỗ	2012	3288/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2017	Lê Thái Bình	BĐ-96604-TS	19,7	780	Gỗ	2012	2676/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2018	Trần Quốc Lánh	BĐ-96603-TS	19,4	800	Gỗ	2012	1512/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2019	Võ Văn Ân	BĐ-96611-TS	18,7	765	Gỗ	2012	377/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2020	Võ Minh Vương	BĐ-96606-TS	20,2	500	Gỗ	2012	2857/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2021	Trần Ngọc Hiện	BĐ-98732-TS	18,5	400	Gỗ	2012	484/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2022	Lê Văn Xân	BĐ-98994-TS	18,2	844	Gỗ	2012	953/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2023	Lê Văn Trai	BĐ-96626-TS	18,4	740	Gỗ	2012	3343/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
2024	Mai Sang	BĐ-98734-TS	18,5	400	Gỗ	2012	637/2022/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
2025	Võ Duy Tâm	BĐ-96625-TS	19,1	400	Gỗ	2012	2986/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2026	Nguyễn Văn Sinh	BĐ-98653-TS	19,5	710	Gỗ	2012	725/2022/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
2027	Nguyễn Văn Lẹ	BĐ-98956-TS	17,9	400	Gỗ	2012	3330/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
2028	Phan Thanh Toàn	BĐ-96631-TS	20,1	760	Gỗ	2012	2905/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2029	Huỳnh Sanh	BĐ-96661-TS	19,3	800	Gỗ	2012	3717/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2030	Nguyễn Muôn	BĐ-96667-TS	15,9	475	Gỗ	2012	174/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
2031	Nguyễn Quốc Vinh	BĐ-96670-TS	18,7	820	Gỗ	2012	3061/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2032	Phạm Minh Tâm	BĐ-98492-TS	17,9	700	Gỗ	2012	1969/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
2033	Trần Thành Tiến	BĐ-98798-TS	18,1	920	Gỗ	2012	2275/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
2034	La Văn Quen	BĐ-96680-TS	17,6	700	Gỗ	2012	695/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
2035	Lê Quốc	BĐ-98668-TS	19,7	730	Gỗ	2012	45/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2036	Nguyễn Văn Tịch	BĐ-96684-TS	17,4	400	Gỗ	2012	529/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
2037	Nguyễn Công Định	BĐ-96662-TS	19,6	720	Gỗ	2012	2352/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	

2038	Mai Thát	BĐ-96671-TS	17,3	820	Gỗ	2012	1019/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2039	Phan Minh Kiệt	BĐ-96677-TS	17,5	857	Gỗ	2012	832/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2040	Nguyễn Thành Ân	BĐ-98509-TS	16,7	503	Gỗ	2012	1072/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2041	Nguyễn Xuân Hải	BĐ-96686-TS	17,9	730	Gỗ	2012	2189/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2042	Đinh Công Trường	BĐ-96689-TS	17,9	400	Gỗ	2012	1572/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2043	Nguyễn Thị Lang	BĐ-99005-TS	19,3	710	Gỗ	2012	391/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2044	Đỗ Ngọc Thi	BĐ-98628-TS	17	400	Gỗ	1991	3078/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2045	Lê Thanh Tùng	BĐ-96705-TS	18,15	804	Gỗ	2012	2641/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2046	La Ngọc Châu	BĐ-96696-TS	18,5	812	Gỗ	1998	670/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2047	Nguyễn Thị Trung	BĐ-98828-TS	20,2	794	Gỗ	2012	1718/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2048	Khổng Văn Vương	BĐ-96715-TS	16,9	410	Gỗ	2012	253/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2049	Trần Chim	BĐ-96699-TS	19,3	444	Gỗ	2012	701/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2050	La Văn Chiến	BĐ-96724-TS	17,65	460	Gỗ	2012	2463/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2051	Võ Thị Nương	BĐ-98662-TS	22,2	765	Gỗ	2012	682/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2052	Ngô Thị Minh	BĐ-96725-TS	20,1	400	Gỗ	2012	67/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2053	Trần Văn Dưỡng	BĐ-96727-TS	17,4	720	Gỗ	2012	986/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2054	Huỳnh Thị Ý	BĐ-51598-TS	15,2	420	Gỗ	2002	165/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2055	Bùi Văn Trung	BĐ-96714-TS	21,5	850	Gỗ	2012	2694/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2056	Nguyễn Văn Bé	BĐ-96751-TS	17,4	750	Gỗ	2012	3207/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2057	Nguyễn Ngọc Thạch	BĐ-96754-TS	16,1	400	Gỗ	2012	810/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2058	Trần Minh Công	BĐ-96745-TS	22	700	Gỗ	2012	3465/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2059	Hồ Nhảy	BĐ-96747-TS	19,2	710	Gỗ	2012	239/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2060	Cao Văn Cù	BĐ-96769-TS	19	410	Gỗ	2012	636/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2061	Lâm Thái	BĐ-96749-TS	17,9	820	Gỗ	2012	114/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2062	Nguyễn Quê	BĐ-96776-TS	16,5	420	Gỗ	2012	1024/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2063	Võ Văn Chi	BĐ-96775-TS	18,2	700	Gỗ	2012	3069/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2064	Trịnh Văn Nhơn	BĐ-96785-TS	18,1	444	Gỗ	2012	293/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2065	Nguyễn Tân Khoa	BĐ-96806-TS	20,6	750	Gỗ	2012	2842/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2066	Huỳnh Văn Thời	BĐ-96777-TS	16,9	705	Gỗ	2012	1349/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2067	Nguyễn Văn Bốn	BĐ-96786-TS	16,7	720	Gỗ	2012	1455/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2068	Cao Tân	BĐ-96787-TS	17,3	830	Gỗ	2012	1279/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	

2069	Nguyễn Tấn Thành	BĐ-96788-TS	17,9	714	Gỗ	2012	2441/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2070	Võ Văn Thoàng	BĐ-96809-TS	18,6	710	Gỗ	2012	1249/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2071	Trần Cu	BĐ-98563-TS	16,25	420	Gỗ	2012	3518/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2072	Nguyễn Chánh Tổng	BĐ-96803-TS	15,7	400	Gỗ	2002	2734/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2073	Nguyễn Tuấn	BĐ-96782-TS	18,8	444	Gỗ	2012	2908/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2074	Nguyễn Rân	BĐ-96718-TS	17,5	400	Gỗ	2012	1119/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2075	Nguyễn Thành Lư	BĐ-96766-TS	18,1	400	Gỗ	2012	57/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2076	La Xoa	BĐ-96814-TS	20,5	815	Gỗ	2012	1115/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2077	Dương Ngọc Giới	BĐ-96813-TS	19,1	710	Gỗ	2012	3570/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2078	Phan Hồng Thanh	BĐ-99042-TS	16,4	400	Gỗ	2012	07/2024/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2079	Trương Văn Đồng	BĐ-96784-TS	19,6	780	Gỗ	2012	2916/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2080	Trần Quang Hiền	BĐ-98673-TS	19,5	730	Gỗ	2012	84/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2081	Huỳnh Liêm	BĐ-96819-TS	20,7	730	Gỗ	2012	1980/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2082	Nguyễn Tuấn	BĐ-96796-TS	19,1	400	Gỗ	2012	2995/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2083	Nguyễn Minh Vương	BĐ-98678-TS	21	700	Gỗ	2012	3364/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2084	Lê Anh Đới	BĐ-96794-TS	17,5	488	Gỗ	2012	3154/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2085	Nguyễn Huệ Dương	BĐ-96795-TS	20,2	500	Gỗ	2012	3581/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2086	Lê Văn Toàn	BĐ-96817-TS	18,7	704	Gỗ	2012	3557/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2087	La Thanh Tri	BĐ-96823-TS	19,6	444	Gỗ	2012	3498/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2088	Võ Thị Gái	BĐ-96829-TS	17,9	800	Gỗ	2012	1283/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2089	Nguyễn Kỳ Phong	BĐ-98432-TS	18,3	400	Gỗ	2012	2175/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2090	Phan Văn Ngọc	BĐ-98838-TS	17,3	720	Gỗ	2012	3246/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2091	Huỳnh Trung Hậu	BĐ-98693-TS	19,5	730	Gỗ	2012	3394/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2092	Huỳnh Chánh Thi	BĐ-96851-TS	20,9	710	Gỗ	2012	2661/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2093	Nguyễn Văn Cước	BĐ-96873-TS	17,38	780	Gỗ	1998	1681/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2094	Cao Thanh Phước	BĐ-96828-TS	19,1	744	Gỗ	2012	1958/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2095	Trần Thị Sang	BĐ-96752-TS	21,7	500	Gỗ	2012	3065/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2096	Võ Văn Ngày	BĐ-96833-TS	19,2	718	Gỗ	2012	1568/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2097	Lê Hoàng Phong	BĐ-98999-TS	17,5	755	Gỗ	2012	155/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2098	Điền Cột	BĐ-96858-TS	20,5	800	Gỗ	2012	2612/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2099	Nguyễn Văn Sơn	BĐ-96862-TS	20,4	764	Gỗ	2012	1058/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	

2100	Phạm Đen	BĐ-96875-TS	18,7	790	Gỗ	2012	1888/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2101	Võ Văn Thành	BĐ-96894-TS	19,5	444	Gỗ	2012	3360/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2102	Võ Duy Trí	BĐ-96842-TS	17,9	500	Gỗ	2012	2144/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2103	Đỗ Văn Răng	BĐ-96863-TS	17,8	804	Gỗ	2012	1355/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2104	Hồ Thị Thiên	BĐ-96864-TS	17,7	400	Gỗ	2012	856/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2105	Võ Mỹ	BĐ-96904-TS	19,2	710	Gỗ	2012	2596/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2106	Phạm Huỳnh	BĐ-96891-TS	19,7	444	Gỗ	2012	2083/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2107	Nguyễn Văn Ký	BĐ-96778-TS	19,8	410	Gỗ	2012	251/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2108	Phạm Cường	BĐ-96883-TS	17,3	820	Gỗ	2012	1458/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2109	Trần Ngọc Khôi	BĐ-96880-TS	17,3	830	Gỗ	2012	1816/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2110	Phan Thanh Phương	BĐ-96887-TS	18,7	844	Gỗ	2012	56/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2111	Nguyễn Dương Quốc Đạt	BĐ-99046-TS	21	870	Gỗ	2012	3561/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2112	Nguyễn Bường	BĐ-96901-TS	17	760	Gỗ	2012	1960/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2113	Phan Ngọc Tâm	BĐ-96907-TS	18,7	410	Gỗ	2012	534/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2114	Vĩnh Văn Non	BĐ-96888-TS	18,5	410	Gỗ	2012	1443/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2115	Đỗ Thị Phụng	BĐ-98967-TS	20,5	465	Gỗ	2012	2806/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2116	Võ Thành Nhất	BĐ-96902-TS	19,3	444	Gỗ	2012	335/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2117	Trần Thiệu	BĐ-96916-TS	20	400	Gỗ	2012	3298/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2118	Nguyễn Thành Tuấn	BĐ-98937-TS	17,3	730	Gỗ	2012	2001/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2119	Trương Ái Quốc	BĐ-96849-TS	21,6	536	Gỗ	2012	3726/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2120	Phạm Văn Tận	BĐ-96868-TS	21,6	950	Gỗ	2012	2319/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2121	Nguyễn Văn Sen	BĐ-96921-TS	21,15	720	Gỗ	2012	910/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2122	Đoàn Văn Hiếu	BĐ-98871-TS	19,5	714	Gỗ	2012	34/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2123	Trần Văn Hoàng	BĐ-93815-TS	18,9	760	Gỗ	2013	2512/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2124	Lê Thái Thanh	BĐ-96913-TS	19,15	710	Gỗ	2013	1108/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2125	Trần Đức Tiêng	BĐ-98523-TS	20	900	Gỗ	2012	305/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2126	Trần Văn Nhanh	BĐ-96909-TS	19,9	810	Gỗ	2012	2988/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2127	Ngô Chúc	BĐ-96914-TS	19,6	794	Gỗ	2013	2649/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2128	Lý Hoài Xi	BĐ-96927-TS	21,5	444	Gỗ	2013	384/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2129	Lê Thanh Quyền	BĐ-96936-TS	19,4	444	Gỗ	2013	2627/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2130	Võ Đình Phú	BĐ-98457-TS	16,9	820	Gỗ	2013	222/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

2131	Phan Thanh Vũ	BĐ-96910-TS	17,5	420	Gỗ	2013	2453/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2132	Võ Văn Toàn	BĐ-96949-TS	19,1	400	Gỗ	2013	2398/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2133	Trần Đình Hương	BĐ-98843-TS	17,5	715	Gỗ	2012	55/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2134	Trần Văn Sỹ	BĐ-98688-TS	21,2	780	Gỗ	2013	2363/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2135	Nguyễn Văn Lâm	BĐ-96946-TS	19,7	860	Gỗ	2013	3327/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2136	Võ Minh Vương	BĐ-98483-TS	20,1	500	Gỗ	2012	1459/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2137	Vũ Thành Hoàng	BĐ-96844-TS	21,6	475	Gỗ	2013	2875/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2138	Huỳnh Công Luận	BĐ-96940-TS	20,5	755	Gỗ	2013	1481/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2139	Mai Thanh Hiền	BĐ-96941-TS	20,5	435	Gỗ	2013	3649/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2140	Trần Chiến	BĐ-96869-TS	19,5	759	Gỗ	2012	947/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2141	Nguyễn Thị Tân	BĐ-96953-TS	21,4	850	Gỗ	2013	2443/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2142	Bùi Thanh Ninh	BĐ-96969-TS	19,3	780	Gỗ	2013	1496/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2143	Trần Minh Hiệp	BĐ-96931-TS	21,9	640	Gỗ	2012	211/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2144	Nguyễn Sương	BĐ-96947-TS	19	500	Gỗ	2004	2536/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2145	Phan Văn Cu	BĐ-98910-TS	20,5	760	Gỗ	2013	825/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2146	Lê Văn Hùng	BĐ-96962-TS	20,1	880	Gỗ	2012	3282/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2147	Lê Minh Thư	BĐ-96935-TS	20,4	720	Gỗ	2012	1518/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2148	Huỳnh Thế Giới	BĐ-96950-TS	20,9	410	Gỗ	2012	3126/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2149	Trần Ngà	BĐ-96971-TS	19,3	444	Gỗ	2013	2953/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2150	Trần Quốc Tuấn	BĐ-91595-TS	20	730	Gỗ	2012	3265/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2151	Nguyễn Huân	BĐ-96982-TS	19,6	590	Gỗ	2013	2667/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2152	Võ Thị Thanh Tuyết	BĐ-98656-TS	19,3	730	Gỗ	2013	131/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2153	Nguyễn Văn Thương	BĐ-98847-TS	20,2	740	Gỗ	2013	638/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2154	Võ Bá Trương	BĐ-96945-TS	21,3	475	Gỗ	2013	3710/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2155	Nguyễn Minh Thường	BĐ-98868-TS	19,9	710	Gỗ	2013	1082/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2156	Trương Đình Cường	BĐ-96998-TS	19,7	400	Gỗ	2013	2154/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2157	Võ Đốc	BĐ-97012-TS	20,3	820	Gỗ	2012	2748/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2158	Phan Văn Côi	BĐ-97009-TS	22,05	800	Gỗ	2013	1087/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2159	Huỳnh Ngọc Tân	BĐ-96996-TS	20,2	760	Gỗ	2013	3367/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2160	Nguyễn Cúc	BĐ-97001-TS	19,4	870	Gỗ	2013	2310/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2161	Trần Thà	BĐ-97005-TS	17,78	400	Gỗ	2003	1551/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	

2162	Trần Tốt	BĐ-96978-TS	20,7	760	Gỗ	2013	3108/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2163	Nguyễn Văn Hoa	BĐ-98604-TS	19,7	444	Gỗ	2013	2843/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2164	Lê Tiết	BĐ-96995-TS	20,1	800	Gỗ	2013	912/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2165	Nguyễn Tình	BĐ-96986-TS	20,1	705	Gỗ	2013	1235/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2166	Nguyễn Tấn Cảnh	BĐ-98744-TS	20,8	444	Gỗ	2013	2994/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2167	Nguyễn Thị Ngọc	BĐ-96985-TS	20,7	760	Gỗ	2013	3496/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2168	Nguyễn Hoàn	BĐ-96993-TS	20,2	844	Gỗ	2013	3191/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2169	Nguyễn Tổ	BĐ-98569-TS	18	730	Gỗ	2013	1541/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
2170	Phạm Khéo	BĐ-96974-TS	20,1	591	Gỗ	2013	2984/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2171	Đào Văn Bình	BĐ-96976-TS	19,9	500	Gỗ	2013	2999/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2172	Phan Năm	BĐ-97006-TS	20,1	718	Gỗ	2013	2997/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2173	Hồ Thanh Bài	BĐ-97028-TS	20,5	460	Gỗ	2013	1055/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2174	Nguyễn Văn Phát	BĐ-97027-TS	20,5	800	Gỗ	2013	2137/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2175	Huỳnh Văn Sơn	BĐ-96811-TS	15,7	400	Gỗ	2006	2674/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
2176	Đỗ Văn Vương	BĐ-97047-TS	21,4	400	Gỗ	2013	504/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2177	Trương Thị Mỹ Duyên	BĐ-98968-TS	19,9	500	Gỗ	2013	975/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2178	Trần Phúc	BĐ-98438-TS	20	400	Gỗ	2013	262/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2179	Trần Văn Hồ	BĐ-97030-TS	19,9	875	Gỗ	2013	1974/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2180	Lê Tấn Phát	BĐ-97032-TS	16,9	400	Gỗ	2013	3123/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
2181	Lê Văn Tá	BĐ-97036-TS	22	700	Gỗ	2013	2960/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2182	Nguyễn Thanh Hùng	BĐ-97026-TS	19,5	444	Gỗ	2013	2926/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2183	Nguyễn Văn Vân	BĐ-98683-TS	21,3	943	Gỗ	2013	911/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2184	Lê Văn Sưu	BĐ-97055-TS	19,9	400	Gỗ	2013	65/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2185	La Ngọc Vần	BĐ-97056-TS	20,9	700	Gỗ	2013	1490/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2186	Trần Ngọc Hoang	BĐ-96968-TS	25,2	1020	Gỗ	2013	2756/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2187	Hồ Văn Mỹ	BĐ-97034-TS	18,5	920	Gỗ	2013	551/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngừ	
2188	Lê Văn Nhó	BĐ-97064-TS	19,4	910	Gỗ	2013	3169/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2189	Lê Đình Trung	BĐ-97067-TS	21,9	760	Gỗ	2013	1982/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2190	Nguyễn Văn Từ	BĐ-97069-TS	21,5	460	Gỗ	2013	1052/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2191	Nguyễn Lang	BĐ-96798-TS	19,4	900	Gỗ	2013	869/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2192	Nại Nhân	BĐ-97049-TS	19,4	730	Gỗ	2013	2312/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	

2193	Huỳnh Văn Đò	BĐ-96999-TS	20,2	400	Gỗ	2013	1847/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2194	Nguyễn Thị Mai	BĐ-98960-TS	22,1	1026	Gỗ	2013	611/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2195	Nguyễn Văn Thành	BĐ-97052-TS	20,2	500	Gỗ	2013	128/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2196	Nguyễn Văn Đua	BĐ-96958-TS	20,9	734	Gỗ	2013	3787/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2197	Trần Quốc Toàn	BĐ-97053-TS	20,4	710	Gỗ	2013	2472/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2198	Vô Văn Sĩ	BĐ-97066-TS	20	865	Gỗ	2013	2067/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2199	Vô Thái Văn	BĐ-97075-TS	18,2	720	Gỗ	2013	670/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2200	Vô Thị Kim Thư	BĐ-98889-TS	21,7	730	Gỗ	2013	1457/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2201	Nguyễn Hứa	BĐ-97083-TS	20,1	850	Gỗ	2013	3673/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2202	Đào Duy Hòa	BĐ-97087-TS	21	480	Gỗ	2013	3002/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2203	Sử Thị Linh	BĐ-96991-TS	21,2	710	Gỗ	2013	3510/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2204	Đỗ Quốc Tâm	BĐ-97092-TS	20,9	710	Gỗ	2013	2621/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2205	Trương Minh Toàn	BĐ-97079-TS	21,4	875	Gỗ	2013	3559/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2206	Huỳnh Tiên	BĐ-97082-TS	19,3	500	Gỗ	2013	292/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2207	Vô Văn Sinh	BĐ-97085-TS	20,9	810	Gỗ	2013	2738/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2208	Huỳnh Duy Tùng	BĐ-98598-TS	21,4	830	Gỗ	2013	3775/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2209	Lê Văn Xơ	BĐ-97081-TS	21,8	700	Gỗ	2013	2499/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2210	Vô Thị Hương	BĐ-97097-TS	21,7	475	Gỗ	2013	27/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2211	Nguyễn Văn Châu	BĐ-97061-TS	20,5	714	Gỗ	2013	458/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2212	Huỳnh Quy	BĐ-97078-TS	21,9	750	Gỗ	2013	2658/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2213	Huỳnh Tấn Phi	BĐ-97045-TS	20,1	435	Gỗ	2013	273/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2214	Lê Văn Sô	BĐ-97054-TS	19,9	444	Gỗ	2013	2170/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2215	La Thành Sơn	BĐ-97062-TS	22	812	Gỗ	2013	1885/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2216	Phan Văn Triều	BĐ-98620-TS	20,4	750	Gỗ	2013	3665/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2217	Phạm Thị Thu	BĐ-98622-TS	22,1	800	Gỗ	2013	282/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2218	Đào Văn Yên	BĐ-97116-TS	20,1	470	Gỗ	2013	3005/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2219	Phạm Ngọc	BĐ-97118-TS	20,4	830	Gỗ	2013	3285/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
2220	Nguyễn Phùng Vương	BĐ-97098-TS	21,5	708	Gỗ	2013	557/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2221	Nguyễn Văn Thành	BĐ-97108-TS	20,3	740	Gỗ	2013	522/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2222	Nguyễn Anh Toàn	BĐ-97128-TS	17	350	Gỗ	2013	2407/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
2223	Nguyễn Dôi	BĐ-97111-TS	16,75	780	Gỗ	2013	3041/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

2224	Trần Văn Ngọc	BĐ-97101-TS	19,2	900	Gỗ	2013	3295/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2225	Huỳnh Quốc Trung	BĐ-97134-TS	16	400	Gỗ	2003	1734/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2226	Phạm Ngọc Trường	BĐ-97139-TS	21,9	778	Gỗ	2013	2750/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2227	Lê Công Nâu	BĐ-98998-TS	20,7	400	Gỗ	2013	3650/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2228	Trương Thành Lơ	BĐ-97120-TS	17,3	420	Gỗ	2013	2688/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2229	Nguyễn Văn Minh	BĐ-98669-TS	18,7	730	Gỗ	2013	2179/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2230	Trần Văn Sơn	BĐ-97126-TS	17,5	800	Gỗ	2013	1836/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2231	Nguyễn Văn Thường	BĐ-97146-TS	19,7	710	Gỗ	2013	973/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2232	Lê Sương	BĐ-98752-TS	16,9	420	Gỗ	2013	2504/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2233	Nguyễn Thành Hiệp	BĐ-98898-TS	20,5	820	Gỗ	2013	1199/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2234	Nguyễn Tấn Thành	BĐ-98772-TS	20	730	Gỗ	2013	640/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2235	Lê Văn Đông	BĐ-98858-TS	21,2	1165	Gỗ	2013	1125/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2236	Cái Văn Mới	BĐ-97156-TS	20,5	844	Gỗ	2013	3215/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2237	Nguyễn Văn Xin	BĐ-97169-TS	18,1	400	Gỗ	2013	3458/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2238	Lê Văn Bình	BĐ-97164-TS	16,9	725	Gỗ	2013	880/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2239	Nguyễn Văn Hạng	BĐ-97173-TS	16,1	400	Gỗ	2013	3146/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2240	Phạm Văn Đức	BĐ-97177-TS	17,8	410	Gỗ	2013	2824/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2241	Cao Lâm	BĐ-97174-TS	17,9	830	Gỗ	2013	3084/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2242	Phan Lùn	BĐ-97153-TS	20,4	744	Gỗ	2013	2772/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2243	Lê Văn Thường	BĐ-97186-TS	17,9	400	Gỗ	2014	3728/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2244	Võ Văn Hưởng	BĐ-98671-TS	19,7	400	Gỗ	2014	697/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2245	Phan Đình Hùng	BĐ-97193-TS	21,3	880	Gỗ	2014	2058/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2246	Võ Xuân Phong	BĐ-97196-TS	18,3	410	Gỗ	2014	3463/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2247	Võ Ngọc Thanh	BĐ-97188-TS	21,7	765	Gỗ	2014	3457/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2248	Nguyễn Thanh Thuận	BĐ-97183-TS	20,7	460	Gỗ	2014	3006/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2249	Phan Văn Lái	BĐ-97159-TS	19,9	893	Gỗ	2014	2469/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2250	Nguyễn Văn Đo	BĐ-97162-TS	19,1	840	Gỗ	2013	2914/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2251	Bùi Thanh Ninh	BĐ-97229-TS	21	650	Gỗ	2014	1495/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2252	Võ Trung	BĐ-97189-TS	22,2	760	Gỗ	2014	2804/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2253	Phan Hoàng	BĐ-97231-TS	16,5	400	Gỗ	2012	1880/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2254	Phan Thân	BĐ-97225-TS	21,5	774	Gỗ	2014	3553/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	

2255	Nguyễn Văn Hoàng	BĐ-97235-TS	21,5	720	Gỗ	2014	2903/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2256	Phạm Văn Tận	BĐ-97259-TS	22,2	775	Gỗ	2014	2517/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2257	Nguyễn Khanh	BĐ-97226-TS	19,9	730	Gỗ	2014	2909/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2258	Nguyễn Văn Phát	BĐ-97228-TS	18,6	860	Gỗ	2014	1523/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2259	Nguyễn Thị Phụ	BĐ-98726-TS	17,2	710	Gỗ	2014	2219/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2260	Trần Văn Đàm	BĐ-97238-TS	21,5	705	Gỗ	2014	3408/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2261	Trương Sĩ Hoàng	BĐ-97236-TS	17,9	810	Gỗ	2014	3038/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2262	La Thanh Cho	BĐ-97260-TS	19,9	500	Gỗ	2014	969/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2263	Nguyễn Văn Phương	BĐ-97246-TS	18,9	760	Gỗ	2014	1545/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2264	Nguyễn Văn Xừ	BĐ-97274-TS	21,6	875	Gỗ	2014	3405/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2265	Lê Văn Lùng	BĐ-97249-TS	17,9	710	Gỗ	2014	1243/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2266	Nguyễn Thành Hậu	BĐ-92381-TS	18,54	710	Gỗ	2014	786/2022/BĐ-GPKTTS	Câu	
2267	Nguyễn Văn Kiên	BĐ-97263-TS	17,2	400	Gỗ	2014	3127/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2268	Huỳnh Văn Dũng	BĐ-97282-TS	21,2	725	Gỗ	2014	2755/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2269	Đỗ Văn Điện	BĐ-98964-TS	21,5	410	Gỗ	2014	18/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2270	Huỳnh Văn Sơn	BĐ-97258-TS	18,7	820	Gỗ	2014	3050/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2271	Trương Văn Tý	BĐ-97247-TS	17,2	420	Gỗ	2014	2710/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2272	Lê Tích	BĐ-97254-TS	19,6	730	Gỗ	2014	2157/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2273	Nguyễn Tuấn Duy	BĐ-97278-TS	19,5	875	Gỗ	2014	2439/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2274	Phạm Bước	BĐ-97267-TS	17,9	500	Gỗ	2014	3092/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2275	Lê Văn Đông	BĐ-97273-TS	19,8	775	Gỗ	2014	128/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2276	Bùi Văn Trung	BĐ-97281-TS	22,35	818	Gỗ	2014	106/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2277	Trần Hương	BĐ-97276-TS	19,8	730	Gỗ	2014	1698/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2278	Trần Ngọc Hoang	BĐ-97289-TS	18,6	655	Gỗ	2014	2787/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2279	La Vương	BĐ-97298-TS	16,9	444	Gỗ	2014	1092/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2280	Võ Tàu	BĐ-98730-TS	17,9	820	Gỗ	2014	590/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2281	Nguyễn Thị Ảnh	BĐ-97306-TS	16,3	700	Gỗ	2014	1947/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2282	Trương Văn Dự	BĐ-98717-TS	19,1	875	Gỗ	2014	135/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2283	Lê Văn Quốc	BĐ-98615-TS	18,3	844	Gỗ	2014	285/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2284	Trần Văn Ky	BĐ-97309-TS	16,7	400	Gỗ	2014	1350/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2285	Nguyễn Phú	BĐ-97316-TS	17,4	795	Gỗ	2014	2545/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

2286	Nguyễn Đồng	BĐ-98985-TS	16,9	700	Gỗ	2014	1902/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2287	Huỳnh Quang Đạo	BĐ-97339-TS	18,1	745	Gỗ	2014	876/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2288	Lê Cu	BĐ-97233-TS	17,9	735	Gỗ	2014	613/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2289	Nguyễn Duy Hồ	BĐ-97291-TS	17,5	718	Gỗ	2014	725/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2290	Lê Văn Dũng	BĐ-98924-TS	19,3	743	Gỗ	2014	10/2023/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2291	Kiều Ngọc Quang	BĐ-98897-TS	20,3	733	Gỗ	2014	1280/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2292	Lê Công Linh	BĐ-97311-TS	16,6	734	Gỗ	2014	2722/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2293	Phan Văn Đô	BĐ-97319-TS	20,7	450	Gỗ	2014	3516/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2294	Đinh Tú	BĐ-97327-TS	15,2	420	Gỗ	2007	3204/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2295	Trần Hạ Long	BĐ-97337-TS	18,4	875	Gỗ	2014	1608/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2296	Nguyễn Cẩm	BĐ-97342-TS	16,6	400	Gỗ	2014	440/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2297	Nguyễn Văn Hồ	BĐ-97323-TS	15,85	420	Gỗ	2010	724/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2298	Trần Thị Hương	BĐ-98757-TS	17	410	Gỗ	2014	2502/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2299	Phan Văn Học	BĐ-98595-TS	15,2	400	Gỗ	2008	1526/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2300	Trương Tây	BĐ-97344-TS	17,7	734	Gỗ	2014	852/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2301	Huỳnh Văn Nôi	BĐ-97335-TS	20,5	525	Gỗ	2014	157/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2302	Ngô Tấn Mỹ	BĐ-97336-TS	17,15	760	Gỗ	2014	2390/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2303	Nguyễn Thanh Đoàn	BĐ-97334-TS	19,5	775	Gỗ	2014	1521/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2304	Lê Thái Văn	BĐ-97361-TS	17	744	Gỗ	2014	2971/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2305	Đào Vương	BĐ-97370-TS	15,3	400	Gỗ	1999	1356/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2306	Huỳnh Văn Thành	BĐ-98900-TS	16,8	420	Gỗ	2012	337/2023/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2307	Trương Cu	BĐ-98529-TS	16,5	800	Gỗ	2014	1469/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2308	Đỗ Thi	BĐ-97375-TS	16,5	400	Gỗ	2012	1231/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2309	Hồ Tho	BĐ-97351-TS	16,5	710	Gỗ	2014	1841/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2310	Huỳnh Tá	BĐ-97363-TS	17,05	714	Gỗ	2014	1951/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2311	Hồ Văn Hà	BĐ-98555-TS	17,5	860	Gỗ	2014	296/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2312	Nguyễn Văn Ngang	BĐ-98801-TS	16,5	720	Gỗ	2014	2500/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2313	Nguyễn Anh Tuấn	BĐ-97381-TS	17,1	825	Gỗ	2012	2082/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2314	Nguyễn Thành Quang	BĐ-97382-TS	20,3	730	Gỗ	2013	2484/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2315	Nguyễn Văn Muộn	BĐ-97366-TS	18,8	900	Gỗ	2014	2808/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2316	Huỳnh Phước	BĐ-97379-TS	19,1	730	Gỗ	2014	1979/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	

2317	Huỳnh Phần	BĐ-98681-TS	15,8	400	Gỗ	2000	987/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2318	Nguyễn Văn Lâm	BĐ-97403-TS	15,6	500	Gỗ	1998	2650/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2319	Đinh Công Lực	BĐ-97224-TS	20,1	844	Gỗ	2014	3595/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2320	Trần Hữu	BĐ-97345-TS	15,8	420	Gỗ	2014	1976/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2321	La Văn Thường	BĐ-97395-TS	18,8	500	Gỗ	2014	2230/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2322	Trần Minh Hiệp	BĐ-97405-TS	19,6	875	Gỗ	2014	2403/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2323	Ngô Phi Hoàn	BĐ-97331-TS	18	844	Gỗ	2014	1549/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2324	Trần Văn Liệp	BĐ-97359-TS	21,05	730	Gỗ	2014	2299/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2325	Trương Văn Thôi	BĐ-97406-TS	17,7	700	Gỗ	2014	3623/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2326	La Minh Lê	BĐ-97354-TS	16,7	400	Gỗ	2014	2393/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2327	Đỗ Lước	BĐ-97371-TS	17,1	400	Gỗ	2014	1376/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2328	Nguyễn Minh Tâm	BĐ-97355-TS	17,1	720	Gỗ	2014	1287/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2329	Trần Quốc Tuấn	BĐ-97397-TS	17,9	800	Gỗ	2014	260/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2330	Trần Văn Việt	BĐ-98895-TS	21,2	900	Gỗ	2014	1981/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2331	Hồ Văn Lâm	BĐ-97368-TS	19,6	730	Gỗ	2014	2510/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2332	Nguyễn Hữu Quang	BĐ-97377-TS	21,5	475	Gỗ	2014	2383/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2333	Đào Duy Khánh	BĐ-97364-TS	22,2	900	Gỗ	2014	2480/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2334	Trần Kiến	BĐ-97423-TS	16,9	410	Gỗ	2014	1952/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2335	Phạm Minh Mười	BĐ-98939-TS	21,4	750	Gỗ	2014	3304/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2336	Nguyễn Văn Thật	BĐ-97357-TS	17,4	700	Gỗ	2014	3036/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2337	La Văn Trí	BĐ-97358-TS	16,6	400	Gỗ	2014	1414/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2338	Võ Thị Hồng Kỳ	BĐ-99006-TS	16,3	420	Gỗ	2004	366/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2339	Nguyễn Phương	BĐ-97318-TS	19,3	900	Gỗ	2014	3596/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2340	Nguyễn Thành Lợi	BĐ-97378-TS	17,6	700	Gỗ	2014	2208/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2341	Huỳnh Văn Toàn	BĐ-97390-TS	17,1	400	Gỗ	2014	1907/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2342	Phan Công Định	BĐ-97398-TS	17,3	745	Gỗ	2014	1908/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2343	Phan Văn Toàn	BĐ-97422-TS	16,6	730	Gỗ	2014	2435/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2344	Huỳnh Nghi	BĐ-97416-TS	16,9	730	Gỗ	2014	2945/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2345	Nguyễn Văn Quốc	BĐ-98605-TS	20,5	840	Gỗ	2014	3563/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2346	Trương Văn Đoàn	BĐ-97394-TS	16,7	400	Gỗ	2014	2580/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2347	Huỳnh Chân	BĐ-97408-TS	19,7	900	Gỗ	2014	2174/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	

2348	Nguyễn Sáng	BĐ-97438-TS	17,6	410	Gỗ	2014	2747/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2349	Trần Quốc Lực	BĐ-98906-TS	17,9	730	Gỗ	2014	09/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2350	Lê Tất	BĐ-97421-TS	18,2	500	Gỗ	2014	1731/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2351	Nguyễn Văn Phưởng	BĐ-97396-TS	17,5	800	Gỗ	2014	1992/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2352	Nguyễn Văn Vân	BĐ-97407-TS	21,4	950	Gỗ	2014	2496/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2353	La Tàu	BĐ-97391-TS	16,7	420	Gỗ	2014	1970/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2354	Nguyễn Văn Tài	BĐ-97393-TS	16,9	425	Gỗ	2014	3104/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2355	Lê Thị Nối	BĐ-97434-TS	21,6	875	Gỗ	2014	3064/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2356	Hồ Trung	BĐ-97427-TS	17,2	610	Gỗ	2008	1196/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2357	Kiều Ngọc Thịnh	BĐ-97430-TS	16,3	400	Gỗ	2005	3053/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2358	La Thị Bé Sáu	BĐ-97439-TS	18,5	444	Gỗ	2008	2762/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2359	Nguyễn Văn Minh	BĐ-97435-TS	17,08	400	Gỗ	2002	1272/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2360	Nguyễn Văn Đẹp	BĐ-97413-TS	20,6	700	Gỗ	2014	2404/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2361	Nguyễn Thị Hồng Quang	BĐ-98637-TS	15,9	480	Gỗ	2005	1712/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2362	Hồ Văn Nghĩa	BĐ-97432-TS	16,9	753	Gỗ	2014	2103/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2363	Trần Xi	BĐ-97433-TS	16,7	744	Gỗ	2014	1950/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2364	Lê Văn Xân	BĐ-97443-TS	20	730	Gỗ	2014	3209/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2365	Đào Văn Yên	BĐ-97444-TS	21,5	500	Gỗ	2014	723/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2366	Lê Văn Hội	BĐ-97417-TS	18,45	730	Gỗ	2014	2938/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2367	Nguyễn Văn Thượng	BĐ-97445-TS	22,9	855	Gỗ	2014	3675/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2368	Phạm Thọ	BĐ-97414-TS	17,4	503	Gỗ	2008	1823/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2369	Nguyễn Thị Sáu	BĐ-97388-TS	17,45	840	Gỗ	2014	2967/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2370	Trần Hữu Phúc	BĐ-97453-TS	21,3	730	Gỗ	2015	373/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2371	Nguyễn Toàn	BĐ-97429-TS	17,2	704	Gỗ	2015	2530/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2372	Trương Sỹ Toàn	BĐ-97448-TS	16,7	718	Gỗ	2015	3040/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2373	Phan Ngọc Nu	BĐ-97447-TS	17,5	420	Gỗ	2015	2634/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2374	Trần Vinh	BĐ-97431-TS	16,1	400	Gỗ	2015	89/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2375	Nguyễn Thành Long	BĐ-97459-TS	21	730	Gỗ	2015	2633/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2376	Trần Quốc Tuấn	BĐ-97454-TS	18,5	725	Gỗ	2015	1967/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2377	Trần Thị Khánh Ly	BĐ-98901-TS	19,6	800	Gỗ	2015	3685/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2378	Trần Văn Nhật	BĐ-97457-TS	20,5	500	Gỗ	2015	3571/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	

2379	Nguyễn Minh Danh	BĐ-97399-TS	17,5	765	Gỗ	2015	2918/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2380	Lý Hoài Thu	BĐ-97452-TS	21,9	935	Gỗ	2015	3289/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2381	Nguyễn Thành Long	BĐ-97436-TS	15,3	535	Gỗ	1993	2706/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2382	Cao Văn Hân	BĐ-97461-TS	17,9	744	Gỗ	2015	1904/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2383	Huỳnh Nây	BĐ-97462-TS	18	744	Gỗ	2015	2825/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2384	Đào Thanh Hải	BĐ-97478-TS	22,9	755	Gỗ	2015	2497/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2385	Phan Duy Tân	BĐ-97470-TS	16,7	400	Gỗ	2002	2618/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2386	Nguyễn Văn Thành	BĐ-97468-TS	16,7	465	Gỗ	2015	38/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2387	Phan Văn Cáng	BĐ-97472-TS	17,9	760	Gỗ	2015	2434/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2388	Kiệt Văn Lực	BĐ-97440-TS	17,4	710	Gỗ	2015	2981/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2389	Trần Văn Định	BĐ-97477-TS	17,9	770	Gỗ	2015	3625/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2390	Đỗ Ngọc Duy	BĐ-97471-TS	17,1	380	Gỗ	2015	Chưa cấp Giấy phép	Lưới kéo	
2391	Đinh Văn Tò	BĐ-97479-TS	17,1	800	Gỗ	2015	1254/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2392	Lê Minh Huân	BĐ-97475-TS	18,9	730	Gỗ	2015	1881/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2393	Trương Thanh Quang	BĐ-97483-TS	18,2	760	Gỗ	2015	2867/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2394	Nguyễn Minh Toàn	BĐ-98791-TS	18,7	820	Gỗ	2015	635/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2395	Đỗ Thị Lành	BĐ-98729-TS	19,1	865	Gỗ	2015	231/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2396	Tôn Trọng	BĐ-97498-TS	17,5	410	Gỗ	2015	1222/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2397	Đinh Thiên Sơn	BĐ-97467-TS	17,15	400	Gỗ	2015	2766/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2398	Nguyễn Đình Trung	BĐ-97474-TS	17,3	418	Gỗ	2015	69/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2399	Lê Văn Đức	BĐ-97487-TS	19,7	820	Gỗ	2015	2173/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2400	Hồ Văn Nhất	BĐ-97486-TS	19,1	465	Gỗ	2015	2021/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2401	Phạm Minh Hưng	BĐ-97501-TS	15,7	480	Gỗ	2004	2445/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2402	Phạm Văn Nghĩa	BĐ-97512-TS	19,1	750	Gỗ	2015	3337/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2403	Trần Lập	BĐ-97504-TS	16,7	444	Gỗ	2015	06/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2404	Lý Thanh Hoàng	BĐ-98530-TS	22,05	765	Gỗ	2015	1569/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2405	Phạm Văn Sinh	BĐ-97496-TS	20,15	750	Gỗ	2015	64/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2406	Huỳnh Cài	BĐ-97508-TS	16,9	400	Gỗ	2015	2794/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2407	Lê Thị Xuân Căn	BĐ-97494-TS	16,4	400	Gỗ	1993	05/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2408	Ngô Thành Hận	BĐ-97511-TS	17,2	444	Gỗ	1996	165/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2409	Đỗ Văn Nghĩa	BĐ-98890-TS	17,8	760	Gỗ	2015	1027/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	

2410	Nguyễn Thanh Trúc	BĐ-97505-TS	17,2	400	Gỗ	1993	1043/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2411	Nguyễn Văn Giờ	BĐ-97522-TS	19,8	800	Gỗ	2015	2877/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2412	Lê Văn Bảy	BĐ-97510-TS	17,9	725	Gỗ	2015	02/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2413	Nguyễn Diên	BĐ-97507-TS	18,1	730	Gỗ	2015	3334/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2414	Huỳnh Văn He	BĐ-97514-TS	17,8	760	Gỗ	2015	2771/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2415	Kiều Thị Mỹ Đông	BĐ-98720-TS	15,7	400	Gỗ	1992	486/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2416	Huỳnh Tấn	BĐ-97528-TS	16,9	400	Gỗ	2015	2795/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2417	Nguyễn Phùng Vương	BĐ-97521-TS	20,9	840	Gỗ	2015	697/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2418	Trần Hoàng	BĐ-97525-TS	17,1	744	Gỗ	2015	615/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2419	Võ Minh	BĐ-97500-TS	15,3	400	Gỗ	1991	44/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2420	Nguyễn Văn Ánh	BĐ-97493-TS	17,4	444	Gỗ	2015	19/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2421	Võ Thành Danh	BĐ-97532-TS	17,7	720	Gỗ	2015	274/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2422	Nguyễn Dạn	BĐ-97502-TS	17,8	410	Gỗ	2015	535/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2423	Võ Thị Mỹ Lệ	BĐ-97503-TS	15	400	Gỗ	1992	1079/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2424	Dương Thanh Tùng	BĐ-97541-TS	19,2	775	Gỗ	2015	531/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2425	Nguyễn Văn Phưởng	BĐ-97513-TS	17,5	400	Gỗ	1995	481/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2426	Huỳnh Văn Phước	BĐ-97539-TS	17,5	760	Gỗ	2015	803/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2427	Phạm Văn Thanh	BĐ-97577-TS	15,8	400	Gỗ	2015	301/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2428	Lê Thị Phương	BĐ-97529-TS	20,3	900	Gỗ	2015	89/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2429	Phan Ngọc Xuyên	BĐ-97519-TS	18,1	810	Gỗ	2015	1956/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2430	Võ Thị Xuyên	BĐ-98687-TS	18,1	420	Gỗ	2002	13/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2431	Trần Thị Kim Chi	BĐ-98682-TS	19,2	725	Gỗ	2015	283/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2432	Nguyễn Danh	BĐ-97516-TS	17,5	730	Gỗ	2015	568/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2433	Nguyễn Ngọc Hưng	BĐ-97551-TS	15,2	410	Gỗ	2005	188/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2434	Trần Đình Thư	BĐ-97544-TS	16,7	720	Gỗ	2015	420/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2435	Võ Tạo	BĐ-97595-TS	16,8	520	Gỗ	2012	320/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2436	Võ Minh Trí	BĐ-97556-TS	20,7	820	Gỗ	2015	1343/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2437	Trương Văn Sĩ	BĐ-97568-TS	17	700	Gỗ	2015	812/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2438	Võ Văn Nhựt	BĐ-98876-TS	17,9	745	Gỗ	2015	696/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2439	La Văn Bạ	BĐ-97578-TS	17,15	810	Gỗ	2015	1417/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2440	Trương Văn	BĐ-97571-TS	17	700	Gỗ	2015	2563/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

2441	Nguyễn Sáng	BĐ-97562-TS	17,7	700	Gỗ	2015	784/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2442	Võ Phi Long	BĐ-98908-TS	17,3	710	Gỗ	2015	2150/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2443	Huỳnh Văn Mới	BĐ-97542-TS	17,45	800	Gỗ	2015	1288/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2444	Phan Thánh Phụng	BĐ-97558-TS	17,3	744	Gỗ	2015	1354/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2445	Phạm Văn Phương	BĐ-97567-TS	17,55	860	Gỗ	2015	2525/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2446	Phan Văn Phương	BĐ-97602-TS	17,2	800	Gỗ	2015	1939/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2447	Hồ Ly	BĐ-97606-TS	17,8	710	Gỗ	2015	1946/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2448	Cao Thị Kim Thiện	BĐ-98747-TS	19,4	700	Gỗ	2015	1122/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2449	Nguyễn Thanh Tùng	BĐ-97560-TS	17,95	725	Gỗ	2015	957/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2450	Nguyễn Lạ	BĐ-97569-TS	17,25	730	Gỗ	2015	835/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2451	Nguyễn Sơn	BĐ-97619-TS	21	730	Gỗ	2015	3784/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2452	Cái Xít	BĐ-97579-TS	17,6	810	Gỗ	2015	2780/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2453	Nguyễn Thị Đa	BĐ-97559-TS	16,8	460	Gỗ	2015	397/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2454	Nguyễn Thị Thùy Trang	BĐ-99025-TS	17,5	800	Gỗ	2015	390/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2455	Huỳnh Văn Phong	BĐ-97538-TS	18,05	800	Gỗ	2015	1375/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2456	La Thị Lợi	BĐ-97586-TS	17	704	Gỗ	2015	2073/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2457	Lê Lước	BĐ-97593-TS	16,6	400	Gỗ	2015	1045/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2458	Nguyễn Hoàn	BĐ-97552-TS	15,9	400	Gỗ	2005	2044/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2459	Trương Văn Sương	BĐ-97611-TS	15,1	420	Gỗ	2003	2838/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2460	Hồ Thị Bé	BĐ-98853-TS	19,95	730	Gỗ	2015	2223/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2461	Tướng Phước Khải	BĐ-97632-TS	15,4	420	Gỗ	2005	915/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2462	Trương Hồng Lượm	BĐ-97589-TS	18,7	725	Gỗ	2015	999/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2463	Trần Thu	BĐ-97603-TS	17,1	400	Gỗ	2015	1236/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2464	Nguyễn Phin	BĐ-97604-TS	16,55	400	Gỗ	2015	1924/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2465	Nguyễn Văn Thiện	BĐ-97624-TS	18,3	720	Gỗ	2015	496/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2466	Lê Tấn Huệ	BĐ-98727-TS	18,9	780	Gỗ	2015	2164/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2467	Huỳnh Đình Bận	BĐ-97582-TS	16,4	460	Gỗ	2015	1185/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2468	Võ Văn Anh	BĐ-97618-TS	17,5	710	Gỗ	2008	439/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2469	Phạm Văn Toàn	BĐ-98511-TS	15,7	330	Gỗ	2014	3768/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2470	Trương Hòa	BĐ-97557-TS	17,5	800	Gỗ	2015	2145/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2471	Nguyễn Trãi	BĐ-97596-TS	17,8	770	Gỗ	2015	1941/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

2472	Tô Thanh Bá	BĐ-97598-TS	17,9	840	Gỗ	2015	1020/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2473	Lê Xuân Thiện	BĐ-97670-TS	17,9	400	Gỗ	2008	1548/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2474	Bùi Văn Ếch	BĐ-97575-TS	17,8	714	Gỗ	2015	1268/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2475	Nguyễn Văn Dẫn	BĐ-97627-TS	19,35	750	Gỗ	2015	1520/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2476	Lý Thị Thủy	BĐ-98645-TS	21	820	Gỗ	2015	1373/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2477	Nguyễn Văn Thành	BĐ-97637-TS	17	400	Gỗ	2015	3430/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2478	Trần Văn Lưu	BĐ-97648-TS	16	420	Gỗ	2015	2831/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2479	Đinh Minh Dương	BĐ-98450-TS	15,5	420	Gỗ	2002	1021/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2480	Nguyễn Minh Cường	BĐ-97561-TS	17,85	700	Gỗ	2015	1441/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2481	Đào Thêm	BĐ-97594-TS	17,15	750	Gỗ	2015	1759/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2482	Phùng Ngọc Thanh	BĐ-97636-TS	18,35	770	Gỗ	2015	2520/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2483	Huỳnh Kim	BĐ-97614-TS	17	760	Gỗ	2015	1426/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2484	Hồ Văn Chút	BĐ-97638-TS	17,4	435	Gỗ	2015	1842/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2485	Bùi Thanh Nam	BĐ-97657-TS	19,2	725	Gỗ	2015	2115/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2486	Nguyễn Văn Phương	BĐ-97548-TS	16,5	500	Gỗ	2015	2077/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2487	Lâm Công Tĩnh	BĐ-97555-TS	17	400	Gỗ	2015	2118/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2488	Đào Thị Hôn	BĐ-98888-TS	18	710	Gỗ	2015	357/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2489	Ngô Trung	BĐ-97492-TS	17,9	710	Gỗ	2015	04/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2490	Lê Thành Tân	BĐ-97597-TS	18,3	725	Gỗ	2015	2515/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2491	Bùi Duy Cáo	BĐ-97549-TS	17,8	715	Gỗ	2015	1220/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2492	Trần Trung Hạnh	BĐ-97651-TS	17,6	730	Gỗ	2015	1943/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2493	Kiều Ngọc Đin	BĐ-98920-TS	16,5	400	Gỗ	1998	608/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2494	Nguyễn Văn Liền	BĐ-97634-TS	18,15	800	Gỗ	2015	1198/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2495	Huỳnh Trường	BĐ-98800-TS	22,5	860	Gỗ	2015	332/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
2496	Lê Quen	BĐ-97674-TS	16,5	410	Gỗ	2012	2218/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2497	Trần Cư	BĐ-97655-TS	17,45	820	Gỗ	2015	3393/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2498	Nguyễn Văn Tây	BĐ-97656-TS	17,95	800	Gỗ	2015	1838/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2499	Phạm Quốc Việt	BĐ-97683-TS	17,3	744	Gỗ	2015	1416/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2500	Nguyễn Lân	BĐ-97685-TS	17,35	730	Gỗ	2015	2616/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2501	Trần Văn Lân	BĐ-98684-TS	21,2	731	Gỗ	2015	117/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2502	Huỳnh Cọt	BĐ-97625-TS	18,6	730	Gỗ	2015	1972/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

2503	Võ Văn Tánh	BĐ-97652-TS	20,65	725	Gỗ	2015	2410/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2504	Huỳnh Ngỗ	BĐ-97695-TS	18,1	730	Gỗ	2015	1934/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2505	Lê Thanh Chí	BĐ-97601-TS	16,7	420	Gỗ	2015	2323/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2506	Nguyễn Ngọc Bình	BĐ-97666-TS	17,1	720	Gỗ	2012	1938/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2507	Trần Thái Thi	BĐ-97647-TS	17,55	855	Gỗ	2015	2199/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2508	Phạm Thị Tuyết	BĐ-98657-TS	18,6	780	Gỗ	2000	800/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2509	Trần Trung Mạnh	BĐ-97682-TS	16	420	Gỗ	2012	2217/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2510	Trần Thị Anh	BĐ-97696-TS	20,65	805	Gỗ	2015	2015/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2511	Trần Văn Thiện	BĐ-97665-TS	19,9	825	Gỗ	2015	1472/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2512	La Xuân Cầu	BĐ-98867-TS	17,6	800	Gỗ	2015	1937/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2513	Trần Minh Phụng	BĐ-97687-TS	17,5	730	Gỗ	2015	2624/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2514	Nguyễn Minh Vương	BĐ-97686-TS	17,5	740	Gỗ	2015	2522/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2515	Bùi Thanh Trung	BĐ-97580-TS	17,95	840	Gỗ	2015	1824/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2516	Trần Tây	BĐ-97735-TS	17,5	744	Gỗ	2015	2664/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2517	Phạm Văn Hát	BĐ-97689-TS	18,6	800	Gỗ	2015	2685/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2518	Cái Pháp	BĐ-97718-TS	17,5	710	Gỗ	2015	1274/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2519	Nguyễn Nhữ	BĐ-97724-TS	17,55	730	Gỗ	2015	2216/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2520	Phan Văn Do	BĐ-97726-TS	17,3	730	Gỗ	2015	2518/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2521	Đào Thị Đông	BĐ-98455-TS	15	400	Gỗ	2004	419/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2522	Võ Thành Công	BĐ-97717-TS	17,3	760	Gỗ	2015	743/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2523	Huỳnh An	BĐ-98978-TS	17,65	725	Gỗ	2015	2075/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2524	Huỳnh Long Thi	BĐ-97715-TS	18,4	900	Gỗ	2015	2935/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2525	Huỳnh Văn Vũ	BĐ-97742-TS	19,9	800	Gỗ	2015	2936/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2526	Trần Bé	BĐ-97747-TS	19,7	860	Gỗ	2015	2714/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2527	Hồ Nhựt	BĐ-97748-TS	19,3	860	Gỗ	2015	3213/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2528	Trần Văn Luân	BĐ-97768-TS	19,4	580	Gỗ	2015	3113/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2529	Võ Sĩ Thạch	BĐ-97660-TS	17,2	420	Gỗ	2015	2763/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2530	Ngô Văn Tốt	BĐ-97693-TS	18,5	720	Gỗ	2015	3451/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2531	Huỳnh Nhân	BĐ-97694-TS	17,3	705	Gỗ	2015	2334/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2532	Nguyễn Huân	BĐ-97737-TS	21,55	730	Gỗ	2015	2589/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2533	Nguyễn Thanh Việt	BĐ-97709-TS	19,5	755	Gỗ	2015	3274/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

2534	Huỳnh Hương	BĐ-97688-TS	16,6	750	Gỗ	2000	3052/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2535	Nguyễn Văn Hùng	BĐ-97745-TS	17,65	700	Gỗ	2015	2913/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2536	Lê Diệp	BĐ-97698-TS	22	705	Gỗ	2015	2991/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2537	Phan Thanh Hòa	BĐ-97757-TS	16,8	700	Gỗ	2015	2542/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2538	Đỗ Văn Hạnh	BĐ-97727-TS	19,9	875	Gỗ	2016	288/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2539	Vô Văn Tánh	BĐ-97654-TS	22,5	730	Gỗ	2015	2379/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2540	Bùi Thanh Ninh	BĐ-97678-TS	22,15	900	Gỗ	2015	1493/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2541	Phạm Văn Liệu	BĐ-97758-TS	19,3	880	Gỗ	2015	2012/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2542	Huỳnh Văn Chăng	BĐ-98829-TS	18,25	800	Gỗ	2015	2548/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2543	Bùi Văn Xếp	BĐ-97738-TS	18,5	800	Gỗ	2015	3363/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2544	Lý Thị Hoa	BĐ-98710-TS	19,85	900	Gỗ	2015	338/2023/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
2545	Trần Văn Hường	BĐ-98534-TS	17,8	725	Gỗ	2015	1538/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2546	Đỗ Hà Tiên	BĐ-98946-TS	19,1	900	Gỗ	2015	754/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2547	Nguyễn Tuyết	BĐ-97772-TS	18,7	760	Gỗ	2015	52/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2548	Phạm Ngọc Huy	BĐ-99037-TS	18,45	770	Gỗ	2015	06/2024/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2549	Trần Văn Trung	BĐ-97774-TS	18,9	400	Gỗ	2015	2826/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2550	Đỗ Ngọc Tuấn	BĐ-97736-TS	22,4	858	Gỗ	2015	2818/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2551	Nguyễn Văn Hạnh	BĐ-97746-TS	19,5	830	Gỗ	2015	3389/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2552	Trương Nhựt Hưng	BĐ-97805-TS	17	723	Gỗ	2015	2486/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2553	Nguyễn Năng	BĐ-97763-TS	18,8	730	Gỗ	2015	3331/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2554	Nguyễn Đức Toàn	BĐ-97782-TS	19,2	750	Gỗ	2015	234/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2555	Nguyễn Văn Nguyệt	BĐ-97783-TS	18,7	420	Gỗ	2015	2758/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2556	Nguyễn Văn Sang	BĐ-98885-TS	19,9	750	Gỗ	2016	2567/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2557	Vô Thị Xuyên	BĐ-98514-TS	18,2	750	Gỗ	2015	736/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2558	Vô Thanh Tốt	BĐ-97692-TS	18,3	725	Gỗ	2015	3143/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2559	Phạm Nhấn	BĐ-97713-TS	18	400	Gỗ	2015	1461/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2560	Nguyễn Văn Thành	BĐ-93850-TS	19,8	705	Gỗ	2015	267/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2561	Trương Đình Phúc	BĐ-97771-TS	19,3	860	Gỗ	2015	2509/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2562	Cao Văn Tinh	BĐ-97729-TS	18,3	800	Gỗ	2015	3294/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2563	Nguyễn Thành Phú	BĐ-97784-TS	20,1	800	Gỗ	2015	2564/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2564	Phan Hoài Vi	BĐ-97760-TS	18	730	Gỗ	2016	1200/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

2565	Trần Thị Ngọc	BĐ-97712-TS	17,5	710	Gỗ	2015	2962/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2566	Trương Đước	BĐ-97744-TS	18,5	750	Gỗ	2015	2405/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2567	Nguyễn Tâm	BĐ-97779-TS	22,15	1150	Gỗ	2015	3464/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2568	Hồ Thanh Cường	BĐ-97639-TS	20,15	700	Gỗ	2015	2902/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2569	Lê Hùng Cường	BĐ-98860-TS	21,7	830	Gỗ	2015	52/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2570	Nguyễn Văn Bình	BĐ-97753-TS	21	820	Gỗ	2015	2444/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2571	Nguyễn Văn Minh	BĐ-97776-TS	17,3	730	Gỗ	2015	3258/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2572	Phạm Văn Toàn	BĐ-97793-TS	17,8	820	Gỗ	2015	3780/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2573	Phan Thanh Sơ	BĐ-97794-TS	22,2	730	Gỗ	2015	167/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2574	Đỗ Thị Non	BĐ-98983-TS	17,7	725	Gỗ	2015	634/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2575	Nguyễn Văn Lâm	BĐ-97706-TS	17,35	750	Gỗ	2015	2651/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2576	Lê Văn Thái	BĐ-97731-TS	17,75	720	Gỗ	2015	2882/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2577	Nguyễn Văn Nét	BĐ-97733-TS	19,8	755	Gỗ	2015	627/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2578	Nguyễn Trung Phần	BĐ-97739-TS	20,3	920	Gỗ	2015	2872/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2579	Nguyễn Hòa Phong	BĐ-97740-TS	20,7	725	Gỗ	2016	2187/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2580	Nguyễn Cơ	BĐ-97766-TS	17,65	770	Gỗ	2015	2592/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2581	Đào Tây	BĐ-97804-TS	17,6	855	Gỗ	2015	2214/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2582	Trần Kim Thuận	BĐ-97807-TS	18	855	Gỗ	2016	2549/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2583	Võ Thị Nhi	BĐ-97820-TS	20,7	455	Gỗ	2013	3014/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2584	Nguyễn Quê	BĐ-97587-TS	17,4	725	Gỗ	2015	2513/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2585	Huỳnh Khắc Tiệp	BĐ-97811-TS	15,4	420	Gỗ	2002	2910/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2586	Phan Hồng Nhật	BĐ-97802-TS	19	725	Gỗ	2016	3461/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2587	Nguyễn Thanh Xuyên	BĐ-97764-TS	16,8	800	Gỗ	2016	2696/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2588	Lê Thị Mỹ Phượng	BĐ-97792-TS	17,65	750	Gỗ	2015	1291/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2589	Bùi Tiết	BĐ-97700-TS	15,7	400	Gỗ	2016	2733/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2590	Nguyễn Thành Dự	BĐ-97755-TS	18,3	730	Gỗ	2016	2901/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2591	Võ Thị Nhi	BĐ-98650-TS	19,6	855	Gỗ	2015	262/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2592	Huỳnh Anh Tuấn	BĐ-97858-TS	18,4	855	Gỗ	2015	3708/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2593	Lê Xuân Tình	BĐ-97869-TS	19,5	725	Gỗ	2015	3460/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2594	Nguyễn Văn Muộn	BĐ-97677-TS	20	860	Gỗ	2015	2807/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2595	Hồ Thị Vương	BĐ-97823-TS	19,8	500	Gỗ	2016	2684/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	

2596	Nguyễn Hoài Dân	BĐ-97853-TS	16,2	460	Gỗ	2006	2647/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2597	Trần Thanh	BĐ-97732-TS	15,9	715	Gỗ	2012	3087/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2598	Huỳnh Thanh Long	BĐ-97830-TS	16,5	400	Gỗ	1998	2364/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2599	Mai Thật	BĐ-97767-TS	18,3	725	Gỗ	2015	2099/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2600	Trương Ngọc Quý	BĐ-97829-TS	20,5	780	Gỗ	2016	826/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2601	La Rúc	BĐ-97886-TS	20,2	740	Gỗ	2016	3637/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2602	Trần Văn Sơn	BĐ-97697-TS	18,3	715	Gỗ	2016	1837/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2603	Huỳnh Quang Đạo	BĐ-97749-TS	17,5	770	Gỗ	2016	3141/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2604	Nguyễn Văn Thượng	BĐ-97788-TS	22,4	730	Gỗ	2016	3674/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2605	Lê Văn Khánh	BĐ-97809-TS	20,25	769	Gỗ	2016	2690/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2606	Nguyễn Dầy	BĐ-97822-TS	18,1	730	Gỗ	2016	2457/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2607	Trần Văn Hải	BĐ-97866-TS	17,8	800	Gỗ	2015	2178/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2608	Ngô Hồng Việt	BĐ-97856-TS	17,7	725	Gỗ	2016	2671/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2609	La Thị Mỹ Mẫn	BĐ-97865-TS	17,3	420	Gỗ	2010	541/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2610	Lê Văn Luyện	BĐ-97841-TS	17,6	725	Gỗ	2016	2492/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2611	Lê Dũng	BĐ-97816-TS	19,7	855	Gỗ	2016	3333/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2612	Phan Văn Nùng	BĐ-97828-TS	17,1	840	Gỗ	2016	3441/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2613	Dư Độ	BĐ-97843-TS	19,8	755	Gỗ	2016	679/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2614	Hồ Tuấn Tú	BĐ-98879-TS	20,3	710	Gỗ	2016	1371/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2615	Lê Lệ	BĐ-97846-TS	17,8	444	Gỗ	2016	1214/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2616	Nguyễn Xuân Cảnh	BĐ-93912-TS	20,05	750	Gỗ	2016	616/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2617	Trần Thị Diễm	BĐ-98993-TS	22,4	725	Gỗ	2016	01/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2618	Võ Trung	BĐ-97832-TS	22,4	730	Gỗ	2016	2644/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2619	Phạm Văn Danh	BĐ-97836-TS	22,2	730	Gỗ	2016	3448/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2620	Trần Tốt	BĐ-97838-TS	22,1	730	Gỗ	2016	3668/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2621	Võ Ngọc Hoàn	BĐ-97884-TS	22,2	730	Gỗ	2016	3160/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2622	Nguyễn Văn Châu	BĐ-97795-TS	17,6	840	Gỗ	2016	2465/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2623	Nguyễn Thị Lộc	BĐ-97880-TS	18,05	780	Gỗ	2016	63/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2624	Ngô Quốc Sỹ	BĐ-97848-TS	20,4	750	Gỗ	2016	2428/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2625	Thái Bảo	BĐ-97791-TS	21,2	815	Gỗ	2016	2171/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2626	Phạm Văn Phụng	BĐ-97808-TS	19,7	730	Gỗ	2015	2653/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	

2627	Lê Văn Đính	BĐ-97835-TS	19,5	860	Gỗ	2016	3477/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2628	Lê Cu	BĐ-97845-TS	21,5	760	Gỗ	2016	2911/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2629	Tôn Văn Dưỡng	BĐ-97863-TS	22,4	861	Gỗ	2016	117/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2630	Ngô Văn Thành	BĐ-97873-TS	15,3	440	Gỗ	2003	1261/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2631	Trần Nguyễn Thảo Giang	BĐ-98976-TS	17,2	725	Gỗ	2016	3070/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2632	Cao Văn Cù	BĐ-97918-TS	21,6	750	Gỗ	2016	3130/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2633	Nguyễn Văn Quốc	BĐ-97936-TS	21,2	855	Gỗ	2016	277/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2634	Phạm Khắc Huế	BĐ-97874-TS	18,64	503	Gỗ	2016	2632/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2635	Đỗ Minh Thọ	BĐ-97889-TS	18,1	860	Gỗ	2016	12/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2636	Nguyễn Minh Thi	BĐ-97909-TS	20,1	500	Gỗ	2016	907/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2637	Phạm Anh Vũ	BĐ-97915-TS	15,8	420	Gỗ	2004	1105/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2638	Nguyễn Trường Vũ	BĐ-97797-TS	17,2	730	Gỗ	2016	1900/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2639	Hồ Văn Hùng	BĐ-98928-TS	18,95	731	Gỗ	2016	564/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2640	Nguyễn Văn Trí	BĐ-97868-TS	19,6	750	Gỗ	2016	2059/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2641	Đỗ Văn Nhân	BĐ-97876-TS	17,7	730	Gỗ	2016	3128/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2642	Đặng Văn Dũng	BĐ-97902-TS	18,1	840	Gỗ	2016	66/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2643	Nguyễn Văn Lên	BĐ-97912-TS	18,1	760	Gỗ	2016	2438/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2644	Phạm Thị Gái	BĐ-97945-TS	19,2	750	Gỗ	2016	3114/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2645	Võ Thị Nhi	BĐ-97573-TS	15,2	555	Gỗ	1998	3013/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2646	Nguyễn Thanh Quốc	BĐ-97790-TS	17,4	730	Gỗ	2016	3049/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2647	Nguyễn Thanh Hồng	BĐ-97870-TS	16,8	420	Gỗ	2006	1449/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2648	Trần Thôi	BĐ-97796-TS	17,8	710	Gỗ	2016	2430/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2649	Võ Phi Long	BĐ-97864-TS	20,9	730	Gỗ	2016	261/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2650	Trần Quyến	BĐ-97894-TS	18	770	Gỗ	2016	2200/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2651	Nguyễn Văn Chở	BĐ-97892-TS	17,45	400	Gỗ	1994	778/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2652	Nguyễn Văn Thượng	BĐ-99024-TS	20,2	720	Gỗ	2016	15/2024/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
2653	Trần Tĩnh	BĐ-97819-TS	20,7	860	Gỗ	2016	2541/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2654	Lê Văn Tàu	BĐ-97834-TS	20,2	725	Gỗ	2016	2032/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2655	Phạm Tiết	BĐ-97849-TS	19,7	730	Gỗ	2016	1022/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2656	Cao Văn Thêm	BĐ-97857-TS	19,75	855	Gỗ	2016	265/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2657	Ngô Nguyên	BĐ-97867-TS	17,35	815	Gỗ	2016	113/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

2658	Mai Văn Toàn	BĐ-97896-TS	17,5	815	Gỗ	2016	3012/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2659	Nguyễn Kỳ	BĐ-97910-TS	22,4	730	Gỗ	2016	2494/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2660	Tướng Thị Phước Điền	BĐ-98721-TS	16,5	420	Gỗ	2004	2609/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2661	Lê Văn Triều	BĐ-98765-TS	18,1	755	Gỗ	2015	893/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2662	Huỳnh Chánh Thi	BĐ-98927-TS	22,4	704	Gỗ	2016	199/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2663	Huỳnh Thiên	BĐ-97812-TS	17,9	850	Gỗ	2016	2615/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2664	Mai Tiến	BĐ-97877-TS	17,5	730	Gỗ	2016	404/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2665	La Thành Đông	BĐ-97917-TS	17,95	730	Gỗ	2016	2459/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2666	Huỳnh Thị Nhẫn	BĐ-97947-TS	19,7	855	Gỗ	2016	2300/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2667	Nguyễn Văn Huy	BĐ-98412-TS	17,4	400	Gỗ	2016	345/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2668	Nguyễn Văn Hiếu	BĐ-97641-TS	17,4	400	Gỗ	1999	782/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2669	Nguyễn Hữu Kha	BĐ-97543-TS	22,4	730	Gỗ	2016	276/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2670	Trần Quốc Toàn	BĐ-97854-TS	20,1	704	Gỗ	2016	3335/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2671	Lý Văn Trí	BĐ-97875-TS	17,9	744	Gỗ	2016	371/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2672	Hồ Thị Thảo	BĐ-98624-TS	19,5	800	Gỗ	2016	1739/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2673	Phan Văn Hoàng	BĐ-97882-TS	20,5	900	Gỗ	2016	2528/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2674	Mai Thanh Hiền	BĐ-97885-TS	22,4	900	Gỗ	2016	75/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2675	Nguyễn Văn Đạo	BĐ-97921-TS	16,4	710	Gỗ	2016	48/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2676	Cao Văn Thương	BĐ-97924-TS	20,4	770	Gỗ	2016	2883/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2677	Nguyễn Văn Thương	BĐ-98846-TS	18,2	420	Gỗ	2012	07/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2678	Nguyễn Xuân Tinh	BĐ-97566-TS	17,1	400	Gỗ	2016	209/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2679	Lê Văn Hoài	BĐ-97840-TS	19,95	880	Gỗ	2016	3436/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2680	Nguyễn Âu	BĐ-98507-TS	17,4	710	Gỗ	2016	834/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2681	Trần Đình Thư	BĐ-97911-TS	17,3	740	Gỗ	2016	2503/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2682	Phan Văn Thư	BĐ-97920-TS	19,1	720	Gỗ	2016	657/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2683	Lê Thị Nhất	BĐ-98709-TS	17,05	714	Gỗ	2016	718/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2684	Võ Văn Bình	BĐ-97957-TS	17,9	725	Gỗ	2016	467/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2685	Hồ Tuấn Tú	BĐ-98679-TS	19,05	700	CPS	2006	2797/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2686	Nguyễn Thị Quân	BĐ-97903-TS	15,7	400	Gỗ	2002	813/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2687	Lý Văn Hoàng	BĐ-97704-TS	22,4	725	Gỗ	2016	3679/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2688	Trần Thanh Cọng	BĐ-97801-TS	22,4	730	Gỗ	2016	298/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	

2689	Hồ Xuân Đào	BĐ-97908-TS	18,2	725	Gỗ	2016	2245/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2690	Phạm Thị Bích	BĐ-98919-TS	18,4	730	Gỗ	2016	11/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2691	Điền Thanh Cúc	BĐ-97942-TS	18,4	700	Gỗ	2016	58/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2692	Nguyễn Tấn	BĐ-97943-TS	17,5	800	Gỗ	2016	1227/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2693	Nguyễn Thị Lắm	BĐ-97944-TS	19,3	800	Gỗ	2016	3514/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2694	Nguyễn Văn Tàu	BĐ-98821-TS	17,6	400	Gỗ	2016	565/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2695	Nguyễn Văn Thanh	BĐ-97663-TS	18,1	725	Gỗ	2016	556/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2696	Huỳnh Cảnh	BĐ-97931-TS	22,15	730	Gỗ	2016	2739/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2697	Trần Thị Sương	BĐ-92395-TS	21,2	855	Gỗ	2016	800/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2698	Trần Ngọc Hồng	BĐ-97705-TS	18,1	774	Gỗ	2016	267/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2699	Đỗ Ngọc Diễm	BĐ-97939-TS	21,8	731	Gỗ	2016	1764/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2700	Trần Thị Thủy	BĐ-97960-TS	17,85	800	Gỗ	2016	61/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2701	Huỳnh Thị Bình	BĐ-97570-TS	17,9	730	Gỗ	2016	2205/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2702	Hồ Thanh Trung	BĐ-99041-TS	21,4	855	Gỗ	2016	389/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2703	Lại Kim Thành	BĐ-97968-TS	17,5	800	Gỗ	2016	112/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2704	Nguyễn Văn Bé	BĐ-97975-TS	21,9	730	Gỗ	2016	131/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2705	Nguyễn Quốc Vinh	BĐ-97825-TS	22,1	700	Gỗ	2016	3063/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2706	Nguyễn Thị Căn	BĐ-97872-TS	20,2	725	Gỗ	2016	1452/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2707	Nguyễn Văn Thắm	BĐ-97890-TS	22,4	840	Gỗ	2016	381/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2708	Ngô Văn Vinh	BĐ-97906-TS	20,4	900	Gỗ	2016	28/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2709	Nguyễn Thị Lệ	BĐ-97934-TS	17,8	710	Gỗ	2016	3592/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2710	Phan Thị Nhỏ	BĐ-97937-TS	18	910	Gỗ	2016	172/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2711	Võ Ngọc Vũ	BĐ-97938-TS	20,7	955	Gỗ	2016	242/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2712	Trần Văn Hoàng	BĐ-97966-TS	19,9	730	Gỗ	2016	325/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2713	Cao Ruôi	BĐ-97913-TS	18,9	920	Gỗ	2016	523/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2714	Ngô Thanh Hùng	BĐ-93818-TS	19,9	765	Gỗ	2016	773/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2715	Nguyễn Duy Phương	BĐ-98782-TS	17,3	730	Gỗ	2016	687/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2716	Đinh Công Lý	BĐ-97984-TS	21,8	750	Gỗ	2016	229/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2717	Nguyễn Thị Trang	BĐ-97971-TS	16,2	420	Gỗ	2011	789/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2718	Nguyễn Thành Thiệt	BĐ-97948-TS	22,7	855	Gỗ	2016	47/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2719	La Ngọc Vắn	BĐ-97976-TS	22,4	725	Gỗ	2016	21/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	

2720	La Văn Thống	BĐ-97956-TS	16,4	460	Gỗ	2016	1563/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2721	La Văn Kha	BĐ-97701-TS	17,7	725	Gỗ	2016	785/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2722	Huỳnh Văn Tình	BĐ-97919-TS	17,7	880	Gỗ	2016	09/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2723	Lê Vũ Hùng	BĐ-98963-TS	17,95	733	Gỗ	2016	695/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2724	Lê Văn Liên	BĐ-97930-TS	17,1	725	Gỗ	2016	382/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2725	Phạm Hai	BĐ-97963-TS	19,5	750	Gỗ	2016	2110/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2726	Huỳnh Thị Chai	BĐ-97992-TS	17,2	760	Gỗ	2016	485/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2727	Huỳnh Ngọc Huy	BĐ-97997-TS	17,3	840	Gỗ	2016	1282/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2728	Nguyễn Văn Lương	BĐ-98045-TS	17,6	730	Gỗ	2016	2422/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2729	Phan Thanh Khê	BĐ-97899-TS	17,2	815	Gỗ	2016	310/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2730	Phạm Lam	BĐ-97965-TS	19,8	800	Gỗ	2016	517/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2731	Lê Minh Bình	BĐ-97977-TS	20,3	800	Gỗ	2016	266/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2732	Lê Bạ	BĐ-98857-TS	17	780	Gỗ	2012	979/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2733	Võ Hữu Hoàng	BĐ-97991-TS	22,4	929	Gỗ	2016	546/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2734	Ngô Minh Châu	BĐ-97904-TS	22,2	755	Gỗ	2016	926/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2735	Huỳnh Văn Bạ	BĐ-97926-TS	19,6	900	Gỗ	2016	1364/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2736	Huỳnh Đông Thìn	BĐ-97962-TS	19,3	900	Gỗ	2016	814/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2737	Nguyễn Thường	BĐ-97989-TS	18	730	Gỗ	2016	1456/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2738	Võ Thanh Nhân	BĐ-98008-TS	19,9	860	Gỗ	2016	545/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2739	Đặng Quang Nhật	BĐ-98019-TS	21,7	851	Gỗ	2016	201/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2740	Lê Thị Bạ	BĐ-98099-TS	21,8	730	Gỗ	2016	572/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2741	Đỗ Thị Thu Thảo	BĐ-97756-TS	21,1	875	Gỗ	2015	2977/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2742	Cao Hoa	BĐ-97974-TS	17,9	775	Gỗ	1998	777/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2743	Nguyễn Thị Văn	BĐ-97986-TS	19,1	770	Gỗ	2016	73/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2744	Huỳnh Văn Lân	BĐ-98542-TS	17,6	730	Gỗ	2016	960/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2745	Trần Văn Sơn	BĐ-97887-TS	17,9	730	Gỗ	2016	904/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2746	Nguyễn Thanh Hoàng	BĐ-97973-TS	20,7	800	Gỗ	2016	497/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2747	Hồ Văn Minh	BĐ-97994-TS	19,3	815	Gỗ	2016	775/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2748	Huỳnh Thị Phụng	BĐ-98046-TS	18,3	725	Gỗ	2016	506/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2749	Nguyễn Trung	BĐ-98005-TS	18,3	760	Gỗ	2016	1425/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2750	Lê Hoài Thanh	BĐ-99909-TS	27,06	811	Thép	2016	728/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	

2751	Dương Ngọc Ra	BĐ-98028-TS	18,3	840	Gỗ	2016	1017/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2752	Trần Đức	BĐ-98001-TS	17,1	700	Gỗ	2016	1427/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2753	Nguyễn Buồm	BĐ-97972-TS	18,9	800	Gỗ	2016	575/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2754	Võ Văn Lãm	BĐ-97951-TS	17,6	750	Gỗ	2016	738/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2755	Nguyễn Thê	BĐ-97955-TS	17,6	740	Gỗ	2016	984/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2756	Kiều Thị Đen	BĐ-98047-TS	19,7	500	Gỗ	2016	1275/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2757	Huỳnh Sang	BĐ-98006-TS	17,4	730	Gỗ	2016	858/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2758	Lê Văn Còi	BĐ-98038-TS	17,6	730	Gỗ	2016	1499/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2759	Lê Anh Đồi	BĐ-97891-TS	21,5	730	Gỗ	2016	1510/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2760	Trần Văn Long	BĐ-97993-TS	17,5	765	Gỗ	2016	1186/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2761	Nguyễn Văn Lơ	BĐ-98009-TS	17,5	400	Gỗ	2016	861/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2762	Huỳnh Văn Tuấn	BĐ-98986-TS	17,7	700	Gỗ	2016	906/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2763	Trần Văn Ảnh	BĐ-98663-TS	17,7	730	Gỗ	2016	909/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2764	Nguyễn Mạng	BĐ-97983-TS	17,7	730	Gỗ	2016	1370/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2765	Trần Văn Phít	BĐ-98014-TS	18,1	750	Gỗ	2016	1353/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2766	La Thanh Ngẩn	BĐ-98020-TS	22,6	1055	Gỗ	2016	2665/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2767	Trương Lệ	BĐ-97982-TS	17,9	725	Gỗ	2016	1255/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2768	Lê Tài	BĐ-98011-TS	18,1	800	Gỗ	2016	662/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2769	Nại Thị Hoa	BĐ-98039-TS	17,25	800	Gỗ	2016	2779/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2770	La Văn Sánh	BĐ-97998-TS	18,9	880	Gỗ	2016	1625/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2771	Huỳnh Văn He	BĐ-97985-TS	18,7	760	Gỗ	2016	2809/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2772	Nguyễn Văn Thương	BĐ-98774-TS	19,5	805	Gỗ	2016	2427/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2773	Võ Thị Phương Lan	BĐ-98767-TS	17,5	760	Gỗ	2016	202/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2774	Trần Thị Thời	BĐ-98825-TS	17,4	840	Gỗ	2016	1829/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2775	Võ Duy Khương	BĐ-98168-TS	22,2	765	Gỗ	2016	2359/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2776	Mai Văn Cu Em	BĐ-98036-TS	18	725	Gỗ	2016	2863/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2777	Phạm Ngọc Dương	BĐ-98066-TS	17,2	800	Gỗ	2016	3051/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2778	Hồ Văn Nghĩa	BĐ-98044-TS	18,25	800	Gỗ	2016	2102/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2779	Phan Ngọc Chín	BĐ-98587-TS	16,9	410	Gỗ	2016	2246/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2780	Phan Thanh Hồng	BĐ-98007-TS	16,2	400	Gỗ	2016	1920/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2781	Nguyễn Văn Vinh	BĐ-98840-TS	22,8	730	Gỗ	2016	51/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	

2782	Nguyễn Anh Khoa	BĐ-98117-TS	19,9	805	Gỗ	2016	3027/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2783	Hồ Văn Tây	BĐ-98075-TS	17,5	760	Gỗ	2016	1543/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2784	Nguyễn Thuận	BĐ-98088-TS	17,6	700	Gỗ	2016	1993/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2785	Võ Văn Thành	BĐ-98096-TS	21	900	Gỗ	2016	3359/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2786	Ngô Thị Kim Út	BĐ-98633-TS	17,6	400	Gỗ	2016	2752/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2787	Ngô Tấn Đức	BĐ-98062-TS	17,6	725	Gỗ	2016	2931/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2788	Đặng Quang Trường	BĐ-98056-TS	22,2	851	Gỗ	2016	1111/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2789	Trần Văn Lai	BĐ-98072-TS	20,6	725	Gỗ	2016	2298/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2790	Trần Văn Dũng	BĐ-98127-TS	18,3	800	Gỗ	2016	2206/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2791	Phạm Văn Toàn	BĐ-98501-TS	24,7	900	Gỗ	2016	333/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2792	Đặng Quang Khoa	BĐ-98029-TS	21,3	805	Gỗ	2016	1112/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2793	Nguyễn Văn Bình	BĐ-98032-TS	23,4	850	Gỗ	2015	1241/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2794	Nguyễn Thanh Đê	BĐ-98059-TS	23,7	800	Gỗ	2016	2845/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2795	Trần Tới	BĐ-98084-TS	18,1	725	Gỗ	2016	2717/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2796	Đỗ Xuân Hội	BĐ-92396-TS	22,6	750	Gỗ	2016	2482/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2797	Phạm Văn	BĐ-98037-TS	16,6	420	Gỗ	2017	2619/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2798	La Văn Tiếng	BĐ-98082-TS	17,4	720	Gỗ	2017	2966/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2799	Mai Văn Khoa	BĐ-98475-TS	18,8	710	Gỗ	2017	853/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2800	Huỳnh Văn Thống	BĐ-98086-TS	16,8	770	Gỗ	2017	1899/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2801	Lê Văn Bình	BĐ-98077-TS	17,45	700	Gỗ	2017	2835/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2802	Nguyễn Văn Nhuận	BĐ-98018-TS	18,9	725	Gỗ	2017	1377/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2803	Trần Văn Trai	BĐ-98048-TS	22,1	861	Gỗ	2017	2885/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2804	Hồ Cu Tý	BĐ-98091-TS	17,6	800	Gỗ	2017	2682/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2805	Trương Văn Nghinh	BĐ-98069-TS	17,4	730	Gỗ	2017	3098/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2806	Trần Văn Thoàn	BĐ-98892-TS	21,9	731	Gỗ	2017	231/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2807	Nguyễn Văn Tùng	BĐ-98089-TS	22,4	855	Gỗ	2017	3321/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2808	Đoàn Văn Hiếu	BĐ-99043-TS	22,1	725	Gỗ	2017	17/2024/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2809	Trần Thị Hương	BĐ-98912-TS	18,45	730	Gỗ	2017	1843/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2810	Lê Thị Bồi	BĐ-98118-TS	18,5	760	Gỗ	2017	2841/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2811	Nguyễn Hữu Thu	BĐ-98769-TS	20,5	820	Gỗ	2017	3594/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	
2812	Nguyễn Hữu Châu	BĐ-98103-TS	19,5	730	Gỗ	2017	2474/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	

2813	Nguyễn Thanh Hùng	BĐ-98106-TS	17,5	730	Gỗ	2017	3192/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2814	Nguyễn Văn Thân	BĐ-98042-TS	22,2	713	Gỗ	2017	2456/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2815	Nguyễn Thị Siêng	BĐ-98138-TS	22,4	861	Gỗ	2017	1570/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2816	Bùi Thanh Hoàng	BĐ-97898-TS	17,8	840	Gỗ	2017	2483/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2817	Trần Văn Út	BĐ-98063-TS	15,65	400	Gỗ	2012	510/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2818	Đào Văn Thịnh	BĐ-98081-TS	17,6	760	Gỗ	2017	34/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2819	Nguyễn Cường	BĐ-98105-TS	20,3	730	Gỗ	2017	585/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2820	Nguyễn Văn Lùn	BĐ-98078-TS	18,1	725	Gỗ	2017	3577/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2821	Nguyễn Văn Phô	BĐ-92458-TS	22,1	734	Gỗ	2017	777/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2822	Phùng Thị Bốn	BĐ-98952-TS	17,8	755	Gỗ	2017	775/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2823	Trương Bồng	BĐ-98093-TS	21	700	Gỗ	2017	2538/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2824	Võ Nhiễm	BĐ-97871-TS	22,8	820	Gỗ	2017	192/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2825	Ngô Quỳnh	BĐ-98129-TS	21,9	1055	Gỗ	2017	3060/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2826	Đặng Thanh Tùng	BĐ-98065-TS	20,1	730	Gỗ	2017	3000/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2827	Trương Thị Hồng Thúy	BĐ-97252-TS	20,5	730	Gỗ	2017	335/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2828	Lê Thị Ngọc Ái	BĐ-98997-TS	22,3	960	Gỗ	2017	3328/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
2829	Đỗ Ngọc Tuấn	BĐ-98125-TS	22,69	850	Gỗ	2017	2817/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2830	Bùi Thanh Ninh	BĐ-97999-TS	22,7	736	Gỗ	2017	1494/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2831	Nguyễn Văn Thượng	BĐ-98149-TS	22,8	730	Gỗ	2017	3676/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2832	Nguyễn Văn Tài	BĐ-98145-TS	22,2	770	Gỗ	2017	2923/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2833	Nguyễn Văn Chỏi	BĐ-98035-TS	20,3	730	Gỗ	2008	3340/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2834	Trần Văn Thặng	BĐ-98146-TS	22,8	820	Gỗ	2017	2535/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2835	Nguyễn Văn Đây	BĐ-98155-TS	20,8	880	Gỗ	2017	3220/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2836	Nghê Văn Thành	BĐ-97721-TS	15,9	410	Gỗ	2015	3266/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2837	Phạm Văn Bình	BĐ-97933-TS	20,45	710	Gỗ	2017	2268/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2838	Phạm Ngọc Dương	BĐ-97922-TS	15	420	Gỗ	2017	32/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2839	Trương Văn Hội	BĐ-98115-TS	21,2	730	Gỗ	2017	3011/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2840	Bùi Quốc Việt	BĐ-98104-TS	21,1	750	Gỗ	2017	07/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2841	Nguyễn Văn Xích	BĐ-98176-TS	22,3	730	Gỗ	2017	3391/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2842	Võ Văn The	BĐ-97946-TS	20,4	920	Gỗ	2017	2628/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2843	Nguyễn Văn Lanh	BĐ-98080-TS	20,6	755	Gỗ	2017	3086/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	

2844	Trần Thanh	BĐ-98723-TS	21,9	730	Gỗ	2017	271/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2845	Huỳnh Hữu Tài	BĐ-98179-TS	22,8	820	Gỗ	2017	3103/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2846	Lê Văn Hiếu	BĐ-98199-TS	20,5	800	Gỗ	2017	2269/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2847	Trương Văn Thân	BĐ-98090-TS	22,8	730	Gỗ	2017	2777/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2848	La Thanh Trâm	BĐ-98143-TS	18,6	840	Gỗ	2017	1825/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2849	Lê Tấn Dục	BĐ-98050-TS	19,4	830	Gỗ	2017	2121/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2850	Nguyễn Văn Cường	BĐ-98054-TS	22,8	750	Gỗ	2017	2362/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2851	Lê Văn Đông	BĐ-98135-TS	21,9	1128	Gỗ	2017	2476/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2852	Phan Văn Do	BĐ-98174-TS	21,2	730	Gỗ	2017	2473/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2853	Võ Trung	BĐ-98948-TS	22,5	730	Gỗ	2017	32/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2854	Nguyễn Thị Phương Lan	BĐ-98938-TS	22,8	1040	Gỗ	2017	3208/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2855	Đỗ Văn Hạng	BĐ-98124-TS	20,9	705	Gỗ	2017	2569/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2856	Nguyễn Thị Thư	BĐ-98161-TS	22,7	725	Gỗ	2017	3219/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2857	Nguyễn Văn Hiền	BĐ-98154-TS	20,2	800	Gỗ	2017	1244/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2858	Vũ Thành Hoàng	BĐ-97777-TS	22,8	730	Gỗ	2017	2874/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2859	Nguyễn Thi	BĐ-98186-TS	22,8	1050	Gỗ	2017	1792/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2860	Tôn Văn Định	BĐ-98188-TS	22,5	730	Gỗ	2017	3170/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2861	Đỗ Cao Trí	BĐ-98108-TS	22,3	780	Gỗ	2017	2814/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2862	Huỳnh Quang Đạo	BĐ-98704-TS	16,2	720	Gỗ	2006	426/2021/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2863	Nguyễn Thành Tuấn	BĐ-98040-TS	19,5	720	Gỗ	2012	3509/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2864	Trần Lệ	BĐ-98163-TS	18,9	730	Gỗ	2017	2051/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2865	Đỗ Mơ	BĐ-98187-TS	19,9	800	Gỗ	2017	2539/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2866	Nguyễn Thanh Hùng	BĐ-98198-TS	16,4	400	Gỗ	2017	3732/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2867	Phạm Ngọc Dương	BĐ-98192-TS	17,85	700	Gỗ	2017	2559/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2868	Võ Văn Phường	BĐ-99667-TS	22,6	823	Gỗ	2017	3066/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2869	Hồ Thị Thảo	BĐ-99146-TS	22,3	823	Gỗ	2017	17/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2870	Nguyễn Công Điện	BĐ-98083-TS	24,1	930	Gỗ	2017	2719/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2871	Trần Thị Khánh Ly	BĐ-98573-TS	22,6	910	Gỗ	2017	173/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2872	Huỳnh Thương	BĐ-98219-TS	22,3	861	Gỗ	2017	2656/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2873	Nguyễn Văn Nhò	BĐ-98181-TS	22,6	995	Gỗ	2017	2626/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2874	Bùi Thanh Ninh	BĐ-98209-TS	22,6	730	Gỗ	2017	156/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	

2875	Phan Ngọc Toàn	BĐ-98218-TS	17,7	725	Gỗ	2017	1729/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2876	Nguyễn Thành Tốt	BĐ-98217-TS	18,9	850	Gỗ	2017	515/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2877	Đào Minh Vương	BĐ-98194-TS	22,75	800	Gỗ	2017	1599/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2878	Trần Dư	BĐ-98170-TS	21,1	800	Gỗ	2017	140/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2879	Đỗ Văn Điện	BĐ-98246-TS	21,9	750	Gỗ	2017	3085/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2880	Phan Văn Đình	BĐ-98980-TS	22,7	918	Gỗ	2017	790/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2881	Võ Văn Toàn	BĐ-98239-TS	21,75	900	Gỗ	2017	3174/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2882	Huỳnh Hữu Tài	BĐ-98880-TS	22,6	1009	Gỗ	2017	94/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2883	Huỳnh Minh Xuyên	BĐ-98164-TS	20,5	700	Gỗ	2017	2493/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2884	Nguyễn Văn Ngọc	BĐ-98167-TS	20,5	750	Gỗ	2017	3281/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2885	Lê Thị Hường	BĐ-98183-TS	22,7	1055	Gỗ	2017	548/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2886	Phạm Sang	BĐ-98228-TS	21,4	725	Gỗ	2017	667/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2887	Đỗ Ngọc Vương	BĐ-98159-TS	24,5	755	Gỗ	2017	2805/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2888	Nguyễn Thanh Vương	BĐ-98158-TS	23,9	820	Gỗ	2017	2678/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2889	Phan Lùn	BĐ-99986-TS	25,55	823	Gỗ	2017	618/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2890	Phan Lùn	BĐ-99968-TS	26,55	823	Gỗ	2017	617/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2891	Đoàn Trọng Thái	BĐ-99036-TS	17,15	760	Gỗ	2017	01/2024/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2892	Lê Văn Tình	BĐ-98685-TS	22,7	725	Gỗ	2017	1121/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2893	Trần Minh Lương	BĐ-98245-TS	22,7	730	Gỗ	2017	300/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2894	Nguyễn Thị Tản	BĐ-99459-TS	22,9	825	Gỗ	2017	611/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2895	Lý Thị Mười	BĐ-98071-TS	15,1	400	Gỗ	1999	2663/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2896	Lê Tấn Dục	BĐ-98162-TS	18,3	830	Gỗ	2017	897/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2897	Kiều Minh Lua	BĐ-98259-TS	19	720	Gỗ	2017	1536/2019/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
2898	Ngô Thiện	BĐ-98462-TS	17,2	844	Gỗ	2017	180/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2899	Phạm Văn Quất	BĐ-98153-TS	17,6	700	Gỗ	2017	1007/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2900	Phan Thản	BĐ-98160-TS	24,15	820	Gỗ	2017	1063/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2901	Phạm Ngọc Trưởng	BĐ-98282-TS	22,8	780	Gỗ	2017	606/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2902	Lê Thanh Mầm	BĐ-98236-TS	22,7	864	Gỗ	2017	311/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2903	Võ Minh Vũ	BĐ-98214-TS	19,28	700	Gỗ	2015	683/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2904	Đào Duy Dũng	BĐ-98216-TS	17,39	400	Gỗ	2017	1940/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2905	Ngô Văn Dăng	BĐ-99154-TS	25,4	1222	Gỗ	2017	968/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	

2906	Trần Quốc Bảo	BĐ-98248-TS	18,2	760	Gỗ	2017	2029/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2907	Nguyễn Minh Vương	BĐ-98262-TS	22,7	780	Gỗ	2017	214/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2908	Võ Văn Ninh	BĐ-98264-TS	22,5	780	Gỗ	2017	399/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2909	Tô Văn Thông	BĐ-98207-TS	22,15	820	Gỗ	2017	2147/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2910	Lê Quý Danh	BĐ-98197-TS	16,5	400	Gỗ	2017	1522/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2911	Phan Thị Lợi	BĐ-98178-TS	20	780	Gỗ	2010	2969/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2912	Lê Hoàng Vĩnh Phúc	BĐ-98237-TS	22,4	700	Gỗ	2017	1057/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2913	Nguyễn Văn Thanh	BĐ-99135-TS	24	822	CPS	2017	3682/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2914	Cái Nhút	BĐ-98204-TS	15,9	420	Gỗ	2000	2646/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2915	Huỳnh Văn Thắng	BĐ-98227-TS	18,1	730	Gỗ	2017	804/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2916	Nguyễn Thanh Tùng	BĐ-98235-TS	17,8	750	Gỗ	2018	2546/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2917	Huỳnh Thanh Lan	BĐ-98190-TS	18,1	725	Gỗ	2018	3081/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2918	Nguyễn Văn Lâm	BĐ-98276-TS	17,5	500	Gỗ	2017	2697/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2919	Hồ Tuấn Tú	BĐ-98579-TS	18,5	735	Gỗ	2003	2796/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2920	Nguyễn Anh Quốc	BĐ-98267-TS	21,3	780	Gỗ	2018	2279/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2921	Phan Bảo Duy	BĐ-98255-TS	19,3	733	Gỗ	2018	2285/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2922	Nguyễn Trầm	BĐ-98230-TS	18,1	718	Gỗ	2018	983/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2923	Đỗ Văn Cường	BĐ-98289-TS	21,1	815	Gỗ	2018	2754/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2924	Nguyễn Thành Quang	BĐ-98930-TS	21,6	730	Gỗ	2016	728/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2925	Đỗ Văn Cường	BĐ-98244-TS	17,8	795	Gỗ	2018	2436/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2926	Trần Thanh Tâm	BĐ-98297-TS	17,5	725	Gỗ	2018	2421/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2927	Ngô Thị Trà	BĐ-98189-TS	18,5	700	Gỗ	2018	1818/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2928	Nguyễn Đức	BĐ-98258-TS	17,5	725	Gỗ	2018	3083/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2929	Lê Văn Hòa	BĐ-98277-TS	21	770	Gỗ	2018	2702/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2930	Trương Nhật Quang	BĐ-98278-TS	18,2	725	Gỗ	2018	3437/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2931	Đỗ Văn Đông	BĐ-98284-TS	21	770	Gỗ	2018	2570/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2932	Trần Tới	BĐ-98252-TS	18,5	885	Gỗ	2018	264/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2933	Trương Đình Phúc	BĐ-98271-TS	21	1000	Gỗ	2018	2508/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2934	Huỳnh Quang Đạo	BĐ-99061-TS	18,4	725	Gỗ	2018	127/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2935	Nguyễn Thanh Hạng	BĐ-98254-TS	17,6	816	Gỗ	2018	62/2019/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
2936	Ngô Minh Cường	BĐ-99014-TS	17,5	795	Gỗ	2018	374/2023/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	

2937	Phạm Văn Tận	BĐ-99668-TS	28	822	Thép	2018	527/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2938	Nguyễn Phụng	BĐ-98325-TS	17,9	825	Gỗ	2018	490/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2939	Bùi Xuân Đành	BĐ-98221-TS	17,2	800	Gỗ	2004	682/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2940	Trương Đình Phú	BĐ-98590-TS	17,2	725	Gỗ	2018	1088/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2941	Hồ Văn Tân	BĐ-98318-TS	18,2	732	Gỗ	2018	295/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2942	Trần Văn Anh	BĐ-98251-TS	17,4	710	Gỗ	2018	1018/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2943	Đào Thắng	BĐ-98309-TS	17,5	710	Gỗ	2018	524/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2944	Đỗ Ngọc Vương	BĐ-99268-TS	24	700	CPS	2018	130/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2945	Đỗ Vinh	BĐ-99269-TS	24	700	CPS	2018	722/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2946	Huỳnh Văn Toàn	BĐ-98296-TS	17,5	816	Gỗ	2018	521/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2947	Nguyễn Văn Lành	BĐ-98295-TS	17,2	710	Gỗ	2018	1346/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2948	Huỳnh Văn Bình	BĐ-98307-TS	17,85	734	Gỗ	2018	734/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2949	Lý Văn Tốt	BĐ-98285-TS	19,1	710	Gỗ	2018	677/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2950	Võ Văn Minh	BĐ-98281-TS	17	820	Gỗ	2018	992/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2951	Đặng Dương	BĐ-98291-TS	25	910	Gỗ	2018	850/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2952	Bùi Ngọc Đán	BĐ-92305-TS	17,4	700	Gỗ	2018	582/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2953	Phạm Văn Nghĩa	BĐ-98345-TS	18,6	734	Gỗ	2018	1278/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2954	Nguyễn Thanh Hùng	BĐ-92352-TS	23	800	Gỗ	2018	132/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2955	Huỳnh Thị Thiên	BĐ-98327-TS	15,3	420	Gỗ	2012	758/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2956	Nguyễn Anh Tuấn	BĐ-98261-TS	17,2	816	Gỗ	2018	1840/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2957	Trần Văn Thôi	BĐ-98835-TS	16,8	718	Gỗ	2001	723/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2958	Huỳnh Bán	BĐ-98287-TS	17,5	710	Gỗ	2018	605/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2959	Nguyễn Thị Thắng	BĐ-98306-TS	17,5	820	Gỗ	2004	733/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2960	Nguyễn Văn Tàu	BĐ-98311-TS	17,8	812	Gỗ	2018	1498/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2961	Nguyễn Văn Lực	BĐ-98316-TS	17,7	734	Gỗ	2018	1166/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2962	Diệp Xuân Khánh	BĐ-98305-TS	17,4	734	Gỗ	2018	1525/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2963	Nguyễn Toàn	BĐ-98273-TS	17,2	734	Gỗ	2018	1942/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2964	Nguyễn Văn Chín	BĐ-98308-TS	17,7	800	Gỗ	2018	1557/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2965	Võ Nga	BĐ-98321-TS	17,5	755	Gỗ	2018	1664/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2966	Huỳnh Đứng	BĐ-98334-TS	18	860	Gỗ	2018	1265/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2967	Nguyễn Mẫn	BĐ-98263-TS	17,2	800	Gỗ	2018	2108/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

2968	Hồ Thị Thuận	BĐ-98315-TS	17,4	734	Gỗ	2018	1892/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2969	Hồ Lóc	BĐ-98317-TS	17,2	885	Gỗ	2018	2056/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2970	Nguyễn Văn Dũng	BĐ-98324-TS	17,1	750	Gỗ	2018	1267/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2971	Nguyễn Trọng Quý Đôn	BĐ-98326-TS	18,3	734	Gỗ	2018	1684/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2972	Nguyễn Hữu Tấn	BĐ-98356-TS	19,5	760	Gỗ	2018	2047/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2973	Phan Mến	BĐ-98250-TS	17,2	710	Gỗ	2018	1966/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2974	Huỳnh Văn Liên	BĐ-98329-TS	17,3	865	Gỗ	2018	1361/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2975	Trần Thị Mỹ Dung	BĐ-98357-TS	16,45	350	Gỗ	1992	1997/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2976	Trương Văn Trì	BĐ-98293-TS	18,2	770	Gỗ	2018	1968/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2977	Nguyễn Tường	BĐ-98333-TS	18,2	855	Gỗ	2018	2501/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2978	Nguyễn Văn Thao	BĐ-98379-TS	17,9	825	Gỗ	2018	2623/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2979	Nguyễn Thị Mùi	BĐ-98352-TS	19,2	755	Gỗ	2018	3037/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2980	Trần Văn Đức	BĐ-98269-TS	18,6	700	Gỗ	2018	101/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2981	Lê Thị Sang	BĐ-98347-TS	22,7	730	Gỗ	2018	1719/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
2982	Lê Văn Bình	BĐ-98348-TS	17,3	840	Gỗ	2018	2416/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2983	Huỳnh Phi Hào	BĐ-98398-TS	16,5	780	Gỗ	2012	2683/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2984	La Văn Minh	BĐ-98298-TS	18,25	755	Gỗ	2018	2860/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2985	Trương Đông	BĐ-98786-TS	17,6	740	Gỗ	2018	225/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2986	Võ Văn Lệ	BĐ-98397-TS	19,4	880	Gỗ	2017	2207/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2987	Nguyễn Văn Mến	BĐ-98322-TS	17,5	710	Gỗ	2018	2076/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2988	Phan Văn Tú	BĐ-98386-TS	19,8	700	Gỗ	2018	2470/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
2989	La Văn Dương	BĐ-98363-TS	17,5	734	Gỗ	2018	2954/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2990	Nguyễn Văn Sáng	BĐ-98344-TS	17,2	730	Gỗ	2018	2162/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2991	Ngô Thành Đẹp	BĐ-98648-TS	18	734	Gỗ	2018	336/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2992	Trương Văn Đoàn	BĐ-98270-TS	17,5	700	Gỗ	2018	3145/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2993	Nguyễn Ngọc Thắng	BĐ-98358-TS	16,6	500	Gỗ	2005	2707/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2994	Lê Minh Thông	BĐ-98371-TS	18,1	518	Gỗ	2006	1359/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2995	Nguyễn Thị Gái	BĐ-98381-TS	17,85	755	Gỗ	2018	2972/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2996	Lê Văn Đước	BĐ-98335-TS	18,5	816	Gỗ	2018	2681/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
2997	Nguyễn Văn Quốc	BĐ-98338-TS	18,2	740	Gỗ	2018	805/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
2998	Nguyễn Rân	BĐ-98290-TS	17,9	810	Gỗ	2018	873/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

2999	Huỳnh Xoàn	BĐ-98304-TS	17,25	734	Gỗ	2018	859/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3000	Nguyễn Văn Gân	BĐ-98312-TS	17,8	734	Gỗ	2018	759/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3001	Trần Văn Thuận	BĐ-98342-TS	17,9	734	Gỗ	2018	919/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3002	Huỳnh Văn Tiến	BĐ-98349-TS	17,7	816	Gỗ	2018	1345/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3003	Trương Lang	BĐ-98314-TS	17,85	840	Gỗ	2018	1084/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3004	Nguyễn Xuân Nhật	BĐ-98748-TS	17,6	770	Gỗ	2018	281/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3005	Tô Thanh Năng	BĐ-98408-TS	18,1	755	Gỗ	2018	802/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3006	Lê Thanh Tú	BĐ-99003-TS	17,7	895	Gỗ	2018	358/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3007	Phan Kha	BĐ-98435-TS	21,7	812	Gỗ	2018	867/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
3008	Nguyễn Thanh Sơn	BĐ-98374-TS	19,1	816	Gỗ	2018	1189/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3009	Nguyễn Văn Đạt	BĐ-98366-TS	18,2	700	Gỗ	2018	875/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3010	Trần Văn Toàn	BĐ-98372-TS	17,45	800	Gỗ	2018	864/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3011	Nguyễn On	BĐ-98375-TS	17,95	734	Gỗ	2018	941/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3012	Huỳnh Nhó	BĐ-98388-TS	17,6	734	Gỗ	2018	1347/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3013	Cao Minh Thuận	BĐ-98406-TS	19,7	734	Gỗ	2018	794/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
3014	Huỳnh Na	BĐ-98426-TS	21,5	700	Gỗ	2018	888/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3015	Bùi Thanh Thắng	BĐ-98439-TS	15,7	400	Gỗ	1999	1083/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3016	Phạm Phong	BĐ-98456-TS	17,9	755	Gỗ	2018	1374/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3017	Bùi Thị Kim Dung	BĐ-98351-TS	18,2	885	Gỗ	2018	796/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3018	Mai Xuân Chi	BĐ-98354-TS	17,7	734	Gỗ	2018	1251/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3019	Phan Sang	BĐ-98561-TS	17,7	734	Gỗ	2018	865/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3020	Lê Thị Ngọc	BĐ-98365-TS	17,8	740	Gỗ	2018	887/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3021	Bùi Văn Hoan	BĐ-98453-TS	18,6	760	Gỗ	2018	830/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3022	Huỳnh Thanh Anh	BĐ-98377-TS	18,7	816	Gỗ	2018	1342/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3023	Phan Văn Côi	BĐ-98378-TS	20,1	755	Gỗ	2018	1378/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3024	Trần Văn Tâm	BĐ-98914-TS	17,6	734	Gỗ	2018	615/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3025	Trần Lập	BĐ-98353-TS	17,5	765	Gỗ	2018	795/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3026	Trần Kiến	BĐ-98331-TS	17,45	734	Gỗ	2018	866/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3027	Phan Thanh Sang	BĐ-98332-TS	17,4	734	Gỗ	2018	1394/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3028	Nguyễn Kim Lợi	BĐ-98343-TS	18,2	770	Gỗ	2018	1433/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3029	Trần Văn Trí	BĐ-98389-TS	21,2	885	Gỗ	2018	1344/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	

3030	Trương Văn Lý	BĐ-98459-TS	17,6	750	Gỗ	2018	1263/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3031	Nguyễn Thị Đoan	BĐ-98781-TS	22,7	750	Gỗ	2018	651/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
3032	Phan Dự	BĐ-98383-TS	17,2	755	Gỗ	2018	1933/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3033	Trần Hồng	BĐ-98403-TS	17,65	734	Gỗ	2018	1839/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3034	Trần Minh Cường	BĐ-98417-TS	18,4	755	Gỗ	2018	1935/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3035	Hồ Văn Vương	BĐ-98376-TS	22	770	Gỗ	2018	1930/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
3036	Nguyễn Văn Tú	BĐ-98390-TS	22,5	800	Gỗ	2018	1225/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
3037	Hồ Thanh Cường	BĐ-98416-TS	21,5	910	Gỗ	2018	2033/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
3038	Nguyễn Ngọc Minh	BĐ-98156-TS	21,5	800	Gỗ	2018	1379/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
3039	Nguyễn Văn Lành	BĐ-98407-TS	17,5	770	Gỗ	2018	1995/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3040	Trương Anh Tuấn	BĐ-98419-TS	17,6	755	Gỗ	2018	2866/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3041	Lê Xuân Cảnh	BĐ-98489-TS	20,6	800	Gỗ	2018	42/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
3042	Hồ Thanh Tú	BĐ-98476-TS	16,3	400	Gỗ	2004	111/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3043	Trần Thôi	BĐ-98469-TS	18,2	830	Gỗ	2018	2429/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3044	Ngô Chúc	BĐ-98449-TS	17,5	820	Gỗ	2018	120/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3045	Trần Văn Lập	BĐ-98437-TS	21,4	750	Gỗ	2018	118/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
3046	Trần Thanh Sỹ	BĐ-98444-TS	21,9	820	Gỗ	2018	154/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
3047	Nguyễn Văn Trỗi	BĐ-98275-TS	18,1	885	Gỗ	2018	119/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3048	Nguyễn Văn Vương	BĐ-98496-TS	18,2	800	Gỗ	2018	175/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3049	Nguyễn Biễn	BĐ-98413-TS	17,3	730	Gỗ	2010	169/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3050	Lý Văn Trí	BĐ-98486-TS	18,7	734	Gỗ	2018	166/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3051	Trần Vặn	BĐ-98429-TS	18,4	740	Gỗ	2018	255/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3052	Võ Văn Trung	BĐ-98559-TS	17,8	875	Gỗ	2018	173/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3053	Trần Toàn	BĐ-98433-TS	22,2	910	Gỗ	2018	323/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
3054	Nguyễn Thanh Đê	BĐ-98428-TS	17,5	700	Gỗ	2018	359/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3055	Phan Văn Luyện	BĐ-98447-TS	17,7	755	Gỗ	2018	176/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3056	Nguyễn Luộm	BĐ-98478-TS	19	730	Gỗ	2018	361/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3057	Lê Văn Giỏi	BĐ-98480-TS	18,1	770	Gỗ	2018	395/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3058	Cao Luân	BĐ-98446-TS	18,1	816	Gỗ	2018	187/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3059	Phạm Thị Vân	BĐ-98468-TS	20,9	770	Gỗ	2018	179/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
3060	Trần Kim Huệ	BĐ-98464-TS	21	750	Gỗ	2018	362/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	

3061	Đỗ Thành Phương	BĐ-98367-TS	18,2	816	Gỗ	2018	400/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3062	Nguyễn Thanh Trúc	BĐ-98893-TS	18,3	708	Gỗ	2018	150/2021/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3063	Trần Thị Tuyết	BĐ-98497-TS	22,2	770	Gỗ	2018	513/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3064	Nguyễn Văn Quốc	BĐ-98405-TS	22,1	718	Gỗ	2018	364/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3065	Phạm Hải	BĐ-98452-TS	18	755	Gỗ	2018	203/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3066	Đinh Tú	BĐ-98467-TS	18,3	755	Gỗ	2018	202/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3067	Đỗ Văn Sơn	BĐ-98424-TS	22,7	816	Gỗ	2018	240/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3068	Nguyễn Văn Hồng	BĐ-98499-TS	17,8	740	Gỗ	2018	374/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3069	Nguyễn Ngọc Phong	BĐ-92182-TS	15,8	320	Gỗ	1994	2260/2019/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
3070	Đỗ Văn Răng	BĐ-98917-TS	20,3	835	Gỗ	2017	547/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
3071	Nguyễn Văn Nam	BĐ-92233-TS	22	770	Gỗ	2018	363/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3072	Trần Tạo	BĐ-92187-TS	22,6	830	Gỗ	2018	396/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3073	Lê Tấn Tài	BĐ-92362-TS	21,7	850	Gỗ	2018	300/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3074	Nguyễn Phi	BĐ-92145-TS	22,1	850	Gỗ	2018	438/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3075	Lê Đức Ảnh	BĐ-93791-TS	23	823	Gỗ	2018	553/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3076	Nguyễn Văn Chóng	BĐ-98471-TS	22,1	750	Gỗ	2018	405/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
3077	Phan Thanh Giáo	BĐ-92128-TS	22	910	Gỗ	2018	532/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3078	Nguyễn Phương Nam	BĐ-98479-TS	17,9	812	Gỗ	2018	454/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3079	Trần Đình Hiên	BĐ-92299-TS	23,7	860	Gỗ	2018	538/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3080	Lê Ngọc Hóa	BĐ-92217-TS	23,2	830	Gỗ	2018	113/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3081	Huỳnh Bá Ngọc	BĐ-92176-TS	19,9	460	Gỗ	2018	537/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3082	Phan Văn Mỹ	BĐ-92278-TS	15,3	380	Gỗ	2018	502/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3083	Trương Văn Cu	BĐ-92255-TS	18	330	Gỗ	2018	847/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3084	Hồ Thanh Tân	BĐ-98442-TS	18,05	762	Gỗ	2018	762/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3085	Mai Tiến	BĐ-98477-TS	18	762	Gỗ	2018	761/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3086	Phan Văn Thát	BĐ-98402-TS	18	762	Gỗ	2018	817/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3087	Trần Thị Thu Thủy	BĐ-98448-TS	18,1	800	Gỗ	2018	720/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3088	Dương Tấn Đạt	BĐ-92345-TS	23,9	1020	Gỗ	2018	705/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3089	Phạm Thị Gặp	BĐ-98485-TS	18,4	846	Gỗ	2018	818/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3090	Nguyễn Văn Tàu	BĐ-98470-TS	18,3	942	Gỗ	2018	822/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3091	Lê Thị Hiều	BĐ-98466-TS	18	700	Gỗ	2018	793/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	

3092	Nguyễn Văn Ánh	BĐ-98396-TS	18,2	770	Gỗ	2018	790/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3093	Trần Văn Trọng	BĐ-98487-TS	18,1	700	Gỗ	2018	791/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3094	Phan Văn Do	BĐ-98395-TS	18,4	762	Gỗ	2018	963/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3095	Trần Cu	BĐ-92168-TS	21,1	718	Gỗ	2018	533/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3096	Huỳnh Văn Thuận	BĐ-98498-TS	17,5	740	Gỗ	2018	1528/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3097	Nguyễn Thanh Mến	BĐ-98715-TS	18,2	708	Gỗ	2018	1224/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3098	Huỳnh Thị Hà Linh	BĐ-98649-TS	18,9	730	Gỗ	2018	1223/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3099	Nguyễn Xuân Thúc	BĐ-98505-TS	18	770	Gỗ	2019	1646/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3100	Lâm Công Phụng	BĐ-98506-TS	18,4	762	Gỗ	2019	1647/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3101	Huỳnh Kim Anh	BĐ-98578-TS	18,5	700	Gỗ	2019	1560/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3102	Phạm Thị Lê	BĐ-98777-TS	18,2	872	Gỗ	2019	1998/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3103	Trịnh Theo	BĐ-91575-TS	15,4	340	Gỗ	2010	345/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	
3104	Ngô Phi Thoàn	BĐ-98431-TS	18,35	700	Gỗ	2019	2327/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3105	Nguyễn Sang	BĐ-98430-TS	17,9	700	Gỗ	2019	2329/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3106	Nguyễn Đức Hải	BĐ-98597-TS	17,5	800	Gỗ	2019	2326/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3107	Trương Văn Mỹ	BĐ-98567-TS	18,5	700	Gỗ	2019	2331/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3108	Nguyễn Thị Thu Trúc	BĐ-98519-TS	18,1	734	Gỗ	2019	2378/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3109	Nguyễn Hữu Cơ	BĐ-98877-TS	18,5	700	Gỗ	2019	2767/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3110	Võ Như Giáp	BĐ-98789-TS	17,5	730	Gỗ	2019	2768/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3111	Lê Minh Huân	BĐ-98551-TS	19,2	820	Gỗ	2017	3402/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3112	Cái Ngọc Phát	BĐ-98923-TS	17,4	800	Gỗ	2014	649/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3113	Ngô Văn Tròn	BĐ-98992-TS	17,5	800	Gỗ	2019	3573/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3114	Đào Thêm	BĐ-98495-TS	18,4	700	Gỗ	2019	3616/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3115	Nguyễn Vân	BĐ-98538-TS	18	700	Gỗ	2019	3618/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3116	Lê Văn Chi	BĐ-98586-TS	18	700	Gỗ	2019	3619/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3117	Ngô Tấn Tài	BĐ-98536-TS	18	734	Gỗ	2019	3617/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3118	Hồ Văn Luận	BĐ-98465-TS	18	732	Gỗ	2019	3621/2019/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3119	Huỳnh Văn Đến	BĐ-98572-TS	18,2	780	Gỗ	2019	31/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3120	Phan Thành Sự	BĐ-98541-TS	18	855	Gỗ	2019	42/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3121	Phạm Văn Lãnh	BĐ-92339-TS	17,1	475	Gỗ	2006	148/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3122	Hà Ngọc Sâm	BĐ-95784-TS	17,9	380	Gỗ	2010	918/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	

3123	Trần Đình Sáng	BĐ-92219-TS	18,8	580	Gỗ	2019	286/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3124	Trương Thị Nở	BĐ-98899-TS	18,2	700	Gỗ	2020	297/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3125	Nguyễn Văn Dũng	BĐ-92215-TS	17,3	410	Gỗ	2019	395/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3126	Nguyễn Thị Thu Thảo	BĐ-98667-TS	18,1	700	Gỗ	2019	398/2020/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3127	Nguyễn Văn Ly	BĐ-92222-TS	15,8	350	Gỗ	2019	482/2020/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
3128	Nguyễn Thị Lượng	BĐ-93801-TS	15,1	715	Gỗ	2003	480/2020/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
3129	Nguyễn Văn Hoa	BĐ-92170-TS	19,4	450	Gỗ	2014	589/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3130	Võ Văn Đám	BĐ-92377-TS	20	700	Gỗ	2020	115/2021/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3131	Nguyễn Bùng	BĐ-93826-TS	21,5	800	Gỗ	2020	941/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
3132	Nguyễn Thị Hồng Huệ	BĐ-93844-TS	30,8	822	Thép	2016	89/2021/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
3133	Từ Minh Công	BĐ-93790-TS	19,9	744	Gỗ	2012	106/2021/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3134	Võ Thành Việt	BĐ-93834-TS	20	700	Gỗ	2012	889/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3135	Ngô Văn Hiền	BĐ-93853-TS	23,5	700	Gỗ	2016	17/2021/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
3136	Mai Thị Danh	BĐ-98736-TS	19,97	800	Gỗ	2014	942/2020/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
3137	Nguyễn Văn Dự	BĐ-98810-TS	18,1	720	Gỗ	2018	181/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3138	Đặng Chánh	BĐ-93881-TS	23,7	1000	Gỗ	2014	266/2021/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3139	Huỳnh Hữu Tài	BĐ-98809-TS	22,6	735	Gỗ	2013	192/2021/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3140	Ngô Trung	BĐ-98921-TS	18,1	755	Gỗ	2021	276/2021/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3141	Huỳnh Thị Minh Thúy	BĐ-99001-TS	18	770	Gỗ	2018	362/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3142	Trần Quang Thái	BĐ-98716-TS	17,1	770	Gỗ	1999	332/2021/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3143	Huỳnh Tấn Dương	BĐ-98712-TS	17,9	835	Gỗ	2011	331/2021/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3144	Nguyễn Quá	BĐ-98672-TS	17,5	760	Gỗ	2018	335/2021/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3145	Đoàn Trọng Thái	BĐ-98708-TS	18,45	740	Gỗ	1999	336/2021/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3146	Võ Chung	BĐ-98804-TS	17,5	800	Gỗ	2014	342/2021/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3147	Huỳnh Ga	BĐ-98705-TS	18	835	Gỗ	1996	345/2021/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3148	Đinh Còn	BĐ-98909-TS	19	800	Gỗ	2015	352/2021/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3149	Huỳnh Thị Gái	BĐ-98749-TS	18,1	705	Gỗ	2018	360/2021/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3150	Hồ Xuân Thanh	BĐ-98691-TS	18,05	735	Gỗ	2005	368/2021/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3151	Phan Mơi	BĐ-98813-TS	17	780	Gỗ	2016	373/2021/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3152	Kiều Thị Mực	BĐ-98855-TS	19,25	410	Gỗ	2014	371/2021/BĐ-GPKTTS	Nghề khác	
3153	Lê Thị Bình	BĐ-92539-TS	23,3	900	Gỗ	2015	162/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	

3154	Trần Quang Thái	BĐ-98711-TS	17,8	740	Gỗ	2013	417/2021/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngừ	
3155	Nguyễn Hữu Cơ	BĐ-98794-TS	18	740	Gỗ	2019	425/2021/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngừ	
3156	Lê Xuân Vinh	BĐ-98969-TS	21,8	650	Gỗ	2018	40/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3157	Vũ Thành Hoàng	BĐ-98884-TS	16,1	780	Gỗ	1996	58/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngừ	
3158	Nguyễn Văn Thường	BĐ-93867-TS	18,5	380	Gỗ	2002	110/2022/BĐ-GPKTTS	Câu	
3159	Nguyễn Duy Hường	BĐ-98988-TS	19,3	410	Gỗ	2015	26/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngừ	
3160	Đồng Văn Quốc	BĐ-93979-TS	19	725	Gỗ	2009	86/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
3161	Đặng Thị Tư	BĐ-93895-TS	15,2	715	Gỗ	2001	139/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngừ	
3162	Võ Văn Lệ	BĐ-98947-TS	17,8	740	Gỗ	1996	116/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngừ	
3163	Trần Hữu Phước	BĐ-92488-TS	17	700	Gỗ	2001	123/2023/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
3164	Nguyễn Văn Hòa	BĐ-93894-TS	21	754	Gỗ	1987	102/2022/BĐ-GPKTTS	Câu	
3165	Phan Xin	BĐ-98750-TS	17	780	Gỗ	2016	115/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngừ	
3166	Phạm Anh Trà	BĐ-93905-TS	15,3	400	Gỗ	1995	192/2022/BĐ-GPKTTS	Câu	
3167	Nguyễn Minh Phúc	BĐ-93909-TS	15	305	Gỗ	2008	Chưa cấp Giấy phép	Câu	
3168	Ngô Văn Phường	BĐ-98780-TS	17	720	Gỗ	2002	618/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngừ	
3169	Hồ Văn Hải	BĐ-92468-TS	22,7	750	Gỗ	2016	510/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3170	Trần Phúc	BĐ-92420-TS	22,7	750	Gỗ	2016	511/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3171	Nguyễn Thị Hồng Thanh Hương	BĐ-98945-TS	16,3	715	Gỗ	2006	521/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngừ	
3172	Hồ Tèo	BĐ-93919-TS	20,3	450	Gỗ	2015	579/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
3173	Lê Mến	BĐ-98925-TS	16,4	770	Gỗ	1991	596/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngừ	
3174	Trần Quang Hiền	BĐ-98806-TS	16,9	770	Gỗ	1997	609/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
3175	Tô Văn Sô	BĐ-92367-TS	16	400	Gỗ	2005	593/2022/BĐ-GPKTTS	Câu	
3176	Nguyễn Thành Danh	BĐ-92421-TS	22,92	755	Gỗ	2015	605/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3177	Võ Thị Xuyên	BĐ-98907-TS	16,5	400	Gỗ	2011	614/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngừ	
3178	Nguyễn Quang Trung	BĐ-93924-TS	24,5	730	Gỗ	2017	653/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
3179	Trần Ngọc Thắng	BĐ-92376-TS	15,9	420	Gỗ	2017	708/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3180	Trần Thị Thu Thắm	BĐ-93937-TS	15,85	410	Gỗ	2004	70/2023/BĐ-GPKTTS	Câu	
3181	Lê Thị Lan	BĐ-98883-TS	22,65	755	Gỗ	2015	694/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3182	Mai Thị Bích Hạnh	BĐ-98935-TS	17,45	780	Gỗ	2007	781/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngừ	
3183	Mai Thị Duy Lệ	BĐ-98864-TS	17,5	860	Gỗ	2005	718/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngừ	
3184	Mai Thị Duy Lệ	BĐ-98725-TS	18,5	844	Gỗ	2018	717/2022/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngừ	

3185	Mai Thị Duy Lê	BĐ-98862-TS	19,7	820	Gỗ	2016	719/2022/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
3186	Huỳnh Thiết	BĐ-98834-TS	15,1	760	Gỗ	2004	727/2022/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
3187	Võ Thị Thành Thê	BĐ-98738-TS	17,8	730	Gỗ	2017	755/2022/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
3188	Nguyễn Thị Hồng Thương	BĐ-98746-TS	17,2	740	Gỗ	2015	756/2022/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
3189	Võ Tú	BĐ-92355-TS	27,86	814	Thép	2016	770/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
3190	Huỳnh Xuân Minh	BĐ-92467-TS	18,3	720	Gỗ	2006	71/2023/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
3191	Hồ Văn Hùng	BĐ-92383-TS	16,4	400	Gỗ	1995	73/2023/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
3192	Trần Văn Minh	BĐ-92456-TS	16,1	700	Gỗ	2004	16/2023/BĐ-GPKTTS	Cầu	
3193	Nguyễn Thị Bé	BĐ-98934-TS	18,5	760	Gỗ	1997	11/2023/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
3194	Nguyễn Văn Hoàng	BĐ-92370-TS	20,8	863	Gỗ	2014	776/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3195	Trần Bôn	BĐ-92354-TS	15,8	725	Gỗ	1998	788/2022/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
3196	Võ Thanh Hòa	BĐ-92425-TS	16,9	718	Gỗ	2017	30/2023/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
3197	Nguyễn Xuân Tuấn	BĐ-98951-TS	17,8	920	Gỗ	2016	785/2022/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
3198	Phạm Thị Kim Phương	BĐ-98872-TS	17,17	844	Gỗ	1993	784/2022/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
3199	Cao Thị Liên	BĐ-98891-TS	18,3	804	Gỗ	2019	819/2022/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
3200	Ngô Văn Tuấn	BĐ-98873-TS	18,1	780	Gỗ	2018	810/2022/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
3201	Trần Văn Hàu	BĐ-98881-TS	17,6	764	Gỗ	2011	02/2023/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
3202	Nguyễn Thị Phúc	BĐ-98926-TS	18,6	730	Gỗ	2019	41/2023/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
3203	Phạm Văn Toàn	BĐ-98933-TS	26,1	900	Gỗ	2017	127/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3204	Nguyễn Thị Ánh Sương	BĐ-98979-TS	15,4	315	Gỗ	2011	85/2023/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
3205	Lê Thế Lương	BĐ-93953-TS	21,6	713	Gỗ	2015	137/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3206	Nguyễn Thị Thắm	BĐ-93969-TS	21,6	713	Gỗ	2015	134/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3207	Đỗ Thị Sách	BĐ-98990-TS	15	760	Gỗ	2013	92/2023/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
3208	Trần Văn Vịnh	BĐ-92449-TS	22,7	750	Gỗ	2017	95/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3209	Bùi Thị Hương	BĐ-93968-TS	17,6	735	Gỗ	2000	223/2023/BĐ-GPKTTS	Cầu	
3210	Nguyễn Trung Kiên	BĐ-91626-TS	16,5	406	Gỗ	1992	110/2023/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
3211	Nguyễn Trung Kiên	BĐ-91628-TS	18,3	406	Gỗ	1995	109/2023/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
3212	Võ Ổn	BĐ-98773-TS	16,5	428	Gỗ	1992	108/2023/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
3213	Nguyễn Văn Ly	BĐ-92322-TS	24,47	900	Gỗ	2016	220/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3214	Mai Hữu Quang	BĐ-98696-TS	23,2	710	Gỗ	2013	124/2023/BĐ-GPKTTS	Cầu cá ngư	
3215	Huỳnh Văn Đậu	BĐ-92424-TS	22,98	802	Gỗ	2014	161/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	

3216	Huỳnh Kích Cơ	BĐ-93988-TS	15,85	722	Gỗ	1993	180/2023/BĐ-GPKTTS	Câu	
3217	Nguyễn Ngọc Hòa	BĐ-98564-TS	22,1	410	Gỗ	2011	142/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3218	Ngô Văn Miên	BĐ-97192-TS	18,9	708	Gỗ	1992	145/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3219	Kiều Thị Mực	BĐ-98932-TS	20,2	464	Gỗ	2013	175/2023/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
3220	Lê Mến	BĐ-98714-TS	19,1	710	Gỗ	2012	166/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3221	Nguyễn Văn Châu	BĐ-99034-TS	18,4	730	Gỗ	2019	385/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3222	Nguyễn Văn Quốc	BĐ-98953-TS	17,9	825	Gỗ	2004	260/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3223	Nguyễn Văn Thắng	BĐ-98842-TS	17,1	963	Gỗ	2003	169/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3224	Võ Thị Phương Lan	BĐ-98973-TS	18,5	770	Gỗ	2016	168/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3225	Trần Quang Hiền	BĐ-98565-TS	20,4	823	Gỗ	2014	179/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3226	Nguyễn Đình Văn	BĐ-92486-TS	19	734	CPS	2023	178/2023/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
3227	Mai Thị Hoa	BĐ-98812-TS	16,56	500	Gỗ	2015	224/2023/BĐ-GPKTTS	Hậu cần	
3228	Lê Văn Thanh	BĐ-98844-TS	15,15	410	Gỗ	2015	229/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3229	Võ Thanh Can	BĐ-98766-TS	17	400	Gỗ	1999	203/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3230	Lê Xuân Tình	BĐ-98279-TS	21	800	CPS	2017	228/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
3231	Cái Văn Mới	BĐ-98763-TS	18,3	865	Gỗ	2006	266/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3232	Mai Ngọc Hải	BĐ-93977-TS	20,8	756	Gỗ	2017	259/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	
3233	Huỳnh Nam	BĐ-93808-TS	15,1	450	Gỗ	2010	274/2023/BĐ-GPKTTS	Câu	
3234	Phạm Khắc Điệp	BĐ-98528-TS	15,9	409	Gỗ	2004	272/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới rê	
3235	Trần Quang Hiền	BĐ-98380-TS	17,25	710	Gỗ	1996	302/2023/BĐ-GPKTTS	Câu	
3236	Đỗ Phó	BĐ-92382-TS	21,6	713	Gỗ	2015	Chưa cấp Giấy phép	Lưới vây	
3237	Lê Thị Gái	BĐ-98833-TS	24	829	CPS	2017	342/2023/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3238	Đào Văn Sơn	BĐ-92447-TS	19,7	540	Gỗ	2013	331/2023/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3239	Huỳnh Chánh Thi	BĐ-99007-TS	22	770	Gỗ	2015	18/2024/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3240	Nguyễn Thành Tuấn	BĐ-99002-TS	23,2	860	Gỗ	2011	16/2024/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3241	Nguyễn Văn Lu	BĐ-99021-TS	19	460	Gỗ	2014	26/2024/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3242	Võ Văn Tánh	BĐ-99038-TS	25	822	Gỗ	2016	Chưa cấp Giấy phép	Lưới chụp	
3243	Kiều Ngọc Sơn	BĐ-99031-TS	15,7	416	Gỗ	2005	28/2024/BĐ-GPKTTS	Câu cá ngư	
3244	Nguyễn Văn Sen	BĐ-99049-TS	21,6	822,8	Gỗ	2016	Chưa cấp Giấy phép	Lưới vây	
3245	Phan Văn Triều	BĐ-99057-TS	24	829	CPS	2017	100/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	
3246	Trần Văn Minh	BĐ-99062-TS	18,5	770	Gỗ	2015	Chưa cấp Giấy phép	Câu	

3247	Đặng Ngọc Tuấn	BĐ-91222-TS	15,2	350	Gỗ	2004	1795/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	Đã xóa đăng ký, chủ tàu chưa rút hồ sơ gốc và làm thủ tục chuyển hạn ngạch
3248	Lê Văn Thái	BĐ-99016-TS	31,31	940	Thép	2016	740/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	Đã xóa đăng ký, chủ tàu chưa rút hồ sơ gốc và làm thủ tục chuyển hạn ngạch
3249	Nguyễn Đình Thứ	BĐ-91439-TS	15,6	410	Gỗ	2000	3511/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới kéo	Đã xóa đăng ký, chủ tàu chưa rút hồ sơ gốc và làm thủ tục chuyển hạn ngạch
3250	Trần Anh Dũng	BĐ-94364-TS	15,3	170	Gỗ	1993	2129/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	Đã xóa đăng ký, chủ tàu chưa rút hồ sơ gốc và làm thủ tục chuyển hạn ngạch
3251	Lê Thanh Phú	BĐ-94119-TS	16,9	320	Gỗ	1999	673/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	Đã xóa đăng ký, chủ tàu chưa rút hồ sơ gốc và làm thủ tục chuyển hạn ngạch
3252	Võ Tuấn	BĐ-99018-TS	28	811	Thép	2016	1436/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	Đã xóa đăng ký, chủ tàu chưa rút hồ sơ gốc và làm thủ tục chuyển hạn ngạch
3253	Nguyễn Văn Lý	BĐ-99004-TS	28	811	Thép	2016	340/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	Đã xóa đăng ký, chủ tàu chưa rút hồ sơ gốc và làm thủ tục chuyển hạn ngạch
3254	Nguyễn Văn Mạnh	BĐ-99567-TS	28	811	Thép	2016	133/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	Đã xóa đăng ký, chủ tàu chưa rút hồ sơ gốc và làm thủ tục chuyển hạn ngạch
3255	Trần Đình Sơn	BĐ-99245-TS	29,1	880	Thép	2016	2505/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	Đã xóa đăng ký, chủ tàu chưa rút hồ sơ gốc và làm thủ tục chuyển hạn ngạch
3256	Trần Minh Sú	BĐ-99539-TS	29,1	880	Thép	2016	129/2021/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	Đã xóa đăng ký, chủ tàu chưa rút hồ sơ gốc và làm thủ tục chuyển hạn ngạch
3257	Lê Văn Chiều	BĐ-99786-TS	30,8	822	Thép	2016	370/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	Đã xóa đăng ký, chủ tàu chưa rút hồ sơ gốc và làm thủ tục chuyển hạn ngạch
3258	Huỳnh Duy Tùng	BĐ-99359-TS	28,48	822	Thép	2016	3116/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	Đã xóa đăng ký, chủ tàu chưa rút hồ sơ gốc và làm thủ tục chuyển hạn ngạch
3259	Trịnh Võ Ngọc Nhon	BĐ-99879-TS	30,8	822	Thép	2016	194/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	Đã xóa đăng ký, chủ tàu chưa rút hồ sơ gốc và làm thủ tục chuyển hạn ngạch
3260	Ngô Văn Chí	BĐ-99789-TS	30,8	822	Thép	2016	3712/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	Đã xóa đăng ký, chủ tàu chưa rút hồ sơ gốc và làm thủ tục chuyển hạn ngạch
3261	Trần Văn Cầu	BĐ-99889-TS	28,48	822	Thép	2016	3718/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	Đã xóa đăng ký, chủ tàu chưa rút hồ sơ gốc và làm thủ tục chuyển hạn ngạch
3262	Trần Thanh Hùng	BĐ-99759-TS	25,01	825	Thép	2016	500/2020/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	Đã xóa đăng ký, chủ tàu chưa rút hồ sơ gốc và làm thủ tục chuyển hạn ngạch
3263	Nguyễn Thanh Tùng	BĐ-91151-TS	15,8	320	Gỗ	2004	3624/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	Đã xóa đăng ký, chủ tàu chưa rút hồ sơ gốc và làm thủ tục chuyển hạn ngạch
3264	Trần Văn Hoàng	BĐ-93342-TS	15,9	400	Gỗ	2005	2063/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	Đã xóa đăng ký, chủ tàu chưa rút hồ sơ gốc và làm thủ tục chuyển hạn ngạch
3265	Võ Văn Sĩ	BĐ-95847-TS	19,2	400	Gỗ	2005	3648/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	Đã xóa đăng ký, chủ tàu chưa rút hồ sơ gốc và làm thủ tục chuyển hạn ngạch

3266	Võ Văn Thành	BĐ-96895-TS	17,8	400	Gỗ	2012	2523/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới chụp	Đã xóa đăng ký, chủ tàu chưa rút hồ sơ gốc và làm thủ tục chuyển hạn ngạch
3267	Bùi Văn Dân	BĐ-97901-TS	15,9	460	Gỗ	2016	407/2019/BĐ-GPKTTS	Câu	Đã xóa đăng ký, chủ tàu chưa rút hồ sơ gốc và làm thủ tục chuyển hạn ngạch
3268	Phạm Văn Thạnh	BĐ-91075-TS	15,95	400	Gỗ	2002	275/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	Đã xóa đăng ký, chủ tàu chưa rút hồ sơ gốc và làm thủ tục chuyển hạn ngạch
3269	Lê Bình Thi	BĐ-92109-TS	15,2	360	Gỗ	2002	2878/2019/BĐ-GPKTTS	Lưới vây	Đã xóa đăng ký, chủ tàu chưa rút hồ sơ gốc và làm thủ tục chuyển hạn ngạch
3270	Trần Thanh Tùng		21,5	708	Gỗ			Câu	Đã cấp văn bản chấp thuận cho nhập tàu cá QNa-91495-TS
3271	Nguyễn Duy Tâm		18,8	750	Gỗ			Câu	Đã cấp văn bản chấp thuận cho nhập tàu cá QNa-91218-TS
3272	Trương Khải Kiệt		22	708	Gỗ			Câu	Đã cấp văn bản chấp thuận cho nhập tàu cá QNa-91544-TS
3273	Nguyễn Minh Phúc		19,3	380	Gỗ			Lưới chụp	Đã cấp văn bản chấp thuận cho nhập tàu cá NA-93626-TS
3274	Nguyễn Trung Lập		17,4	811	Gỗ			Câu	Đã cấp văn bản chấp thuận cho nhập tàu cá QNa-91366-TS
3275	Nguyễn Trung Lập		20,7	897	Gỗ			Câu	Đã cấp văn bản chấp thuận cho nhập tàu cá QNg-98770-TS
3276	Nguyễn Văn Liên		15,8	66	Gỗ			Lưới vây	Đã cấp văn bản chấp thuận cho nhập tàu cá BV-7499-TS
3277	Phạm Cường		19,9	910	Gỗ			Lưới chụp	Đã cấp văn bản chấp thuận cho nhập tàu cá QB-92780-TS
3278	Trần Trung Trực		18,7	730	Gỗ			Lưới vây	Đã cấp văn bản chấp thuận cho nhập tàu cá BV-98074-TS

Tổng số tàu cá: 3.278 chiếc

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH

Phụ lục III
KẾT QUẢ CẤP PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày / /2024 của UBND tỉnh Bình Định)

Dvt: Chiếc

TT	Nội dung	Số lượng tàu cá theo chiều dài				Tổng
		6-<12m	12-<15m	15-<24m	24m trở lên	
1	Nghề lưới kéo	0	199	59	0	258
2	Nghề lưới vây	63	120	1.028	28	1.239
3	Nghề lưới rê	260	37	51	1	349
4	Nghề câu (trừ nghề câu cá ngừ đại dương)	184	269	202	0	655
5	Nghề câu cá ngừ đại dương	0	8	1.447	0	1.455
6	Nghề chụp	0	15	255	15	285
7	Nghề hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản	40	61	101	1	203
8	Nghề khác	327	16	36	0	379
Tổng cộng		874	725	3.179	45	4.823

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH